

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Đặng Văn Sinh

#### Tiểu sử

Tuổi Đinh Hợi - Quê quán : An Bình, Nam Sách, Hải Dương  
Hiện về hưu và đang ở trong nước.

#### Tác phẩm

Tập truyện ngắn: Nước mắt của biển, Áo ảnh, Đêm trắng Tả Giàng, Rừng Ken Chải.  
Tiểu thuyết: Người đàn bà trong lửa, Ga tàu, Hoa mặt dại, Bến Lở, Ký ức làng Cù.



### Mục Lục

**Bến Phù Dung – 2**

**Chị Hà – 9**

**Vợ cũ - 16**

#### Phụ đính:

Điều vắn của người quét chợ - Người thả ống lươn - Công ty "vet"  
Cây mít tổ nữ - Đêm trắng Tả Giàng – Đò đêm – Chuyển kiếp

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Bến Phù Dung

Được tin ông Quỳnh ốm nặng tôi vội thu xếp công việc về thăm. Nghề của tôi là lái ca nô lai dất xà lan, chỉ những dịp nghỉ phép hoặc tết nhất mới được ở nhà lâu, còn quanh năm rong ruổi trên khắp các dòng sông, đêm ngày làm bạn cùng mây trời sóng nước. Ông Quỳnh với nhà tôi thật ra chẳng dây mơ rễ má gì nhưng lại có ơn cứu tử. Cái ơn ấy đối với tôi, dù chết cũng không thể báo đáp được. Chuyện xảy ra khi tôi mới mười một tuổi, hàng ngày thường cùng đám bạn choai choai, cưỡi truồng, quần quần đùi lên đầu, cưỡi trâu bơi qua sông sang cồn Láng thả. Đạo ấy đã cuối mùa mưa nhưng nước sông vẫn còn đục ngầu, vỗ oàm oạp vào bờ. Chúng tôi bất chấp những lời răn dạy của người lớn, cứ cho trâu ra bến. Lũ trâu, hàng tháng trời bị buộc trong chuồng, toàn nhai rơm khô, xót ruột, nhìn thấy vạt cỏ xanh bên kia sông, mắt sáng lên, vươn cổ kêu ọ ọ đây về phần khích rồi thũng thảng bước xuống nước. Chưa đầy một khắc, đàn trâu lần lượt tấp lên bờ cát, riêng con Nghênh của nhà tôi, chẳng hiểu làm sao cứ trôi xuôi dòng, hết nhô lên nhô lên lại ngụp xuống như là sắp chìm đến nơi. Hoảng quá, tôi kêu toáng lên nhưng có lẽ chẳng ai nghe thấy. Tôi thoáng nghĩ đến thằng Vọt chết đuối năm ngoái ở cống Ba Kèo. Phen này thì hết đời rồi. Vừa nghĩ được đến đấy nước đã xộc vào miệng. Tôi chơi vơi quơ quạng chân tay nhưng không còn chỗ nào bấu víu. Con trâu có lẽ đã bị vực xoáy cuốn đi...

Đến gần tối, tỉnh lại, tôi mới biết mình được cứu sống. Người cứu tôi chính là ông Quỳnh, lúc ấy đang thả lưới trên sông. Ông kể lại, khi thấy đũa tre nhấp nhô gần vực Hà Bá, ông vội buông tay lưới, nhẩy ào xuống nước nhưng cũng phải mất khá nhiều thời gian mới túm được chân rồi dìu vào bờ cá phía cồn Láng.

Vậy mà đã hai mươi sáu năm. Thời gian đúng là một cỗ máy vô tình, dừng dừng huỷ hoại con người. Vừa nhìn thấy tôi, Ông Quỳnh, giờ đã là một cụ già hom hem, gương mặt hốc hác cổ nứt ra nụ cười nhăn nhúm :

- Mệnh của tôi sắp hết nhưng chưa chết ngay được. Trước khi về với tổ tiên, tôi muốn cậu cho xuống thuyền xuôi về bến Phù Dung thăm lại dòng sông.

Tất nhiên là phải chiều theo ý ông già. Tôi mượn được chiếc thuyền gỗ có mui, mang theo ít đồ ăn, và thế là hai bác cháu trở thành những kẻ lãng du trên dòng sông Lãng theo một hành trình hoàn toàn tùy hứng. Lúc này đã là cuối tháng chín ta mà thời tiết khá thất thường. Dòng sông đang nhập nhoà trong màn mưa bụi giăng giăng bỗng như loé lên thứ màu ngọc lục khi ánh mặt trời vàng óng xuyên qua lớp mây trắng nõn đang lờn vờn trên chóp cao nhất của dãy Yên Tử xa mờ. Thuyền đi được một quãng khá xa. Ông Quỳnh ngòai ngay cửa khoang, lưng dựa vào cái chần cuộn lại, mắt đắm ăm nhìn dòng sông. Tôi gần như để mặc con thuyền xuôi dòng, chỉ thỉnh thoảng khoáy nhẹ mái chèo cho nó trôi đúng hướng, còn phần lớn thời gian là ngắm trời ngắm đất, nhất là những vạt ngô non trên bãi sa bồi đang lao xao trong những đợt heo may đầu mùa. Một cặp cò trắng từ bên kia cồn Láng, thả đàn độ cao, nhịp nhàng vỗ cánh lướt trên mặt sông như là muốn soi gương trang điểm trước khi đáp xuống cánh bãi bên đầm Vực.

Qua bến Đụn, những con sóng óc ách vỗ vào kè đá bờ bên lở. Thấp thoáng dưới hạ lưu vài ba chiếc thuyền lưới bén mỏng manh với nhịp gõ đều đều, khô khốc chẳng khác gì tiếng gọi bạn của loài cà cộ lúc trời chiều đỏ bóng. Ngay trước mũi thuyền, mấy chú le le mỏ xám đập dềnh trên mặt nước màu gạch cua, thỉnh thoảng lại chúi đầu xuống, cái đuôi dựng đứng, ngoáy một vòng, có vẻ như muốn khoe những chiếc lông cườm xanh biếc lông lánh dưới ánh mặt trời.

Còn lâu mới đến bến Phù Dung. Khúc sông này tự nhiên nở rộng ra. Một con đò dọc chở khách trảy hội đền Vàng cắm lá cờ thần to như cái chiếu bay phàn phật. Từ trong khoang thuyền văng

vẳng tiếng đàn châu văn long bong. Ông Quỳnh lặng lẽ ngắm con đò, bất giác chép miệng bảo :

- Ngày trước tôi cũng có hơn chục năm làm nghề này.

Tôi hơi bị bất ngờ, vì vẫn nghĩ, từ sau khi đi khỏi làng, ông bỏ hẳn nghề sông nước .

- Sao bảo bác ra Hồng Quảng là thợ mỏ ?

Ông thẫn thờ nhìn quanh như muốn tìm lại một cái gì đó có thể là những mẩu vụn ký ức đang bị lớp lớp những con sóng nhỏ lăn tăn xô dần vào bờ cát. Ông thở dài gật đầu :

- Phải , nhưng mãi về sau này cơ. Mà thôi, cậu không phải hỏi nữa, để tôi kể...

\*\*\*

Vào khoảng giữa năm năm mươi, làng Gành quê tôi vỡ đê, nước ngập trắng cả mấy tổng vùng Tam Xá, chết nhiều người lắm. Sau khi nước rút, đồng điền xơ xác. Đói quá, dân bỏ làng kéo nhau từng đoàn đi ăn mày. Nhà tôi có sáu người thì năm làm mồi cho Hà Bá. Năm ấy tôi mới chớm mười sáu, đang tuổi ăn tuổi lớn, gặp cảnh cơ hàn, khổ lắm.

Theo đoàn hành khất, ngày đêm vật vờ như những bóng ma, thỉnh thoảng chúng tôi lại chứng kiến cảnh một vài người gục xuống đường quan. Họ ngã xuống để rồi không bao giờ đứng dậy nữa. Đi rạc cẳng, độ già nửa tháng thì đoàn khất thực tan tác mỗi người một nơi. Kẻ chết đói, người chết bệnh, số khác đem tẩm thân còm cõi dạt vào các làng vùng Ba Tổng làm thuê, chỉ mình tôi lang thang dọc theo triền sông Lãng chẳng có mục đích gì rõ ràng. Ngày thứ ba, rồi cũng đến một bến đò gần ngã ba Mòi, vô kế khả thi, tôi đói, đành phải lần ra các bãi ven sông tìm những bắp ngô còn sót lại sau vụ thu hoạch nướng ăn.

Dưới bến có chiếc đò dọc đã neo máy ngày chờ hàng. Đó là loại thuyền gỗ không lớn lắm, buồm cánh dơi, chuyên chở hàng nông sản đi khắp các tổng thuộc hạ nguồn sông Lãng. Chủ thuyền là anh Trác, mới khoảng ba chục tuổi mà trông chẳng khác gì ông già năm mươi bởi cái dáng người lòng không và mái tóc sớm muối tiêu đầy vẻ phong trần. Cùng đi với anh Trác còn có chị Nhuận và cái Nhụy chừng mười một, mười hai tuổi, tóc đỏ như râu ngô. Chị Nhuận là một thiếu phụ còn trẻ, có khi chưa đến hai bảy, người dong dong, thất đày lạng ong nhưng chẳng hiểu sao chỉ có mỗi mụn con gái. Mọi công việc từ bốc dỡ hàng đến chống sào, bẻ lái, chị làm băng băng, khác hẳn ông chồng hom hem, lúc nào cũng lừ khừ như người vừa ốm dậy. Mãi sau này tôi mới biết, anh Trác bị bệnh suyễn kinh niên. Nghề chạy đò dọc là quá sức nhưng chị vợ ham làm giàu chẳng máy để ý đến sức khoẻ của chồng.

Dịp ấy đã qua mùa lũ, sắp đến tiết bạch lộ. Còn Vành phơi màu vàng nhạt giữa ngã ba sông. Đứng trên bến Phù Dung có thể nhìn rõ những vòng khoai mới trồng trên bãi phù sa giữa những bãi cỏ xanh thẫm. Hoa bìm bìm tím và hoa vòi voi lốm đốm giữa đám tầm bốp sai trĩu quả. Quả tầm bốp mọc thành từng chùm đang độ chín, thỉnh thoảng gặp ngọn heo may khẽ đung đưa như những chiếc đèn lồng bọc lụa vàng óng. Hoa bồ công anh hăng hắc như mùi bạc hà nở rộ trên khắp các bãi hoang. Một cây bàng ba tầng tán đứng chơ vơ trên gò đất hình con voi quỳ cao hơn hẳn mặt cồn. Dưới gốc bàng là mấy gian quán cột đá lợp ngói âm dương để vào thời vụ, dân quanh vùng làm đồng nghỉ ngơi tránh nắng. Trên cao tít, vòm trời xanh màu lá non, một con diều đang chao lượn. Con diều khá lớn, được neo bằng dây gai to như sợi thừng, thả vào không gian những âm thanh du dương của chùm sáo kếp chẳng khác gì một dàn hoà tấu.

Nằm trên cỏ, gối đầu lên tay nải, bụng lép kẹp nhưng tôi vẫn mãi mê lắng nghe tiếng sáo vô cùng quyến rũ từ trên trời vọng xuống. Đang lim dim mắt nghe tiếng sáo vừa thắm ước lượng kích cỡ chiếc diều thì người thiếu phụ, vợ anh Trác từ dưới bến đi lên, liếc xéo tôi một cái rồi hỏi bằng một giọng dửng dưng :

- Cậu đi đâu mà nằm ườn ra thế này?

Tôi trả lời nhát gừng :

- Chẳng đi đâu cả.

- Cậu này nói lạ. - Chị ta nguyệt tôi, giọng hơi chua - Bị bố mẹ tống ra khỏi nhà phải không ?

Tôi khịt mũi nhồm đậy :

- Thích thì nằm đây. Chị đừng có mà ăn ốc nói mò...

Chị Nhuận cười nửa miệng :

- Trông bộ dạng cậu kia, chắc là đang đói phải không ?

Điều ấy thì chẳng phải bàn cãi. Bây giờ mà có nồi bẫy cơm với dùm muối rang tôi cũng đánh bằng hết. Nhưng tôi không thích cái kiểu bắt thóp của người đàn bà xinh đẹp có cặp mắt đầy vẻ giễu cợt kia nên tức mình văng tục :

- Việc đêch gì đến nhà chị mà chỗ mồm vào.

Người đàn bà đã toan bỏ đi, chẳng biết nghĩ ngợi thế nào quay lại bảo :

- Hỏi thế vì tôi đang cần người làm. Cậu có muốn đi đờ dọc không ?

Tôi nghĩ chị ta chế nhạo mình liền hỏi cộc lốc :

- Làm gì ?

- Chống sào.

Nhìn vào mắt người thiếu phụ lúc ấy tôi có dự cảm chị ta không đùa liền chớp ngay lấy thời cơ trước khi chết đói :

- Chị thuê thật à ?

- Tôi không nói chơi. - Người đàn bà hát hăm - Thuyền đậu dưới bến kia. Đã hai hôm nay để ý thấy cậu lang thang dọc bờ sông, tôi đoán cậu từ xa đến đây.

- Chị nói đúng. Tôi vùng Kẻ Gành vùng Tam Xá mới bị vỡ đê tháng trước...

Coi như hôm ấy tôi gặp may. Có lẽ lúc ra khỏi làng tôi bước chân phải trước. Công việc khá vất vả. Ngoài chống thuyền những khi ngược nước, tôi còn đảm nhận chức năng cứu vạt, nghĩa là cùng với chị Nhuận, cái Nhụy bocc hàng lên xuống mỗi khi thuyền cập bến. Được ăn uống no đủ, sức vóc tôi lại rất nhanh. Chưa đầy nửa tháng tôi đã bê những sọt dừa hầu nặng bốn năm chục cân chạy huỳnh huých suốt buổi mà không biết mệt. Chị Nhuận thích lắm bảo :

- Cậu làm ăn tốt lắm, cứ ở đây với anh chị, đừng đi đâu nữa.

Nghề đờ dọc thích nhất là những lúc sóng êm, gió thuận. giữa trời nước bao la, con thuyền bồng bênh, cánh buồm no gió phồng lên ngả màu nâu sẫm dưới ánh trăng thượng tuần. Có khi mặt nước lặng sóng phẳng như tấm gương phản chiếu bầu trời đêm với hàng hà sa ngôi sao xanh mờ hồ từ dải Ngân hà xa xôi. Những lúc thanh nhàn như thế, tôi thường cùng cái Nhụy ngồi trên sạp thuyền nhắm ông Thần Nông và con vịt đang lặn ngụp bên bờ sông Ngân rồi khe khẽ cất tiếng hò một điệu hò sông nước. Tiếng ngân nga của hai đứa lọt thỏm vào giữa không gian mênh mông. Ngắm sao chán lại lặn ra ngủ. Có lần ngủ say, thuyền chòng chành, bàn tay tôi vô tình dặt lên ngực cái Nhụy. Nó bậm môi lại ( tôi nghĩ vậy vì đây là thói quen mỗi khi nó tức giận người khác), chẳng nói chẳng rằng, hát mạnh ra rồi chui vào khoang. Vì chuyện ấy, Nhụy giận tôi mất mấy ngày, thanh minh thế nào nó cũng không nghe.

Khổ nhất là những khi ngược nước, gió trái chiều, tôi phải quàng thùng vào vai, chân trần, khom lưng kéo con thuyền nặng nề nhích dần từng bước theo triền sông. Dấu chân có ngón cái choãi ra của tôi in hằn trên lớp phù sa đỏ, dẻo quánh như nhựa đường. Dưới thuyền, anh Trác tỳ sào vào vai, chạy từ mũi đến lái, dùng hết sức bình sinh, có khi cong cả con sào. Giọng thuyền ngược nước mệt lắm. Nhiều lúc thấy chòng đuối sức, chị Nhuận phải làm thay. Chị cũng đặt đầu sào vào hõm vai, ngay phía trên bộ ngực đồ sộ, đẩy thuyền một cách kiên nhẫn. Tôi cho rằng cặp vú của chị có khả năng đàn hồi tuyệt vời. Nó giống miếng đệm lò so làm chị ít cảm thấy đau. Nhưng thật ra không phải thế. Buổi tối, trước khi đi ngủ, chị thường lấy rượu

ngâm củ gấu tàu bơi khắp vùng ngực rồi lặng lẽ xoa bóp. Sau này tôi mới hiểu, bất cứ thứ gì đụng chạm vào vú đàn bà cũng đau trừ bàn tay đàn ông và bé em bú mẹ.

Từ khi tôi thành người làm công, khoang thuyền chật hẹp được chia làm hai ngăn bằng một vách thưng có thể tháo ra một cách dễ dàng. Cái Nhụy nằm ngủ với mẹ, tôi và anh Trác nằm ngoài. Những đêm mưa phùn gió bắc, anh Trác vào với chị Nhuận, cái Nhụy lại nhoai ra nằm bên tôi. Lúc phía trong có tiếng lịch kịch rồi chị nhuận khẽ rên rĩ giống người bị bóp cổ thở hổn hển, cái Nhụy làm như mê ngủ ôm cứng lấy tôi. Tôi sợ lắm nhưng cũng giả vờ ngủ say, có điều người nóng ran, tim đập thon thót. Một lúc sau anh Trác chui ra, hai đứa vôi rời nhau.

\*\*\*

Thời gian thật nhanh, thềm thoát đã năm năm trôi qua. nghề sông nước và cuộc sống nay đây mai đó khắp các xứ đông đảo đã biến tôi thành một gã lấm mớ mộng hão huyền và thích phiêu lưu. Nhụy cũng trở thành thiếu nữ lúc nào không hay. Cô có làn da hơi sẫm màu của dân vạn đò, cặp chân mày rộng và cái mũi dọc dừa rất thanh nhưng không xinh bằng mẹ. Chị Nhuận thì trái lại, cặp mắt bồ câu đen và sâu như không có đáy. Quanh năm gội nắng gội mưa mà nước da vẫn mịn màng chẳng khác gì một phụ nữ tỉnh thành quen nếp sống đài các, bóng chốc hoá thân thành bà chủ đồ dọc đi khắp các bến bờ tìm người trong mộng. Khác với chị em cùng lứa, chị nhuận không nhuộm răng đen. Hàm răng chị đều tăm tắp, trắng bóng như men sứ. nét cười của chị lúc nào cũng dịu dàng nhưng bí ẩn thoáng chút giễu cợt luôn làm cánh đàn ông xao xuyến. Là con gái mà Nhụy bơi giỏi hơn cả tôi. Cô ta lặn ngụp dưới sông như rái cá. Mỗi khi từ dưới nước ngoi lên, mái tóc dày bết lại, nhờn nhờn thứ phù sa non, trông chẳng khác gì đám rễ bèo tây ở vùng cửa sông. Tính Nhụy có phần bộc tuệch, gặp gì nói nấy, giống hệt anh Trác, chẳng để bụng giận ai lâu, thế mà một lần tôi vẫn bị mắc lừa.

Chuyện xảy ra vào đầu mùa lũ năm Mùi. Chúng tôi chở bí xanh từ bến Trảng xuống mái vạn chà Hải Tân. Thuyền đỗ nửa ngày ở ngã ba chợ Cháy để chị Nhuận lên bờ lấy tiền hàng. Anh Trác mệt nằm trong khoang. Nhụy nấu cơm xong bảo tôi :

- Anh Quỳnh câu mấy con cá chóc rán ăn, em tắm một cái.

Nói rồi cô nhảy xuống sông. Tôi mãi nhìn theo vệt tăm một con cá vừa nháy mồi, đến khi ngẩng lên thì không thấy Nhụy đâu cả vội quẳng cần câu nhảy xuống nước. Thật may, chỉ với bốn năm cú nhòai tôi đã tôi đã túm được cô gái lúc này đang lập lờ cách thuyền một đoạn không xa. Vốn đã có kinh nghiệm trong việc cứu người chết đuối, tôi để Nhụy gối đầu lên vai, vòng tay ngang bụng rồi diu về thuyền. Gió đã bắt đầu mạnh lên. trời nắng gắt. Đầu cô gái cứ ngật nghèo theo nhịp sóng lười búa."Chắc là uống nhiều nước, phải bơi thẳng vào bờ, vác ngược lên vai, chạy một đoạn thì may ra mới cứu được". Tôi vừa thoáng nghĩ đến đó thì bất ngờ Nhụy ngẩng đầu lên, oằn người tuột khỏi tay tôi rồi lặn một mạch. Tôi nhoài theo định túm lấy chân mà không kịp. Chỉ một loáng cô ta đã ngồi trên kè đá, vừa vuốt mớ tóc dính nhớp nháp phù sa vừa bĩu môi vẻ cong cớn :

- Tưởng người ta chết đuối hả ? Còn lâu nhá !

Tôi cũng leo lên ngồi bên cạnh, lấy ngón tay ấn vào trán Nhụy đe :

- Lần sau mà rơi xuống sông đừng hòng anh đây cứu.

Nhụy cười để lộ chiếc răng khểnh bị sứt một miếng ở hàm bên trái trông rất nghịch ngợm :

- Đùa một tí xem tấm lòng "người ta" thế nào thôi chứ con gái nhà đò chết đuối làm sao được.

Xem ra chuyện của chúng tôi không qua được mắt vợ chồng anh Trác. Anh Trác có ý muốn tác thành nhưng chị Nhuận thì hầu như chẳng có thái độ gì. Cách đây mấy ngày, lần chở khoai sọ đi Thủy Nguyên, có một ông ký hoả xa cùng quê Kế Sung đánh tiếng muốn hỏi Nhụy cho cậu con trai út. Biết chuyện, cô ta giã nảy lên, doạ sẽ nhảy xuống sông tự tử nếu bố mẹ ép duyên.

Chị Nhuận tức mình bảo :

- Con với cái. Cá không ăn muối cá ươn. Mà định suốt đời làm dân vạn đò à?

Cô con gái gật đầu, giọng thản nhiên như không :

- Con nói thật đấy.

\*\*\*

Nhưng rồi ít lâu sau có chuyện xảy ra. Chuyến ấy thuyền chở đầy dưa hấu Sài Sơn, chúng tôi rời bến được nửa ngày thì một cơn bão bất ngờ ập tới. Đó là cơn bão năm Thân. Lúc bấy giờ là cuối giờ Mùi. Gió xoay hướng tây nam, giật đứt dây neo, đẩy thuyền nghiêng ngả. Cơn bão ngày càng mạnh mà chỉ lác đác vài hạt mưa. Loại này vùng quê tôi gọi là bão khan, sức tàn phá rất ghê gớm. Nước sông mỗi lúc một lên cao vì mấy ngày trước có mưa lớn ở thượng nguồn. Con thuyền lừ lừ trôi như người lên đồng mà không có cách gì hãm lại được. Các mái chèo và con sào đều vô dụng trước dòng nước xiết, chảy cuộn cuộn như thác. Bỗng "rắc", bánh lái bị gãy. Thuyền lệch hẳn về một bên. Chị Nhuận và Nhụy định ném dưa xuống sông, anh Trác vội quát :

- Không được ném! Ném hết là thuyền bị lật.

- Làm thế nào bây giờ ? - Chị Nhuận mặt tái nhợt, hét toáng lên mà tiếng vẫn bị chìm trong những âm thanh rùng rùng của bão.

- Mẹ mày chống sào, cậu Quỳnh với cái Nhụy chèo cho đều tay để tôi bơi vào bờ ròng dây kéo.

- Không được ! Nguy hiểm lắm. - Chị Nhuận xua tay.

- Còn hơn chết cả nhà. - Anh Trác vừa quát vừa phẩy tay - Cậu lấy sào thăm độ sâu, nếu chạm đất phải cố ghi để mũi thuyền hướng vào bờ.

- Để em xuống kéo dây. Nước chảy xiết lắm, anh không bơi được vào bờ đâu.

- Đừng có coi thường tôi. - Anh Trác khoát tay bảo - Cậu lo phần việc của mình đi.

Tôi chưa kịp giữ lại, anh Trác đã lao khỏi mạn thuyền, lập tức bị dòng nước nuốt chửng, càng cố vùng vẫy càng bị đẩy ra giữa sông. Nhìn kiểu bơi chũa anh tôi biết thế là gay rồi, vội nhảy xuống nắm sợi chèo, nhắm mắt lặn một hơi bơi ngược nước. Con thuyền vẫn lác lư, giống hệt một gã đàn ông cao lênh khênh, quần áo tả tơi, say rượu nhưng tốc độ có phần chậm lại vì tôi đã kéo được mũi vào vùng nước nông, sau đó ra hiệu cho mẹ con chị Nhuận gióng vào cồn Vành. Gần một giờ lặn ngụp mệt nhoài tôi bị trôi xuống tận cống Cổ Tân mà vẫn không tìm thấy người chủ thuyền. Cơn bão hoành hành suốt đêm hôm ấy, mãi gần sáng mới dịu đi. Bão tan thì trời bắt đầu đổ mưa, một trận mưa đền dây kéo dài ba ngày liền. Sáng hôm sau, cánh thuyền câu phưong Hải Tân tình cờ vớt được anh Trác ở bến đò Vạn Điền. Mẹ con chị Nhuận để anh ở nghĩa địa vạn chài Cổ Cháy. Nhờ kinh nghiệm của anh, thuyền không bị lật mà vẫn giữ được mấy chục sọt dưa. Nhiều nhà mất cả người lẫn của vì quãng hàng xuống sông.

Anh Trác mất đi, chị Nhuận xộp hẳn chẳng khác gì người mắc chứng hậu sản sài môn. Thấy gia cảnh như vậy, ở lại không tiện, tôi nói với bà chủ xin đi nơi khác. Chị Nhuận cười nhạt bảo :

- Năm sáu năm qua, chúng tôi vẫn coi cậu như người nhà, giờ không may gặp vận hạn chẳng lẽ cậu lại nhẫn tâm bỏ đi ?

Tôi lưỡng lự một lúc rồi hỏi :

- Nghe nói chị sắp bán thuyền, hai mẹ con về Kẻ Sung.

Chị Nhuận lắc đầu :

- Lúc anh ấy mới mất, đám quần cũng có ý định như thế nhưng giờ nghĩ lại, tôi đã quyết tiếp tục chạy thêm một thời gian nữa , mong cậu ở lại.

Vậy là tôi thành người đàn ông duy nhất trong con đò dọc. Cô Nhụy mặt tươi rói, luôn tìm cơ hội ở bên tôi, nhất là những đêm sáng trăng đò xuôi dòng, tôi thay chị Nhuận cầm lái. Sau này tôi mới biết, thực ra chị Nhuận là người đàn bà lọc lõi, nhìn thấy dáng vóc vạm vạp cùng với cung cách làm ăn tháo vát của tôi, hình như trong lòng đã toan tính một kế hoạch lâu dài nhằm cột chặt tôi vào nghề sông nước. Ở tuổi ba mươi nhăm, sức sống còn đang hưng hực bởi thể chất sung mãn và nhu cầu xác thịt bị dồn nén nhưng ông chồng lại ốm yếu quanh năm, làm cho



rất nhiều đêm người đàn bà goá trần trọc trong khoang thuyền với những tiếng thở dài náo ruột.

Không bao giờ bằng lòng với những cái đã có, chị luôn thả hồn vào vợ nghĩ đến vô số cuộc tình lãng mạn đầy sắc thái liêu trai do mình tưởng tượng ra. Căn bệnh hoang tưởng của chị mỗi ngày một nặng thì tình cảm mẹ con đối với Nhụy ngày một nhạt đi. Hễ thấy tôi và Nhụy ngồi bên nhau là chị không chịu được. Nổi bực tức cứ ngấm dần vào cơ thể, tựa như lòng hận thù khiến chị luôn nhìn chúng tôi bằng con mắt cảnh giác. Lần ấy, ở bến Trảng chị Nhuận bảo con gái :

- Hôm qua mẹ gặp bà Ký Thuần ở chợ Đào, bà ấy bảo đầu tháng tới sẽ nhờ người đến thưa chuyện...

Nhụy chẳng để mẹ nói hết câu đã giãy nảy lên như bị ong châm:

- Con đã bảo là không lấy chồng, u đừng có ép.

Bà mẹ cố tìm cách thuyết phục :

- Nhà người ta ruộng cả ao liền, khối đũa nằm mơ cũng chẳng được, thế mà mày còn ồng ẹo.

Tao thật không hiểu...

- Con chả tham giàu, chỉ thích chớ đồ dọc.

Gần đây, thỉnh thoảng hai mẹ con lại nhấm nhẳng với nhau như vậy, chẳng bên nào chịu bên nào. Chị Nhuận mặt khó đăm đăm, suốt ngày thở ngắn than dài.

Tôi nhớ hôm ấy vào cuối tháng tám, chúng tôi nhận chở một chuyến cau của bà Lái Đô đi chợ Bồng. Chị Nhuận bảo :

- Chuyến này xuôi gió lại nước ròng, mẹ với anh Quỳnh đi cũng được. Mày đến nhà bà Cả Lễ ở Báng Hạ lấy nốt nợ rồi ra đây đóng hàng. Ba hôm nữa thuyền sẽ về.

Buổi chiều, lúc ghé thuyền vào bến Đoan, trong khi chờ hàng, chị Nhuận bảo :

- Con Nhụy trẻ người non dạ, nói không nghe. Tôi nghĩ chỉ có cậu mới khuyên bảo được em nó. Đây là một đám tốt. Nhà bên ấy nền nếp lắm. Hãy giúp tôi.

Thật là ngón đòn cao tay cả người đàn bà từng trải. Tôi ngấm nghĩ một lúc rồi cũng phải gật đầu :

- Tôi hiểu rồi, ngày mai tôi sẽ đi...

Chị Nhuận xoa tay, giọng không được mach lặc lắm nhưng xem ra có vẻ thành thực :

- Cậu hiểu sai rồi. Tôi không muốn con bé theo đuổi cái nghề đồ dọc đầy bất trắc nhưng cũng lại không muốn mất cậu. Thuyền này phải có một người đàn ông làm chủ.

- Tôi chỉ là anh chân sào, chị nói thế là có ý gì ?

- Sao cậu chậm hiểu thế...?

\*\*\*

Chị nhìn tôi bằng ánh mắt rất lạ. Thú thực, lúc ấy tôi thấy chị đẹp lắm, đẹp hơn cả những cô gái mười tám đôi mươi chưa chồng hay ra bến Phù Dung giặt áo. Đêm nằm thao thức nghe nước óc ách vỗ vào mạn thuyền, tôi nghĩ đến anh Trác hom hèm bỏ mạng trong cơn bão, nghĩ đến cảnh vô gia cư của mình, cuối cùng nghĩ đến Nhụy với chiếc răng khểnh và những trò đùa tinh quái của cô. Đó là một đêm mùa thu bình yên. Thỉnh thoảng một ngọn heo may lang thang trên sông khẽ chạm vào da thịt qua lần áo mỏng làm ta có cảm giác se lạnh. Những giọt sương càng về khuya càng ẩm ướt, khe khẽ đậu xuống mũi thuyền. Không gian lúc này vừa mênh mông vừa huyền ảo. Những giọt sao xanh biếc, nhỏ li ti như hàng triệu triệu chiếc cúc xà cừ, nhấp nháy trên vòm trời trong suốt. Từ đâu đó văng vẳng tiếng sáo diều, lúc gần lúc xa có vẻ mơ hồ, khác hẳn thứ âm thanh trong trẻo của chùm sáo kép trên chiếc diều khổng lồ mà cách đây sáu năm tôi từng được nghe khi còn là gã trai lang thang đói khát nằm trên thảm cỏ ven đê.

Vào lúc tôi thiu thiu ngủ thì chị Nhuận từ khoang trong chui ra nằm bên cạnh. Khi ấy, nói thật với cậu, có lẽ thằng ngu mới không biết người phụ nữ góa chồng nhưng vẫn còn xuân sắc này muốn gì, bởi chính toàn thân tôi cũng đang rạo rực như là đang lên cơn sốt. Một ý nghĩ thoáng

qua, hay là mình cứ chiều chị ta, chẳng những không mất gì mà có khi còn được nhiều là khác. Tôi run run lấy hết sức bình sinh, vừa đặt tay lên ngực người đàn bà thì bỗng nhiên, từ trong đêm đen có dải sáng lơ mơ như ánh lân tinh, gương mặt anh Trác hiện về, phía sau thấp thoáng mái tóc ướt đầm phù sa của Nhụy. Những ham muốn xác thịt bỗng chốc tan biến, tôi ngồi dậy lặng lẽ trèo lên mũi thuyền, mặc cho chị Nhuận khóc tức tưởi vì bẽ bàng. Suốt chặng đường còn lại chẳng ai nói với ai một lời. Tôi cầm đầu chèo, thỉnh thoảng làm một động tác rất thừa là kéo dây buồm mặc dù thuyền đang ngược gió. Chị Nhuận cầm lái, cần tôi làm việc gì thì lấy tay ra hiệu.

Chiều hôm thứ ba, Nhụy đóng xong hàng, đang chờ trên bến. Thuyền thả neo. Tôi bắc tám ván làm cầu rồi nhảy lên buộc dây xích vào cọc. Nhìn thấy thái độ của mẹ, Nhụy chẳng hỏi han gì cứ lẳng lặng bốc hàng. Tôi như người mắc chứng mộng du, hùng hục khuân từng sọt dưa lớn, mỗi khi cô ấy hỏi đều trả lời một cách miễn cưỡng. Hàng xếp xong, chị Nhuận đứng thẩn thờ trên bến một lúc rồi xuống thuyền bảo Nhụy :

- Chuyến này mẹ không đi được vì còn phải về Kẻ Sung đón ông Phó Mạc ra sắm lại thuyền.

Con với anh Quỳnh bảo nhau mà làm ăn cho thông đồng bèn giọt, ít bữa mẹ về.

Lúc ấy có thể Nhụy còn quá vô tư chưa biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng khi tôi nhìn vào đôi mắt buồn mờ đi vì ngăn lệ của người thiếu phụ thì có dự cảm chị không bao giờ trở lại bến Phù Dung nữa.

Sáng hôm sau thuyền ngược lên chợ Tam giang, qua lạch Kinh Dương bị mắc cạn phải ở lại mấy ngày. Cuối tháng, khi chúng tôi cập bến Tuần thì không thấy chị Nhuận ra đóng hàng như đã hẹn. Nghĩ rằng mẹ ốm, Nhụy bảo tôi trông thuyền rồi về Kẻ Sung nhưng ngôi nhà tranh hai gian gần chùa Từ Vân cửa vẫn đóng im ỉm, không thấy người đâu. Đến làng Ngô Đồng bên ngoài cũng bật vô âm tín. Ở đây chẳng có ai ngoài bà di họ xa lác xa lơ lại nghếch ngãng, suốt ngày chỉ làm nhảm hát mỗi một điệu "gà rừng" rè rè giống hệt tiếng cặp chũm chọe mè đập vào nhau. Nửa tháng đi khắp các nơi họ xa họ gần, Nhụy về, mặt mũi đen sạm, tóc cứng như rễ tre, nhăn nhó :

- Không thấy đâu cả. Ngày mai ta bốc hàng rồi cho thuyền xuống chợ Cháy, vào khu Vạn Chài xem sao.

Tôi lẳng lặng gật đầu chiều theo ý Nhụy nhưng trong thâm tâm không mấy tin tưởng ở những chuyến đi vô vọng của cô. Đã làm kiếp người, mấy ai tránh được cảnh tử biệt sinh ly. Có điều, bởi phận làm con, vì xót tình máu mủ mà Nhụy không biết rằng, trên đời, có những thứ mất đi thà không tìm được lại hơn. Với những người như chị Nhuận, đã một lần tay nải gió đưa khó có thể trở về bến cũ. Chị vốn lắm mộng mơ, lúc nào cũng sống bằng những ý tưởng lãng mạn. Một con thuyền chạt chôi và đầy ắp những kỷ niệm buồn không thể giam chân chị suốt đời. Chị đẹp lắm. Đẹp và đầy cá tính. Hãy tha thứ cho tôi, vì thật ra tôi cũng chỉ là thằng hèn, không dám vượt qua giới hạn của thứ suy nghĩ tầm thường để đáp lại tấm tình của chị.

\*\*\*

Rồi cũng đến lúc tôi ngỏ lời cầu hôn với Nhụy. Giờ đây cả hai đứa đều không còn cha mẹ, họ hàng thì xa, chuyện trăm năm đều nhờ vào anh em vạn đồ. Đám cưới không có công đoạn đưa đón dâu nhưng cũng linh đình chẳng kém gì các hôn lễ làng quê. Chiếc thuyền hạnh phúc của chúng tôi treo đèn lồng đỏ, kết hoa sáng lung linh, từ từ dạo trên sông. Dây pháo hồng treo phía mũi thuyền nổ rền. Xác pháo rục rờ như hoa đào ngày tết rơi lả tả xuống mặt nước phù sa.

Ăn tết xong, chúng tôi tiếp tục lên đênh trên con thuyền mới sửa lại hồi cuối tháng một, hết xuôi lại ngược theo những hành trình dài ngắn khác nhau khắp các triền sông Yên, sông Vệ, sông Lăng. Cứ tháng bảy ta, đang mùa nước lũ, thấy Nhụy bụng đã to, đi lại có vẻ khó khăn, tôi bàn :



- Minh sắp sinh con, không thể làm việc nặng, phải thuê thêm một chân sào phụ với tôi.

Nhụy bảo :

- Cái đó tùy mình, bây giờ mình là chủ thuyền kia mà.

Tôi ngẫm nghĩ một thoáng rồi chợt nhớ ra liền bảo :

- Mấy hôm trước tôi để ý thấy có thằng bé choai choai cỡ mười ba mười bốn vẫn khuôn hàng cho các bà buồn chuối xuống bến, hay là ta bảo nó?

Nhụy thoáng cau mặt :

- Không nên. Thuyền chúng mình phải tìm một người đứng tuổi, thạo nghề sông nước, rước cái đám trẻ ranh ấy về là hồng việc.

Bị chạm nọc vì một liên tưởng bất chợt về thân phận của mình ngày trước, tôi đâm tự ái :

- Nhụy nói gì thế ?

Cô ấy lặng lẽ nhìn dòng sông, nơi những con sóng lô xô đang đuổi nhau dưới làn mưa bụi, giọng có phần dịu xuống :

- Là vì tôi không muốn sau này phải theo gương mẹ ra đi...

Thì ra Nhụy đã biết. Từ trước đến giờ tôi vẫn nghĩ cô ấy vô tâm.

Nhưng cũng vào thời gian ấy, nhà nước ra sắc lệnh thành lập các hợp tác xã vận tải thủy, thay cho kiểu làm ăn cá thể, vốn là nguồn gốc của mọi sự đói nghèo, để tiến lên chủ nghĩa xã hội, hạnh phúc, phồn vinh. Được chừng hai năm thì hợp tác xã Tiền Tiến làm ăn thua lỗ phải tự giải tán. Riêng ông chủ nhiệm, do có thành tích xuất sắc tuyên truyền tính ưu việt của phương thức làm chủ tập thể, được Đại hội đảng bộ bầu vào huyện ủy, giữ chức trưởng ban Tuyên huấn. Có điều, hơn bảy chục chiếc thuyền, vốn là mồ hôi nước mắt cả đời của dân vạn chài, giờ trở thành những đống gỗ mục, nằm dãi nắng dầm mưa ngoài bãi sông. Và tất nhiên, cái tinh thần làm chủ tập thể từ trên trời rơi xuống ấy cũng tan theo bọt nước. Bỗng chốc trở thành trắng tay, chúng tôi dắt díu nhau về làng Cù xin một chân chở đồ ngang. Ở với nhau được ba mặt con, gia đình đang êm ấm, bỗng nhiên một lần đi chợ Ga về, Nhụy bị cảm đột ngột rồi qua đời lúc mới sang tuổi bốn chín.

- Thế các anh các chị ấy bây giờ...?

- Mỗi đứa một nơi nhưng được cái đứa nào cũng có công ăn việc làm tử tế chứ không lênh đênh như bố mẹ ngày trước.

- Vậy là từ bấy đến nay bác vẫn không gặp lại bà Nhuận ?

- Không, nhưng tôi suốt đời mang ơn bà ấy.

Trời đã xế bóng. Tôi cho thuyền đi chậm lại. Nhìn thấy cây đa cổ thụ thấp thoáng trên bờ, ông chỉ tay bảo :

- Phải rồi, đây là bến Phù Dung.

- Để cháu ghé thuyền vào cho bác lên.

- Không cần đâu. - Ông nhẹ nhàng bảo - Cậu đỡ tôi ra mũi thuyền một lúc là được.

Về thăm lại chốn cũ, ông già có vẻ xúc động lắm. Ông nhìn đăm đăm lên cây đa và dãy quán liêu xiêu nhuộm đỏ ráng chiều, bất giác bật tiếng thờ dài ;

- Ngày trước bà ấy cũng ra đi vào một buổi chiều như thế này.../.

## Chị Hà

Cuối tháng ba, tôi về thăm quê. Quê tôi ở tỉnh Đông, nhưng gia đình đã chuyển vào vùng kinh tế mới ở Bảo Lộc, Lâm Đồng từ sau 1975. Tình cờ lúc qua đò Vạn tôi lại gặp Bá Vân. Bá hỏi: "Anh về một mình?". Tôi đáp: "Vâng". Bá hỏi tiếp: "Anh về lâu không?". Tôi nói: "Thưa Bá, cháu

về được một tuần". Bá Vần nghĩ một lúc rồi bảo: "Thế thì ngày mai anh nên thu xếp đến thăm cái Hà. Nó đang nằm ở bệnh viện huyện. Bệnh nặng lắm, có lẽ không qua được".

Chị Hà là con ông bác ở chi trên họ Lê chúng tôi. Hồi ở nhà, chúng tôi cùng đi học với nhau, nhưng chị chỉ học hết cấp hai rồi nghỉ ở nhà làm ruộng. Tôi học xong đại học, được phân công về một tỉnh miền núi. Đã lâu hai chị em không gặp nhau.

Sinh ra làm kiếp người ở trên đời, nhất là trong thời loạn, cái cảnh gia đình chia phôi, thân quyến họ hàng tản mát, kẻ bắt người nam là chuyện không tránh khỏi. Miễn là, tuy xa nhau nhưng thỉnh thoảng vẫn nhớ đến nhau, nghĩ về nhau, những ý nghĩ tốt đẹp, những tình cảm chân thành là được. Tôi cũng có những kỷ niệm vừa ngọt ngào vừa cay đắng của thời thơ ấu ở quê hương. Theo dòng thời gian, những ký ức có thể phai mờ, nhưng bóng dáng chị Hà tôi không thể quên.

Chị lấy chồng từ năm mười tám. Chồng chị là anh Thịnh, thuộc về dòng họ Nguyễn Đình. Anh Thịnh ít nói, là người trung thực nhưng tính hơi khoảnh. Bố anh là ông bếp Cầu. Hồi Thế chiến thứ hai, ông đi lính tình nguyện và đã làm một chuyến viễn chinh bốn năm sang tận chiến trường Tây Âu. Ông xuýt chết cồng vì đánh đập mũi một tên đội say rượu. Tên quan ba người đảo Corse ra lệnh tổng giam ông vào một cái hầm băng lạnh đến ba mươi độ dưới không. Hồi Cải cách ruộng đất, nhà cửa, ruộng vườn chẳng đáng là bao, nhưng vì có "thành tích" đi lính cho Pháp nên ông vẫn bị quy lên thành phần phú nông kèm thêm cái tội tày đình là tay sai Quốc dân đảng. Vì thế, cứ mỗi lần Đội Cải cách tổ chức đấu tố địa chủ nào đó ở trong làng là ông và những người cùng cảnh lại bị trói thành một dây, buộc vào những chiếc cối đá thủng, quỳ xuống sân gạch để tận mắt nhìn các ông bà nông dân đấu tranh giai cấp.

Anh Thịnh học cùng lớp với tôi. Anh học khá. Tôi thì học lớt phớt. Hồi ấy trọ học ở cạnh trường huyện, làm bài xong, anh con đi mò hoặc tát vớt kiểm ít cua cá về nấu với cà chua xanh, mua năm xu một cân của bà chủ nhà tốt bụng cho chúng tôi ăn. Tôi lười học và ngại làm bài tập. Ngoài giờ học, tôi chỉ thích lên thuyền chơi với bọn thợ xúc cát giữa sông. Bọn xúc cát phần lớn còn trẻ, có những thằng không hơn tuổi tôi. Chúng sống lam lũ, bần thiêu, lênh đênh nay đây mai đó và có một kho từ vựng rất phong phú của nghề sông nước. Cả hai chúng tôi đều thi đỗ đại học. Tôi được đi, còn anh Thịnh thì không. Nghe người ta kháo nhau, dù đã được hạ thành phần thời kỳ sửa sai nhưng lý lịch của anh vẫn có tỳ vết. Việc này phải đưa ra thường vụ đảng uỷ bàn tập thể chứ một mình ông phó chủ tịch phụ trách nội chính không dám giải quyết. Anh Thịnh buồn. Mấy tháng sau anh theo người làng vào rừng cuốc hố trồng cây thuê cho lâm trường Cẩm Sơn.

Tôi học đại học được hai năm. Một hôm anh Thịnh mượn đầu được chiếc xe đạp lên chỗ tôi. Anh bảo anh có ý định lấy vợ, nhân tiện đi chơi muốn hỏi ý kiến tôi, là chỗ bạn học cũ với nhau. Tôi hỏi: "Anh lấy vợ theo kiểu nào? Yêu hay gia đình cưới cho?". Anh bảo: "Cô Hà, con ông chường bạ Ngoạn, về đảng họ Lê nhà cậu". Tôi bảo: "Được, chị Hà là chị họ tôi, khi nào cưới tôi sẽ về". Anh bảo: "Đầu tháng một âm lịch. Dịp ấy đã cấy xong, lại có nhiều ngày tốt".

Chị Hà thuộc loại phụ nữ có duyên nhưng hoàn toàn không xinh. Bù lại, chị có cặp mắt và đôi bàn tay rất đẹp. Nhiều khi, ngẫu nhiên bắt gặp đôi bàn tay chị, tôi thấy ngơ ngẩn cả người. Đôi bàn tay ấy nhỏ, có những ngón búp măng thon, dài, phơn phớt màu ngà vô cùng hấp dẫn. Mỗi lần qua nhà chị, thế nào tôi cũng tìm cách ngắm trộm cái "báu vật" ấy. Đôi mắt của chị hơi to so với bình thường, nếu nhìn kỹ, ta sẽ thấy nó trong veo, sâu thẳm thẳm tưởng như không cùng. Nhưng tôi cho rằng cái đó chỉ chứng tỏ con người có chiều sâu tâm hồn, trí tưởng tượng phong phú và giàu cảm xúc thôi. Cái mà làm cho các chàng trai chết mê chết say là ở chỗ, trong đôi mắt chị nhiều khi như có ánh lửa. Nó bắt chợt loé lên, chói sáng, tạo nên một trường hấp dẫn đặc

biệt, giống như ma lực ở cặp mắt của những người có thuật thôi miên. Anh Thịnh chắc không phải là người đầu tiên bị đôi mắt chị Hà cuốn hút. Thú thật, tôi không thích đôi mắt chị. Nhiều khi gặp chị, tôi không dám nhìn thẳng vào đôi mắt ấy.

Đám cưới anh Thịnh và chị Hà tổ chức vào buổi trưa. Bà con hàng xóm đến đông đủ và chỉ ăn trầu, hút thuốc, uống nước chứ không làm cỗ bàn linh đình. Lý do là, thời buổi chiến tranh, máy bay Mỹ bắn phá khắp nơi, cần tổ chức nhanh, gọn để giữ an toàn tính mệnh cho nhân dân. Thêm nữa, nhà anh Thịnh nghèo, ông bố mới mất năm trước, nếu bày vẽ sẽ phải mang công mắc nợ. Lễ cưới làm theo lối đời sống mới, mọi việc đã có chi đoàn thanh niên lo. Lúc tay bí thư chi đoàn trong vai chủ hôn, dắt đôi vợ chồng mới vào ngồi ở bàn đầu, tôi thấy hơi chướng. Bàn tay thô tháp, đen đui của tay bí thư hình như nắm quá lâu bàn tay chị Hà. Tôi thoáng thấy gò má chị đỏ lên.

Vào cuối năm sáu mươi bảy, khi thằng cu Thoảng con anh Thịnh được bốn tháng thì anh có giấy gọi đi bộ đội. Anh là con một nhưng đến lúc này cũng không được miễn. Giường máy chiến tranh đang vận hành quyết liệt. Người ta đang muốn giải phóng miền Nam bằng mọi giá. "Tất cả cho tiền tuyến. Thanh niên thời đại Hồ Chí Minh có nghĩa vụ phải vào chiến trường chống Mỹ bảo vệ tổ quốc". Tay bí thư chi đoàn nói thế và động viên anh em tân binh giữ vững niềm tin, vui vẻ lên đường.

Hai năm sau, vào cuối năm sáu mươi chín, anh Thịnh có giấy báo tử. Ủy ban xã và đoàn thanh niên tổ chức lễ truy điệu rất long trọng. Chị Hà nhận được bằng Tổ quốc ghi công và tiền trợ cấp gia đình liệt sỹ. Bí thư chi đoàn thôn bây giờ là thường vụ đảng ủy. Khóa hội đồng nhân dân vừa rồi anh ta lại trúng ghế chủ tịch, thuộc loại trẻ nhất và tỏ ra có năng lực nhất trong hàng ngũ lãnh đạo. Việc đầu tiên của vị tân chủ tịch là thay bộ máy giúp việc cũ của họ Nguyễn Phúc bằng bộ máy mới mà chủ yếu là những người trong họ Đỗ. Đến thời kỳ ấy thì tôi được điều động đi công tác ở các tỉnh miền Trung. Sau 1975, tôi cùng vợ con vào Lâm Đồng, thành ra, bận lo sinh kế, lúc ấy lãng quên mất họ hàng, làng xóm. Không biết bây giờ chị Hà ra sao? Khổ thân chị tôi.

Tôi chưa về làng mà vào thẳng bệnh viện. Đến nơi, tôi hỏi ông bác sỹ trực phòng cấp cứu: "Bác sỹ chỉ giúp, bệnh nhân Lê Thị Hà nằm ở phòng nào?". Ông bác sỹ trả lời nhanh như máy chứng tỏ một trí nhớ lạ thường: "Phòng mười ba, gác hai, giường số tám". Tôi lại hỏi: "Tôi vào được không?". Ông chỉ cái áo màu chấu lòng treo trên mắc bảo: "Mặc cái áo kia vào. Đây là khoa lây". Tôi bóc bao Hero: "Mời bác sỹ". Ông ta nhón một điếu rồi nói: "Cái thứ Hero này thơm nhưng không đậm bằng loại ba số. Anh là thế nào với bệnh nhân?". Tôi nói: "Là em họ". Ông lại bảo: "Thế thì nên vào thăm ngay đi. Cô ấy nằm đây hai tuần rồi".

Tôi nhận ra ngay chị Hà mặc dù chị gầy hốc hác với đôi mắt trũng sâu như mắt của những người mắc chứng suy nhược thần kinh. Trong phòng chỉ có mình chị. Các giường khác không có người. Căn phòng thoáng, sạch sẽ, nền lát các tấm granito nhưng tôi vẫn có cảm giác rờn rợn. Chị nửa nằm nửa ngồi, đầu gối cao, gương mặt mệt mỏi.

Chị nhìn tôi rất lâu. Chừng như đã nhận đúng là tôi, thằng Định con ông chú họ mà chị vừa quý vừa nể xưa nay chị mới nói bằng giọng thều thào, gằn như cố sức:

- Chị chờ. Biết cậu sẽ về...

- Em tình cờ gặp Bá Vần ở bến đò Vạn mới biết chị ở đây. Chị có mệt lắm không?

- Mệt... - Chị thở dài, tiếng thở nhẹ, đôi lúc đứt quãng. - Chỉ có cậu là chị tin được. May mà còn kịp.

- Sao vậy chị ?

Tôi chợt thấy lúng túng vì những lời khó hiểu của chị. Nhìn vào mắt chị lúc này tôi thật kinh hoàng. Từ cặp mắt trũng sâu hơi quá khổ so với bình thường kia, bất giác như có hàng ngàn tia lửa bắn ra. Những tia lửa mỏng manh chợt biến thành những quãng lửa đủ màu, nhảy múa loạn xạ khắp căn phòng, làm cho tôi không thể hiểu được đây là sự thật hay chỉ là ảo giác. Tôi chợt lùi lại một cách vô thức.

- Cậu sao thế? Ra đóng cửa vào cho chị.

- Kia chị...

Chị nhăn mặt:

- Chị nhờ cậu đóng cánh cửa vào. Còn ít thời gian lắm. Chị biết...

Tôi ra đóng cửa.

- Cậu lại gần đây.

Tôi ngồi xuống mép giường. Chị xoay nghiêng người, kéo chân đến ngực. Hai bàn tay búp măng đặt xuôi bên ngoài. Chị nói:

- Chuyện này chị chỉ kể với cậu, vì cậu là người có học, biết lẽ phải trái ở đời. Hơn thế nữa, cậu còn là bạn học với anh Thịnh. Chị biết, cái hồi anh chị sắp lấy nhau, anh Thịnh có đạp xe lên tận Hà Bắc hỏi ý kiến cậu.

- Vâng, có chuyện gì chị cứ nói.

- Nói thật với cậu, chị không sống được mấy nữa...

- Kia chị... - Tôi chợt thấy đấng đấng nơi cổ họng. - Đừng nghĩ quẩn, chị còn phải sống để nuôi dạy cháu nên người chứ.

- Cậu đừng ngắt lời chị.- Chị xoay người hướng cặp mắt như có lửa vào tôi.

- Số chị thật chẳng ra gì, chưa đến nửa đời người đã thành goá phụ. Ngẫm ra chị là người đàn bà có tội...

Giọng chị thôn thức. Tôi có cảm giác là mọi nỗi đau đớn vật vã của chị đều được biểu hiện qua đôi mắt. Và dường như không phải chị kể cho tôi nghe nỗi cơ cực của một kiếp người mà đang tự vấn lương tâm hướng tới cái thiện ở một cõi xa xăm nào đó trước lúc nhắm mắt.

\*\*\*

Bà Cầu, mẹ anh Thịnh mất sau khi anh đi bộ đội được hai năm. Chị Hà ở một mình với thằng cu Thoảng trong căn nhà ba gian, hai chái, lợp rạ ở khu xóm Trại. Thời gian này ở hậu phương có nhiều việc phải làm để chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Chị vừa uỷ viên chấp hành chi đoàn thôn vừa là dân quân tự vệ. Tuy có chồng đi chiến đấu xa, nhưng nhìn chung phần lớn phụ nữ như chị ở nông thôn sống không đến nỗi cô đơn, buồn chán. Không khí thời đại chống Mỹ lúc ấy, cùng với phương thức tuyên truyền rất hiệu quả của ngành tuyên huấn và các đoàn thể quần chúng làm con người quên đi thân phận mình mà thường nghĩ đến những cái lớn hơn là vận mệnh của đất nước, của dân tộc. Họ không có thói quen suy nghĩ độc lập mà luôn tin tưởng vào sự đúng đắn của cấp trên. Với họ, cấp trên không bao giờ sai. Vì thế đã có nhiều chị em được biểu dương là phụ nữ ba đảm đang.

Trong những buổi họp ban chấp hành, chị cảm thấy tay bí thư đoàn chú ý đến mình. Anh ta là một thanh niên đẹp trai, có khoa nói giỏi. Học xong lớp bảy trước chị bốn năm. Ngồi họp, có lúc bất chợt ngẩng lên, chị lại bất gặp đôi mắt anh ta nhìn mình đắm đuối. Những lúc như thế chị nhìn lảng đi nơi khác, hai gò má chợt thấy nóng.

Rồi một tối anh ta đến. "Hà ơi, mở cửa". Chị hỏi: "Ai gọi đấy". "Tôi đây, Tiệp đây". Anh ta nói rất nhỏ, gần như thì thầm. Chị hỏi: "Có việc gì mà anh đến lúc này? Để ngày mai". "Không được, mai tôi phải đi học lớp chính trị ở trường Đảng tỉnh một tháng. Việc gấp". Cửa mở. Anh ta lén vào nhanh một cách kỳ lạ, không hề phát ra tiếng động, tiện tay kéo chốt rồi ôm choàng lấy chị. Chị vùng ra, giận dữ: "Tôi kêu lên đấy". Anh ta càng ghì chặt chị hơn, đôi môi nóng bỏng lướt

trên má chị, giọng hỗn hển: "Cặp mắt của em hút hồn anh. Anh yêu em. Hãy thương anh...". Chị cười nhạt bảo: "Còn vợ anh? Nó đến đây xé xác tôi ra thì anh đẹp mặt". Anh ta hạ giọng van vãn: "Anh không yêu nó. Nó như con quỷ cái. Thế nào cũng có lúc anh cho nó một trận". Chị dần giọng mỉa mai: "Anh không sợ chồng tôi à? Trêu vào vợ lính mà chơi. Mai kia anh ấy về thì cứ ôm đồm". Anh ta bảo: "Từ tháng ba năm ngoái đến nay, làng này có mười chín thằng đi thì mười một thằng báo tử rồi. Xem ra cuộc chiến còn kéo dài mà phụ nữ tuổi xuân có hạn". Chị giãy giụa, một cánh tay tuột ra liền giơ thẳng cánh tát đến bóp vào mặt anh ta: "Thôi đi, đồ hèn". Chị lùi ra, định kéo chốt cửa nhưng anh ta giữ lại: "Đừng có làm bộ nữa. Tôi biết, từ lâu cô đã có tình ý với tôi, tôi quyết không để cho bất cứ thằng nào ở xã này động đến cô". Mãi sau này, khi đến với chị những lần khác, trong lúc ái ân cuồng nhiệt, anh ta mới bảo, cái đêm hôm ấy, anh ta đã biết anh Thịnh hy sinh, giấy báo tử gửi về từ tuần trước nhưng ủy ban xã tạm thời chưa công bố sợ ảnh hưởng đến đợt tuyển quân sắp tới.

Cuối tháng chín, tức là sau khi lớp tân binh làng Yên lên đường bốn ngày, người ta phát giấy báo tử một loạt chín người. Lễ truy điệu được tổ chức trọng thể tại hội trường ủy ban. Bí thư chi đoàn thôn, lúc ấy đã là thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch xã, đọc bản tuyên dương công trạng và tỏ lời chia buồn với các gia đình, đồng viên họ nén tình cảm đau thương, biến cảm thù thành hành động cách mạng để xứng đáng với sự hy sinh cao cả của các liệt sỹ. Chị Hà mặc đồ tang bằng vải xô trong đám thân nhân những người chết trận. Thằng cu Thoảng cũng mặc áo tang. Nó chẳng biết gì, lùn cùn theo mẹ đến trước bàn thờ có treo một loạt ảnh viền khung đen, có vẻ như cái nào cũng giống cái nào, nên tìm mãi không thấy bố.

Sau khi trúng cử chủ tịch xã, Đỗ HữuTiệp bàn với ban thường vụ và thường trực ủy ban: "Xã ta phải tạo điều kiện giúp đỡ những gia đình thương binh, liệt sỹ khó khăn, neo đơn để đền đáp công ơn những người hy sinh xương máu của mình cho nền độc lập dân tộc". Bí thư đảng uỷ hỏi: "Biện pháp giúp đỡ như thế nào? Và những ai thuộc diện thật khó khăn?". Chủ tịch bảo: "Tôi thấy cô Hà ở xóm Trại, chồng mới báo tử, nhà ọ ẹp sắp đổ, nên cấp một vạn gạch vơi ít vôi ngói để xây hai gian". Phó bí thư, người thôn Gành, xưa nay vốn ghét tay chủ tịch có máu trắng hoa, hỏi: "Còn những gia đình khác thì sao? Xã ta có đến sáu mươi tám liệt sỹ, riêng ở làng Gành là mười bảy". Chủ tịch liếc bí thư rồi bảo: "Cứ dần dần, đầu tiên là những đối tượng đặc biệt khó khăn đã". Ông bí thư già lấy mu bàn tay dụi cặp mắt lông quặm, hỏi xỏ xiên: "Nhà cô Hà khó khăn nhất làng Yên à?" Chủ tịch đánh trống lảng: "Bố mẹ chồng cô ấy mất cả rồi".

Ngôi nhà hai gian của chị Hà làm xong trong vòng một tháng rưỡi. Thịnh thoảng chủ tịch rẽ vào thăm và đồng viên anh em thợ. Ngoài việc duyệt cấp vật liệu, chủ tịch còn chỉ thị cho chủ nhiệm hợp tác xã ghi công điểm cao cho thợ nên công trình làm vừa nhanh vừa đẹp. Chỉ có điều, chị Hà là người đầu tiên và cũng là người duy nhất xóm Trại được ở ngôi nhà "tình nghĩa" mà xã xây cho. Nhưng sự việc không dừng ở đấy. Nếu mọi việc chỉ có thế thì chẳng ai bận tâm làm gì cho một người. Trên đời này còn nhiều cái phức tạp, rối ren gấp trăm nghìn lần nhưng rồi nó cũng bị chìm dần vào sự quên lãng. Thời gian chính là môi trường tuyệt vời để khoả lấp, làm tan biến đi những định kiến hẹp hòi, những mớ lý thuyết đạo đức giả của không ít kẻ cơ hội hễ có dịp là lên giọng răn dạy người khác. Chị Hà nắm chặt tay tôi bằng bàn tay nóng bỏng của người sốt cao. Mắt chị nhìn như xoáy vào tôi làm tôi có cảm giác chị không còn là người thật nữa mà đã biến thành cái bóng vật vờ của những cô hồn. Chị nói trong hơi thở gấp:

- Một đêm có tiếng gõ cửa. Chị choàng dậy, nghĩ là tay chủ tịch. Nhưng không phải cậu ạ. Anh Thịnh về...

\*\*\*

Giống như bị một cơn sóc đột ngột, chị Hà lặng đi, người mềm ra ngã vào hai cánh tay chồng. Anh Thịnh sờ soạng tìm đầu con hổ trong túi xoa vào hai thái dương vợ. Ít phút sau chị tỉnh lại. Chị bảo: "Để em bật đèn". Anh Thịnh nắm tay chị: "Đừng bật đèn". Chị hỏi: "Sao lại thế?". Anh

Thỉnh nói nhỏ: "Anh trốn về". Chị hốt hoảng: "Hà? Anh trốn về?". Anh bảo: "Ừ. Sau này anh sẽ nói, chuyện dài lắm". Chị khóc: "Xã đưa giấy báo tử của anh rồi. Người ta đã làm lễ truy điệu". Anh bảo: "Thế thì tốt. Anh vẫn lo chuyện ấy". Chị nói: "Vâng". Anh Thỉnh lại hỏi: "Con đâu?". "Nó nằm ở phía trong kia". Anh thì thầm: "Có lớn không?". Chị cũng nói nhỏ: "Lớn. Giống anh lắm".

Đêm ấy, vợ chồng anh Thỉnh đào một chiếc hầm trong gian buồng. Đất xúc lên cho vào đôi thùng gánh nước chuyển ra đổ xuống ao bèo phía sau nhà. Đồ đạc của anh Thỉnh chỉ có chiếc ba lô lép kẹp, một bộ quần áo lính đã sờn, chiếc xẻng cá nhân, một con dao và phong kẹo lạc cho thằng cu Thoảng. Chiếc xẻng công binh lúc này tỏ ra được việc. Tầm bốn giờ sáng thì xong hầm. Nó được đào cách tường bốn mươi phân. Phía ngoài để chiếc hòm khoá chuông bố mẹ anh Thỉnh cho làm vật che chắn có tính chất nguy trang. Nắp hầm là nắp thùng phuy. Chiếc nắp này khá thuận tiện để người ở dưới, nếu cần, có thể đội lên được nhưng lại khá bất ngờ với những ai vô tình vào buồng.

Thu dọn đồ đạc xong, chị Hà bế thằng Thoảng đặt ra chiếc giường cá nhân gian ngoài. Nó vẫn ngủ mê. Chị múc nước cho anh Thỉnh rửa ráy chân tay, lau người rồi khoá cửa buồng để anh ngủ còn chị xuống bếp nấu cơm. Anh Thỉnh vừa đi bộ vừa đi nhờ xe mất đúng ba tháng mười chín ngày mới về đến nhà. Lúc ăn cơm, trời đã hơi rặng, chị Hà nhìn thấy chồng mà phát khiếp. Anh mặc bộ quân phục bạc phếch, tay áo, cổ áo, ống quần dính bết một thứ bụi đất hung hung đỏ. Mặt anh Thỉnh hốc hác, da tái nhợt và dày. Đó là nước da của những người mắc bệnh sốt rét rừng, đã qua được cái chết nhưng phải vài ba năm sau mới có thể phục hồi sức khoẻ.

Ban ngày, anh Thỉnh ở trong buồng, nếu thấy động, nghĩa là có người đến, thì phải nhanh chóng xuống hầm, ban đêm mới được ra ngoài nhưng cũng chỉ thỉnh thoảng thôi. Xóm Trại là địa bàn hẻo lánh, có đến hơn chục cô vợ lính vắng chồng lâu ngày, nên không thiếu các loại dân quân lảng vảng dưới danh nghĩa tuần tra, có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Họ mà nhì thấy thì coi như xong đời.

Ở làng tôi, những anh chàng đi bộ đội mà trốn về thì nhục hết chỗ nói. Ông phó chủ tịch phụ trách nội chính bảo, đào ngũ là phản bội Tổ quốc, tội danh tương đương với tội làm gián điệp. Những kẻ đào ngũ, trước hết sẽ được lực lượng dân quân "mời" về nhà giam của uỷ ban xã. Ở đây anh ta sẽ biết thế nào là chuyên chính vô sản. Tiếp sau mới đến nhiệm vụ của công an huyện. Trước các ông cán bộ điều tra vô cùng mẫn cán và trung thành với chế độ xã hội chủ nghĩa, anh phải trả lời hàng trăm câu hỏi đủ loại kể cả những câu hỏi đến ông Karl Marx sống lại cũng phải lắc đầu. Ba tháng tạm giam tuy không nằm trong pháp lệnh thành văn nhưng ít phạm nhân tránh được. Thời kỳ này, kẻ trốn tránh nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc bị phạt cải tạo lao động cật lực mà không được hưởng công điểm. Hàng ngày, người nhà phải mang cơm ra tận công trường. Nếu anh ta thực sự ăn năn hối lỗi, lao động tốt, tư tưởng thông suốt, thì hết hạn lao động công ích, lại được biên chế vào một đơn vị tân binh của xã để làm nghĩa vụ lại từ đầu. Tuy nhiên, với những người ngoan cố, cứng nào vẫn tặc ý thì hãy giờ hồn. Chính quyền sẽ áp dụng những biện pháp cứng rắn hơn. Không những anh ta mà cả bố mẹ, vợ con, anh em anh ta cũng phải gánh chịu số phận nhục nhã. Cho nên, ở làng Yên có câu thành ngữ mới lưu truyền: "Trốn đi B, về mất lối".

Một đêm, chị Hà méo máo hỏi: "Sao anh lại trốn về?". Anh bảo: "Tiểu đội có mười ba thằng, bị phục kích, mười một thằng chết, một thằng bị thương, còn anh thoát chết, bơi qua sông, sau đó lạc đơn vị, lẩn mò trong rừng hàng tháng, không tìm thấy đường ra, xuýt chết đói. Thằng bị thương là thằng Dự ở thôn Gành. Nó gãy một chân, bị hai thằng lính nguy bắt, chẳng biết sống hay chết". Chị hỏi: "Bây giờ anh tính thế nào?". Anh Thỉnh bảo: "Anh chỉ muốn nhìn thấy em và con rồi anh đi". Chị khóc: "Đi đâu?". anh lắc đầu: "Chưa tính đến việc đó, nhưng phải đi".



Thằng cu Thoảng được gửi về bên ngoài. Vài ngày chị Hà mới đón nó một lần. Đêm thứ mười kể từ khi anh Thịnh về, lúc ấy vào khoảng chín giờ, bên ngoài có tiếng gõ cửa. Chị Hà bảo: "Anh xuống hầm để em đây nắp cho". Anh Thịnh hỏi: "Ai gõ cửa thế?". Chị Hà nói nhỏ: "Chắc là mấy ông dân quân tự vệ đi kiểm tra hộ tịch, hộ khẩu đột xuất ban đêm, ở đây vẫn có lệ như thế". Đây nắp hầm xong, chị Hà bước nhón chân ra cửa. "Hà ơi!". Có tiếng gọi nhỏ, nghe như gió thoảng bên tai. Không thấy tiếng trả lời, một bàn tay luồn qua lỗ thủng phía trên ổ khoá khẽ đẩy chốt ngang. "Đừng vào". Chị Hà thì thầm và đứng nghiêng người lấy vai tì vào cánh cửa. Nhưng sức đẩy phía ngoài mạnh hơn làm chị chao người, cánh cửa bật ra. Gã chủ tịch lên vào như một bóng ma, nhanh tay kéo chốt rồi ôm thốc lấy chị Hà. Anh ta gắt khế: "Sao không cho vào?". Chị Hà đẩy hẳn ra: "Hôm nay tôi mệt". Tay chủ tịch lại thì thầm: "Khế chứ. Anh có mang cho ít thuốc bổ đây". Chị Hà bảo: "Anh về đi". Đỗ Hữu Tiệp đột nhiên lên giọng: "Đừng có vớ vẩn. Tôi vừa họp thường vụ, đã chính thức đề nghị huyện uỷ ra quyết định kết nạp cô. Sao tự nhiên hôm nay lại giờ chứng thế?". Chị Hà bảo: "Anh là đồ đều, anh làm hại đời người ta". Chủ tịch cười khế: "Thế cái nhà này ai làm cho cô? Cô tưởng tay bí thư đảng uỷ với thằng Hiếu ở thôn Gành nó tán thành đấy há? Tôi phải đấu tranh mấy cuộc họp mới được đấy. Còn chồng cô thì báo tử từ lâu rồi, việc gì mà sợ". Đúng lúc ấy, trong bóng tối dày đặc, anh Thịnh đội nắp hầm bước lên, tay cầm con dao găm Mỹ vẫn giấu trong người để phòng bất trắc. Anh găm lên: "Thằng khốn nạn! Mà có còn nhớ tao là ai không?". Tay chủ tịch bị bất ngờ nhưng vẫn tỏ ra khá bình tĩnh, quờ khẩu súng ngắn vẫn mang theo vừa để ở đầu giường, bật chốt an toàn rồi dần giọng:

- Thì ra là thằng Thịnh. Từ một tuần nay tao đã ngờ ngờ là mày trốn về, nhưng tao im lặng và không cho dân quân đến bắt vì tao thương vợ con mày. Cô Hà là vợ liệt sỹ chứ không phải là vợ một thằng đào tẩu hèn nhát hiểu chưa? Bây giờ mày là thằng chết rồi. Uỷ ban đã tổ chức lễ truy điệu long trọng. Vợ mày biết đấy.

- Đồ đều! - Anh Thịnh hoa con dao quờ quạng tiến lại phía giường tìm tay chủ tịch. - Chúng mày là một lũ đê tiện, nói dối trắng trợn, lừa chúng tao vào chỗ chết rồi ở nhà thoả sức ăn cướp tài sản của nhân dân, sống bê tha truy lạc, làm nhục vợ bộ đội. Tao... tao... sẽ giết mày!

Tay chủ tịch lùi đến cuối giường, cười gằn, rê nòng súng về phía anh Thịnh, giọng vẫn ôn tồn nhưng chị Hà biết, anh ta cố ghìm để cuộc đấu khẩu bất đắc dĩ khỏi bị bại lộ:

- Cậu tiến một bước nữa, tôi sẽ bắn. Hồi còn ở nhà, cậu đã biết tính tôi đấy...

Chị Hà run rẩy, mồ hôi toát khắp người như là vừa tỉnh dậy sau cơn mê khủng khiếp. Chị ngồi thụp xuống nền nhà ôm đầu rên rĩ. Cảnh ngộ của chị lúc này thật khốn nạn. Thôi thì, một sống hai chết, chị vùng dậy chen vào giữa hai người đàn ông, giọng thảng thốt:

- Các anh giết tôi đi. Tất cả là tại tôi. Sao trời không giáng sấm sét để tôi chết đi cho rảnh mà bắt phải nhục nhã như thế này!

Lưỡi dao của anh Thịnh rút xuống nền nhà. Nòng súng của tay chủ tịch chếch lên phía mái ngói. Anh ta khoá chốt an toàn.

- Tôi không có lỗi cậu Thịnh ạ. Trong chuyện này, cùng lắm là tôi bị kiểm điểm về quan hệ bất chính với một phụ nữ goá chồng. Nhưng ở đời mấy ai học hết chữ ngờ. Nếu như cậu không trốn về thì làm gì có cuộc gặp gỡ khó chịu hôm nay. Cậu nên biết rằng, ở làng Yên này chưa có gia đình liệt sỹ nào được chăm sóc chu đáo như mẹ con cô Hà.

- Còn gì nữa, nói nốt đi.- Anh Thịnh bảo.

- Thành phần gia đình nhà cậu, như cậu biết đấy, là có vấn đề. Ông bép Cầu đi lính cho Tây làm đến chức cai. Hồi Cải cách, nhà cậu thuộc thành phần phú nông. Xã đưa cậu đi bộ đội chính là nhằm xoá cái quá khứ không tốt ấy, đồng thời để cậu tạo cho con trai một lý lịch cơ bản như nhiều người khác. Cậu biết ở thời kỳ nước sôi lửa bỏng này, những kẻ đào ngũ thì số phận mình và cả số phận con cái sau này như thế nào rồi. Hãy nghe tôi, tìm cách lánh đi đâu vài năm mà làm ăn, đợi mọi chuyện lắng xuống rồi hãy về.

- Thôi...! - Anh Thịnh gầm lên, giọng uất nghẹn. - Đây là nhà tao, nơi tao sinh ra, tao có quyền sống, thách thằng nào dám bước qua cửa.

Chủ tịch cười nhạt, rút chốt cửa :

- Chuyện ấy thì dễ. Cậu chẳng phải đợi lâu đâu.

\*\*\*

Buổi chiều, khi đi làm về, không thấy chồng ở trong buồng, linh tính báo cho chị Hà một điều gì không hay. Chị cài chốt cửa, thắp đèn, mở nắp hầm. Anh Thịnh không trèo lên như mọi khi mà hình như ngủ mệt vì đêm hôm trước thức khuya. Chị gọi nhỏ: "Anh Thịnh ơi, lên đi". Không thấy tiếng trả lời. Chị tụt xuống hầm lay chồng dậy, nhưng anh Thịnh đã chết, đầu ngả vào một bên vai, tựa sát vách hầm. Chị cuống cuống định xốc chồng lên nhưng không nổi vì hầm quá chật mà người anh Thịnh đã cứng. Trên mặt gối đặt ở đầu chiếc chõng tre nhỏ có để một tờ giấy gấp tư. Chị Hà vội mở ra, đưa lại gần ngọn đèn. Tờ giấy chỉ có mấy chữ bằng bút chì: "Tay chủ tịch là thằng đẽu nhưng nó nói đúng. Anh phải ra đi để sau này thằng Thoảng có cái lý lịch cơ bản nhưng lại không muốn xa mẹ con em. Hãy để anh ngay tại đây". Đêm hôm ấy, chị Hà gắng sức liệm cho anh Thịnh bằng hai tấm vải nhựa tháo ra từ bao gạo Trung Quốc sau đó lần ra vườn chuối xúc đất vào hai chiếc thùng gánh nước mang vào lấp hầm. Gân sáng, khi công việc xong, chị kéo chiếc hòm khoá chuông để lên trên rồi loạng choạng lê đến giường, nằm vật xuống ngất đi, đến lúc tỉnh lại thì trời đã nhá nhem tối.

Kể đến đây, chị Hà thảng thốt nhìn quanh như sợ có ai rình rập nghe trộm. Giọng chị thấp dần, nghẹn lại: "Chị là người đàn bà có tội... Hàng ngày chị vẫn thắp hương khấn anh ấy. Hình như anh ấy cũng đã tha thứ cho chị nhưng lương tâm chị thì không lúc nào được thanh thản. Những năm qua, chị cố phải sống là vì thằng Thoảng, giọt máu của anh ấy. Giờ cháu nó đã lớn, lúc này chị chết cũng không có gì ân hận".

Tôi hỏi: "Chị có dặn gì nữa không?". Chị bảo: "Hàng năm, đến ngày hai mươi ba tháng bảy âm lịch, cậu thay chị kiếm bát cơm quả trứng thắp hương cho anh ấy".

Sáng hôm sau chị Hà mất tại bệnh viện. Tôi, cháu Thoảng và hai người em trai của chị mang thi hài về làng. Đám tang cũng không đông lắm. Lúc sắp đưa, tôi thấy ông cựu bí thư đoàn Đỗ Hữu Tiệp, nay đã là phó bí thư huyện uỷ, chủ tịch xã Nguyễn Công Văn cùng đám tùy tùng mang vòng hoa bước vào. Dân làng ai cũng hiểu, họ là những cán bộ chủ chốt thay mặt chính quyền địa phương, đến vĩnh biệt một người vợ liệt sỹ, có chồng hy sinh anh dũng ở chiến trường vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.../.

## Vợ cũ

Sắp đến chương trình phim truyện. Theo thông lệ, Đài truyền hình Việt Nam phát mấy phút quảng cáo. Thằng cháu nội bảy tuổi đang ầm ức vì mục này kéo quá dài, sốt ruột, thì bất ngờ tôi đọc được mấy dòng cáo phó: "Gia đình vô cùng đau đớn báo tin, mẹ chúng tôi là bà Phạm Thị Xuyên, sinh năm 1932, quê quán tại xã... huyện... tỉnh Thái Bình, do mắc bệnh hiểm nghèo đã từ trần...".

Chuyện chị Xuyên từ bấy đến nay tôi chưa hề hé răng với vợ. Bây giờ chị ấy đã thành người thiên cổ, bà Ngân dù có đanh nọc đến mấy cũng chẳng còn đối tượng để ghen tuông. Và, biết đâu được, khi hiểu rõ ngọn ngành, ngày mai bà ấy lại cùng với tôi về làng? Vì thế, tôi quyết định kể... Năm năm mươi, tôi đang học tiểu học, gia đình bắt phải cưới vợ. Lúc ấy tôi mới mười hai tuổi, chỉ mãi thả diều, bắt ve sầu, cõng trường tắm sông, biết gì về chuyện vợ chồng.

Thấy tôi không hào hứng lắm, ông bố bảo:

- Nhà mình mấy đời độc đinh, phải lo vợ cho mày để bố mẹ sớm có cháu bé.

Tôi lắc đầu:

- Con không lấy vợ đâu. Chúng nó cười chết.

- Cười hở mườì cái răng. - Mẹ nhả miếng bã trà, thêm vào. - Thằng Chu con ông Trương Hành kém mày một tuổi ở xóm Trại, người bé như hạt mít thế mà đã lấy cái Ninh con bà Vạn cuối tháng trước.

- Con đã bảo không lấy vợ - Tôi dứt khoát phản đối. - Nếu cứ bắt ép là con bỏ nhà đi đấy.

- Thằng này láo, dám cãi lại người lớn. - Ông cụ quát. - Không lấy vợ thì nghỉ học, muốn đi đâu thì đi, tao không cấm.

Ông cụ vốn là người có máu gia trưởng, nóng tính lại dữ đòn. Mấy hôm sau, bà mẹ nói mãi vẫn không dỗ được tôi lấy vợ ông liền vợ tất cả sách vở quẳng ra sân rồi dứ dứ chiếc roi mây ra lệnh:

- Cá không ăn muối cá ươn. Mày định thi gan với tao phải không? Vào buồng ngay!

Cái roi mây của ông cụ thật đáng sợ nhưng sợ hơn cả vẫn là hình phạt bị nhốt vào buồng. Nghe bố quát, các chị tôi xanh mắt, lảng mỗi người một nơi. Tôi lăm lét nhìn quanh tỉnh nước chuồn nhưng không kịp. Ông bố hình như đã đoán được ý nghĩ ấy bèn vung roi thị oai, quát cho ba nhát đau điếng rồi ấn vào buồng khóa cửa lại. Thế là tôi trở thành tù tại gia. Sang ngày thứ hai, không được ăn gì, tôi đói lắm. Nửa đêm chị Ngà đưa bát cơm qua cửa sổ. Vừa thò tay ra đỡ thì nghe đến vút một cái, tay tôi tê dại, bát cơm rơi xuống hè vỡ tan tành. Thì ra ông cụ đã rình sẵn quyết tâm chặn mọi đường tiếp tế để khuất phục tôi. Hôm sau chị Ngà bị trận đòn nhớ đời.

Ngày thứ ba, tôi đói quá không đứng vững nữa. Nhìn xung quanh cái gì cũng lóm đóm như hoa cà hoa cải. Người bủn rủn, chốc chốc lại toát mồ hôi. Nghĩ mình sắp chết đói đến nơi, mà chết ở tuổi mười hai thì phí quá, thế là đành phải đầu hàng không điều kiện. Người mà bố mẹ hỏi cho tôi là chị Xuyên con ông Hương Đậu bên làng Vẽ, năm ấy mười tám đẹp có tiếng trong vùng.

- Có chuyện như thế thật à? - Bà Ngàn hình như bị nghẹt thở hỏi bằng giọng không được bình tĩnh lắm - Vậy mà mấy chục năm qua ông cứ im thin thít như thóc đổ bồ. Ngay cả chị Ngà, chị Ngái cũng không thềm nói với tôi một lời.

- Thì mình cứ từ từ để tôi kể, làm gì mà sồn sồn lên thế.

Vợ tôi hạ giọng chép miệng:

- Chắc là gia cảnh có chuyện éo le bà ấy mới chịu lấy ông, chứ vợ chồng như thế khác gì đôi đũa lệch.

- Mình nhận xét đúng đấy. Nhà tôi mấy đời nghèo rớt mồng tơi, quanh năm các cụ đi thiên hạ làm thuê, mỗi lúc về làng không dám ngẩng mặt lên. Đến đời ông cụ sinh ra tôi, bị cánh chức dịch chèn ép quá, không chịu được phải bỏ lên mạn ngược theo nghề sơn tràng. Mấy năm sau, làm ăn phát đạt, cụ về nhà tựu ruộng, mua trâu rồi mua luôn cả cái chức Lý Cựu để có một cái chỗ vai vế trên chiếu đình.

\*\*\*

Hồi còn ở Lạng Sơn, ông cụ học được môn thuốc chữa rắn độc cắn. Ông này một hôm đi rừng hái thuốc gặp con gấu ngựa ở Khe Hùm. Con gấu to quá mà trong tay ông ta chỉ có cây dao quắm thành ra đánh không lại bị nó tát cho, lăn xuống vực. Cũng may, hôm ấy bố tôi về bản Khuổi mua rượu cho cánh thợ xẻ. Trên đường đi, phát hiện ra, ông cụ tuột xuống vực dìu được ông lên đưa về nhà. Gia đình cảm động lắm, giữ lại chơi mấy ngày. Sau khi lành vết thương, ông già tặng bố tôi một nén vàng và truyền cho cả môn thuốc chữa rắn độc.

Dịp ấy hình như vào tháng bảy tháng tám ta, ông Hương Đậu bị rắn cạp nia cắn trong lúc đi ăn khao về. Rắn cạp nia sọc đen sọc trắng chỉ nhỏ bằng ngón tay cái nhưng nọc rất độc, độc hơn cả rắn hổ mang. Bị loài này cắn, sau mấy giờ đồng hồ, nếu không chữa kịp thời thì cái chết cảm chắc trong tay. Lúc đầu ông Hương nghĩ là rắn mòng, thấy buốt cũng chẳng để ý. Về đến nhà, ra

cầu ao rửa chân, vết thương ngấm nước sưng tấy lên, ông phải vất vả lắm mới lê được vào giường nằm rên hừ hừ. Cả nhà rối rít chạy tìm thầy. Xế trưa, mấy ông lang quanh vùng được mời đến nhìn thấy vết thương tím bầm, bệnh nhân nằm thêm thiếp, thở khò khè, vị nào cũng lắc đầu.

Tầm chiều, chị Ngái cắt cỏ về bảo với ông cụ:

- Con nghe bên làng Vẽ có người bị rắn cắn nia cắn sắp chết. Các thầy thuốc đều chịu cả. Từ trước đến nay thầy ít chữa nên bà con không biết. Hay là thầy sang bên ấy xem sao, may ra cứu được.
- Ai thế con? - ông cụ hỏi.
- Dạ, hình như ông Hương Đậu.
- Nhà ông ấy thì thầy có biết... Thôi được để tao đi kiếm ít lá.

Thế là ông cụ vào nhà lấy gói thuốc bột giã lên vành khăn xếp rồi xắn quần tất tả chạy đi. Ông cụ đến nơi thì ông Hương đã nằm bất tỉnh nhưng mắt vẫn còn phản ứng và tay chưa đến nỗi bất chuẩn chuẩn. Môn thuốc gia truyền quả là công hiệu. Chỉ một liều uống và một liều đắp vào chân, đến đêm ông Hương đã tỉnh lại, vết sưng xẹp dần, sang ngày hôm sau thì ngồi dậy được.

Chưa đầy nửa tuần trăng, ông Hương đã chống gậy cùng với vợ sang nhà tạ ơn. Đầu tiên ông ấy đặt lễ lên bàn thờ, thắp hương vái các cụ rồi quay ra sụp xuống lạy ông cụ nhà mình ba lạy. Ông cụ vội đỡ ông Hương dậy giọng bối rối:

- Ấy chết, sao ông lại làm thế.
- Thưa ông, ơn cứu mạng của ông như trời biển không biết lấy gì báo được. Hôm nay, tôi cùng bà nó sang đây là có câu chuyện muốn thưa...
- Mời ông bà ngồi xơi nước. Việc trị bệnh cứu người là trách nhiệm của thầy thuốc, ông bà không nên cả nghĩ.
- Là thế này ạ - Ông Hương khề khàng nói. - Nhà ta có cậu quý tử sắp đổ xéc phi ca. Vợ chồng tôi chỉ sinh được mình cháu Xuyên là gái, tuy còn vụng về đường ăn nết ở nhưng cũng mạo muội gửi cậu Khóa làm người nâng khăn sửa túi để đền đáp một phần ơn cứu tử của ông bà.

Lời nói của vợ chồng ông Hương trúng ý bố tôi. Từ lâu ông cụ đã có ý định chọn vợ cho tôi nhưng chưa tìm được đám nào vừa ý. Ông cụ mừng như vớ được của tuy vẫn làm ra vẻ nhún nhường:

- Ông bà có lòng thương chúng tôi xin đa tạ, nhưng cháu nó còn đang học sợ đa mang chuyện thể nhi ảnh hưởng đến sự nghiệp.
- Tôi có lời thế này - Ông Hương vẫn từ tốn nói - Việc nào ra việc ấy. Con Xuyên nhà tôi năm nay tròn mười tám, cậu Khóa mười hai, kể về tuổi có chênh lệch tý chút nhưng tôi đã nhờ người xem tử vi, ngày sinh tháng đẻ rất hợp nhau. Hơn nữa cậu Luân sắp đi học trường tỉnh. Cô Ngà, cô Ngái rồi ra cũng xuất giá làm dâu con người ta. ở nhà chỉ còn cô út, ông bà cũng phải có nàng dâu gánh vác việc gia đình phải không ạ?

Nghe ông Hương rì rả phân tích, bố tôi lọt tai, thích lắm. Thế là ngay chiều hôm ấy hai gia đình ra tuyên bố bắt tôi phải chấp hành "ngự quyết" cưới vợ.

Đám cưới được ấn định vào cuối tháng hai âm lịch. Lúc ấy tôi đang chuẩn bị thi bằng tiểu học. Thực tình, đến lúc ấy tôi chẳng có khái niệm gì về chuyện vợ chồng. Làng Báng từ bao đời nay, mười thằng con trai thì có đến năm, sáu thằng lấy vợ trước tuổi mười bốn, thậm chí có đứa còn thò lò mũi xanh, bố mẹ đã rước nàng dâu về. Thịnh thoảng có cặp vợ chồng, dĩ chồng cứ như là chị công em, thế mà vẫn đẻ một đống con, ở với nhau suốt đời. Thôi thì cái lệ làng nó vậy, một mình không chống lại được, đành chấp nhận.

\*\*\*

Đến hôm cưới tôi mới nhìn rõ mặt chị Xuyên. Người làng nói không ngoa. Chị ấy đẹp lắm, mặt

trái xoan, răng đen bóng, môi đỏ như son, da trắng mịn lại thắt đáy lưng ong. Đứng cạnh nhau, tôi chỉ cao đến ngực chị ấy. Lúc sang đón dâu tôi nhác thấy chị Xuyên buồn lắm. Lấy chồng chỉ cách nhà một cánh bãi mà chị ấy làm như là các thiếu nữ ngày xưa phải vượt trùng khơi đi cống rợ Hồ. Chị ấy trải chiếu hoa cặp điều ở gian chính giữa, mời bố mẹ ngồi lên rồi gạt nước mắt, sụp xuống lạy ba lạy. Bà mẹ thương con lắm, mắt đỏ hoe ngậm ngùi bảo:

- Con về làm dâu bên ấy nên ăn ở cho phải đạo đừng để bố mẹ chồng chê trách. Mẹ biết lòng con không được thanh thân nhưng đây là cái ơn cái nghĩa, đừng phụ công lao dưỡng dục của cha mẹ.

Trên đường về tôi ngẫm nghĩ, thế là chị ấy đã sang sông, coi như bỏ phí một đời thiếu nữ. Cách đây dăm hôm, tôi nghe mấy người đi chợ Cháy bảo chị Xuyên phải lòng anh Đọc ở xóm Cầu Đá. Anh Đọc làm nghề đơm ba ba ở sông Yên. Ông Hương chê nghèo không gả. Vào hôm tổ chức đám cưới của tôi anh Đọc bỏ làng ra đi.

Hồi nhất là ngay tối hôm ấy, khi khách khứa ra về, mọi công việc dọn dẹp đã xong, mẹ ấn tôi với chị Xuyên vào buồng rồi chốt cửa lại. Tôi vừa khóc vừa đấm cửa ầm ầm đòi ra. Gào mãi không ăn thua gì, mệt quá, tôi ngồi bệt xuống đất thiu thiu ngủ. Sáng ra, khi thức dậy tôi thấy mình đang nằm trên giường còn chị ấy trải chiếu ngủ dưới đất, gương mặt mệt mỏi với cặp mắt thâm quầng. Tôi vừa ngồi dậy chị ấy bảo:

- Tối qua nhà khóc nhiều quá, ngủ thiếp đi, tôi phải bế lên giường. Thôi ra rửa mặt ăn cơm rồi còn đi học.

- Ừ! Chẳng đi học nữa đâu.

- Kia, sao lại thế? Nhà không đi học thầy sẽ đánh đòn.

- Đi ra ngoài bọn trẻ nó ê xấu hổ lắm.

- Hay là để tôi đưa đi...

- Không được! - Tôi quắc mắt. - Chị về nhà chị đi.

Chị Xuyên không một chút bối rối, lấy tay vuốt tóc tôi như là vuốt tóc một đứa trẻ con rồi nhẹ nhàng bảo:

- Tôi đã phải về làm dâu thầy u. Từ nay trở đi nhà này cũng là nhà của tôi. Đó là cái lẽ ở đời. Nếu sau này, khi đã trưởng thành, nhà nghĩ ra, giữa chúng ta không có duyên phận, lúc ấy nhà đuổi tôi sẽ đi.

- Vì sao chị lại ở nhà tôi lâu thế? - Tôi ngó ngẩn hỏi lại. - Những bốn năm nữa cơ mà?

- Lũ chúng tôi, trời sinh ra làm phận gái phải tòng quyền nhà ả. - Chị ấy dịu dàng nhìn tôi nói bằng giọng trầm trầm thoáng buồn. - Ông Lý đã cứu mạng sống thầy tôi cho nên, phận làm con tôi phải thay gia đình đáp nghĩa...

- Tôi nghe người làng bảo chị phải lòng anh Đọc cơ mà, sao chị không lấy anh ấy?

- Không được nói như thế. Thầy u nghe thấy là rất phiền - Chị Xuyên khế bảo. - Nhà còn ít tuổi, phải cố gắng học hành để mai đây thành người có trí lực. Lúc ấy nhà đã lớn, hiểu lẽ đời tôi sẽ xin cho về bên kia. Còn chuyện nhân duyên có phải muốn là được đâu. Người ta vẫn chờ đợi nhưng ván đã đóng thuyền chỉ biết ngậm ngùi nhớ nhau trong lòng thôi...

\*\*\*

Minh nên hiểu rằng vào những năm năm mươi ấy, rất nhiều nơi ở nông thôn miền bắc còn chịu ảnh hưởng nặng nề tàn dư của chế độ thực dân, phong kiến. Chuyện tảo hôn chỉ là một trong những hủ tục ấy thôi. Đến lớp, bạn bè tìm đủ cách chọc ghẹo, may mà tôi học trội hơn hẳn nên chúng còn nể đôi chút. Một lần, trên đường về, bọn làng Thị xúm nhau vào đồng thanh reo:

*Bồng bồng công chồng đi chơi*

*Đi đến chỗ lội thì rơi mất chồng*

*Ai ơi cho Xuyên mượn chiếc gàu sông*

*Xuyến tát, Xuyến té cho chồng  
là thằng... Luân ngoi lên.*

Nghe lần đầu còn cho qua, lần thứ hai là đã ngứa ngứa, lần thứ ba thì không thể chịu được nữa, tôi bèn húc đầu vào bụng thằng Xước Rỗ làm nó ngã ngửa ra đê lên đóng phân trâu. Thế là chúng túm lấy tôi đấm túi bụi vào đầu vào mặt rồi ù té chạy.

Tôi uất quá vừa thất thểu về nhà vừa khóc. Đến sân, vừa nhìn thấy ông bố, tôi quẳng cặp sách đến bịch một cái xuống đất rồi cầu nhàu:

- Từ mai tôi đêch thềm đi học nữa...

Ông cụ trợn mắt quát:

- Lại đánh nhau với đứa nào hả?

- Ai bảo bố bắt lấy vợ, đến trường chúng nó xúm vào trêu, nhục lắm.

- A, thằng này láo! Mà định cãi lại tao đấy à?

- Người lớn gì mà xui trẻ con lấy vợ để cả làng chửi.

Ông bố tức lắm, những thớ thịt trên khóe miệng giật giật, đôi môi run run không nói được thành lời. Ông ấy đảo mắt nhìn lên mái nhà, có lẽ là tìm cây roi mây... Chỉ có chị Xuyến là bình tĩnh hơn cả. Trước tiên, chị ấy nhặt cặp sách, sau đó kéo tôi ra giếng múc nước rửa chân tay, xong việc gọi tôi vào buồng hỏi:

- Hôm nay những đứa nào trêu nhà?

- Bọn thằng Xước, thằng Quai làng Thị.

- Được rồi, để tôi nói với thầy mai đến gặp ông đốc trường. - Chị Xuyến an ủi - Chúng nó nói kệ nó, nói mãi mỗi mồm cũng chán. Nhà còn bé không đánh lại được bọn làng Thị đâu.

- Thế chị bảo phải làm thế nào? - Tôi vẫn còn ảm ức vì trận đòn, chỉ muốn học vài miếng võ để trị bọn kia cho hả giận.

- Nhà hãy nghe tôi - Chị Xuyến lại bảo - Chỉ hơn tháng nữa là đổ xéc phi ca, nhà sẽ lên học trường tỉnh. ở đây cách biệt hẳn với lũ học trò trường huyện chẳng ai biết chuyện cả. Hằng tháng tôi sẽ mang gạo và tiền lên, không phải về thường xuyên nữa.

Tôi nghe chị. Mọi việc rồi cũng ổn. Tốt nghiệp tiểu học xong, lấy có là phải ôn thi vào trung học đệ nhất cấp, tôi bắt bố mẹ phải cho lên tỉnh trọ ở nhà một ông ký nhà băng trước đây có quen biết với gia đình. Cả nhà biết thừa tôi giờ què chề vợ nhưng lúc ấy ông cụ, bà cụ đều nghĩ, việc học là trọng, còn vợ chồng đã cưới xin hẳn hoi rồi cứ để khuyên giải, bảo ban dần dần thế nào tôi cũng nghe ra, vì thế, đành phải cho tôi đi sớm hơn dự định.

Trước khi ra tỉnh tôi hỏi chị Xuyến:

- Chị biết anh Đọc đi đâu không?

- Nghe nói anh ấy vào Việt Minh.

- Nếu chị biết chỗ tôi sẽ viết cho anh ấy mấy chữ.

- Nhà đừng viết - Chị Xuyến xua tay nhếch nhếch cười buồn - Anh ấy là dân lực điền có học bao giờ đâu mà đọc được thư.

- ừ nhỉ - Tôi ngăn người ra một lúc rồi dặn - Lúc nào anh Đọc về chị cho biết để tôi nói với anh ấy một lời...

- Đừng. Thầy u mà biết thì lời thôi.

- Tôi chả sợ.

Khi ấy tôi đã coi chị Xuyến thân thiết như các chị gái mình nên rất ái ngại cho hoàn cảnh của chị - Vì tôi thương chị. Tôi hận thầy tôi, hận cả ông Hương Đậu nữa...

Chị Xuyến lặng lẽ nhìn tôi rất lâu, mắt rưng rưng như là sắp khóc. Từ đấy, cứ đều đặn tháng một lần chị Xuyến mang tiền gạo lên tiếp tế cho tôi. Chị cho mọi thứ vào quang thúng, đi bộ, mùa đông chẳng giày dép gì, gót chân bị nứt ra, rỉ máu, trông tội lắm. Lần nào ra tỉnh chị cũng mua



qua. Bà ký nhìn thấy chị chăm sóc tôi chu đáo như thể cứ nghĩ là chị ruột.

Hôm ấy vào dịp tháng chín ta, tôi về nhà lấy chứng thực của lý trưởng vào bản sao giấy khai sinh, chị Xuyên bố trí cho tôi gặp anh Đọc ở Cồn Dầu. Tôi hỏi:

- Anh tức tôi mà đi Việt Minh à?

Anh Đọc cười nhạt bảo:

- Cậu đã học đến trung học đệ nhất cấp mà ăn nói hồ đồ. Đánh giặc cứu nước là trách nhiệm của kẻ làm trai, đâu phải vì chuyện thất tình mà đem sinh mệnh ra làm trò đùa với hòn tên mũi đạn.

Thấy tôi có vẻ lúng túng anh hỏi:

- Cô Xuyên bảo cậu có chuyện muốn gặp tôi?

- Chị Xuyên là người tốt, đáng tuổi chị cả tôi, chỉ tại hai gia đình ép gả khiến chị ấy phải khổ, mà tôi cũng bị bạn bè chửi. Tôi nói thật lòng, nếu có thể được, anh đưa chị ấy trốn sang bên kia sông mà sống với nhau. Bên ấy là vùng Việt Minh thầy tôi không làm gì được đâu.

- Cảm ơn! - Anh Đọc thở mạnh như người vừa trút được gánh nặng trên vai. - Tôi chỉ muốn biết rõ ý của cậu thôi, còn bây giờ Xuyên chưa thể đi được.

\*\*\*

Tối hôm ấy tôi lấy có là nóng nằm ở tấm phản gian giữa. Bà mẹ vốn sốt ruột vì chưa có cháu bông lôi vào buồng, giọng khế rít lên:

- Này, đừng có giờ chứng, bố mày mà nóng lên thì đừng trách.

Khi cửa buồng đã bị khóa, tiếng chân bà cụ xa dần chị Xuyên mới thì thầm:

- Nhà lên giường nằm để tôi rải chiếu xuống dưới này.

- Không, chị ở trên ấy. Tôi nằm đất cho mát.

Nhưng chị không chịu, tôi đành phải nhượng bộ. Và mình có biết không, suốt từ ngày "cưới" đến những dịp nghỉ hè, năm nào cũng như năm nào, tôi và chị ấy đều thực hiện cái chiến thuật xem ra có vẻ hạ sách ấy mà cả bố lẫn mẹ đều không phát hiện được.

- Còn mùa đông? Chẳng hạn những ngày nghỉ Tết Nguyên đán hai người xử sự thế nào? Hay là lúc ấy... nằm chung?

- Nếu vậy thì đã chẳng có chuyện tôi kể cho mình nghe hôm nay - Tôi chép miệng bảo - Khổ nỗi chỉ có một cái chăn mà trời lại mưa dầm gió bắc. Hai chị em ngồi thu lu mỗi người một góc giường, răng đánh vào nhau lập cập. Thấy tôi buồn ngủ díp mắt, chị Xuyên dỗ:

- Nhà nằm xuống đắp chăn vào. Tôi quán mấy cái chiếu ngủ tạm cũng được. Tôi thương chị ấy lắm nhưng chẳng biết làm thế nào liền nói dối:

- Ngủ dưới đất không có chăn ngày mai chị ốm mất. Chị không thương tôi à?

- Tôi thương, nhưng bảo nhà phải nghe vì nhà còn phải giữ gìn sức khỏe để đi học.

- Có lẽ bọn tôi nói hơi to nên bà cụ ở gian buồng ngoài nghe được. Bà cựa mình giọng ngái ngủ:

- Khuya rồi. Vợ chồng ngủ đi, có chuyện gì để mai.

Đêm ấy rét lắm. Nằm chăn bông mà còn run cầm cập hướng hồ chỉ có hai tấm chiếu. Gàn sáng, tôi bật lửa châm vào ngọn đèn nhỏ dưới gầm hòm rồi lấy chiếc áo khoác mỏng rón rén lại gần đắp cho chị ấy.

- Tôi dám chắc lúc ấy chị Xuyên chưa ngủ.

- Tôi cũng nghĩ như thế. - Tôi thở dài bảo vợ. - Thật tội nghiệp cho những người phụ nữ nông thôn rơi vào hoàn cảnh như chị Xuyên.

Bà Ngần ngẫm nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Rồi sau thế nào? ý tôi muốn nói là, sau đó anh Đọc có về đón chị Xuyên không?

- Chuyện không đơn giản như mình nghĩ đâu. Anh Đọc bấy giờ được điều sang quân chủ lực phải đi chiến đấu xa, ít có dịp về làng. Còn chị Xuyên vẫn không muốn bỏ nhà trốn đi. Chị ấy là người có hiếu với bố mẹ, làm thế thì vợ chồng ông Hương Đậu còn mặt mũi nào nhìn thấy ông cụ bà cụ nhà ta cũng như hàng xóm láng giềng. Lệ làng là một chuyện nhưng cái ơn cứu mạng

mới chính là lý do làm chị Xuyên không thể bỏ nhà chồng theo anh Đọc. Chị ấy cứ sống âm thầm, cô đơn và tủi hận như thế cho đến ngày ký Hiệp định Đình chiến tháng bảy năm năm tư. Hòa bình lập lại, chính quyền mới bãi bỏ toàn bộ những đòi phong bại tục cũng như chính sách bất công của chế độ thực dân phong kiến. Trường trung học tạm thời đóng cửa. Tôi về nhà tuyên bố trước toàn thể gia đình:

- Từ ngày mai bố mẹ để chị Xuyên về bên nhà. Ông cụ tức điên lên, quen thói gia trưởng, rút ngay chiếc roi mây trên mái nhà xuống hằm hằm quát:
- Mày có câm đi không! Tao lấy vợ cho mày có cưới cheo hẳn hoi, thế mà mày lại...
- Thầy đánh thì con chịu nhưng con xin nói thật, nhà ta cưới chị Xuyên về làm người ở không công chứ đâu phải con dâu. Từ lâu rồi con coi chị Xuyên như chị gái và đã hứa giải phóng cho chị ấy ngay lúc mới đặt chân đến nhà ta cơ.

Bố chắc là uất lắm, mặt nặng như chì, quát đến lạc cả giọng:

- Cho mày ăn học tốn bao nhiêu tiền của giờ về cái tao phải không? Đồ bất mục.

Tôi không nhịn được nữa đành phải nói thẳng:

- Đất nước độc lập rồi, mọi việc không còn như thời phong kiến đế quốc nữa. Giữa con và chị Xuyên từ bao năm nay chưa bao giờ là vợ chồng. Thầy u cứ cố tình ngăn cản là con sẽ đề nghị với chính quyền xã...
- Mày...mày dám...

Ông cụ nghiêng răng trèo treo vung roi quát túi bụi vào vai, vào lưng, đau lắm nhưng tôi chẳng thèm tránh đòn. Giữa lúc ấy, chị Xuyên đi làm về, vội chạy đến chấp tay:

- Con xin thầy...
- Cút mẹ chúng mày đi! Đừng bao giờ bén mảng đến nhà tao nữa.
- Vậy là ông cụ chịu chứ? - Vợ tôi hỏi.
- Chưa đâu. Phải lẳng nhẳng đến mấy tháng chị Xuyên mới chính thức được về hẳn bên nhà.

\*\*\*

Ông cụ ý thế họ to gây khó dễ nhưng khi anh Đọc ở đơn vị về thì mọi việc cũng xuôi. Cuối năm năm tư, chị Xuyên lấy anh Đọc. Hai người cưới nhau có đăng ký đảng hoàng. Phải nói chị Xuyên vừa đẹp người vừa có lòng nhân hậu và sự chịu đựng đến mức thánh thiện. Riêng cái đức bao dung của chị ấy làm tôi vô cùng cảm phục...

- Mình xử sự thế là phải lắm - Vợ tôi lẳng lặng gặt đầu - Thế còn bác Đọc sau khi tổ chức đám cưới thì phục viên hay vẫn tại ngũ?
- Vẫn ở quân đội, chỉ thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Nhưng mà số chị Xuyên cũng vẫn khổ.

Anh Đọc đi B năm sáu mươi nhăm, chẳng có tin tức gì, đến năm bảy hai thì hy sinh ở mặt trận Quảng Trị, lúc ấy mới bốn mươi ba, là chính trị viên tiểu đoàn. Chị Xuyên không đi bước nữa, ở vậy nuôi hai con, vất vả lắm, nhưng sau này đứa nào cũng thành đạt. Thăng lớn hiện là tiến sĩ vật lý đang giảng dạy ở Đại học Bách khoa. Con em thì đâu như làm phóng viên của báo "Tia sáng".

- Chuyện hệ trọng thế mà mấy chục năm qua ông không nói với tôi một lời. Vợ tôi lại trách.

- Không phải thế đâu - Tôi ngỡ ý xin lỗi bà Ngân - Quả thật trước đây có những lúc tôi chưa thật hiểu mình, nhắc đến chuyện cũ sợ không thông cảm...
- Mình coi thường tôi quá. - Vợ tôi tỏ vẻ giận, kéo chân đến chỗ nằm nhích hẳn vào phía trong, ngẫm nghĩ thế nào một lúc lại quay ra bảo. - "Trái tim phụ nữ vốn rất nhạy cảm nên mới chữa được cả nỗi đau nhân thế". Mình biết câu nói ấy của ai không? Đố biết đấy! Thôi, cố chớp mắt một lúc để sáng mai ta về quê cho kịp dự tang lễ.

\*\*\*

## Phụ đính :

### Điều văn của người quét chợ

Lúc này người ta đang làm thủ tục nhập quan. Người quá cố được bọc trong làn vải xô, lòng không như chiếc lá héo bị vụn theo chiều dọc, trông có vẻ dài hơn lúc còn sống. Lão thầy cúng nửa mùa, một tay bắt quyết, miệng lầm nhảm đọc thần chú, một tay cầm con dao chém lung tung bốn phương tám hướng. Sau một hồi nhảy thách lên như con chơi chơi, lão bấm bảy nhát dao vào phía trong quan tài trừ quỷ nhập tràng rồi khoát tay ra hiệu cho hai ông già đưa người chết vào cỗ ván gỗ tạp bọc giấy đỏ.

Phải nói, không có gì thâm, nảo nề bằng tiếng kèn đám ma. Khi mà những hợp âm năm cung của điệu Lâm khốc được nâng đỡ bởi tiếng nhị réo rất, hoà với chuỗi âm thanh đơn điệu của cây đàn bầu vuốt dài đến vô tận, nghẹn ngào như nấc lên từng nhịp, thì đến người ngoài cuộc cũng rơi nước mắt. Người thổi kèn là một thợ chuyên nghiệp có hạng. Khi thổi, mái đầu bạc của ông rung rung, đôi lúc đảo qua đảo lại như các bà đồng đội bát nhang. Cùng với tiếng kèn là dàn đồng ca nức nở với đủ các cung bậc của đám con cháu nội ngoại. Ông có sáu con, bốn trai, hai gái. Cái gia đình đông đúc ấy, đã lâu lắm rồi, hôm nay mới có dịp gặp mặt đông đủ.

Người con trai thứ hai, một trung úy hải quân, đội mũ mấn, áo xô, tay chống cây gậy bằng tre tươi, khẽ cúi đầu chào tôi. Anh ta đứng ngay phía đầu quan tài, mặt hốc hác, mắt có quầng thâm vì thức đêm. Tôi cúi đầu trước vong linh ông, chấp tay vái ba vái rồi vào góc rạp, ngồi xuống chiếc ghế đẩu, khuất sau linh sàng. Ở đây ít người qua lại, tôi muốn giành chút thời gian yên tĩnh để nghĩ về ông.

\*\*\*

Cách đây ít lâu, có một lần ông bảo tôi :

- Đêm qua mình gặp giấc mơ rất kỳ lạ.

Tôi nói đùa:

- Bác bị chèo đò (\*), mặc quần cộc về nhà, chắc là lũ cá chép đỏ (\*\*\*) đến đón xuống thủy cung chứ gì ...

Ông nheo cặp mắt háp háy:

- Không phải xuống thủy cung mà ở ngay trên dương gian mới lạ. Đến bây giờ mình vẫn còn thấy lạnh sống lưng.

- Chắc lại chuyện ma quỷ ?

- Cậu đoán không sai .

- Chuyện thế nào ?

- Tầm ba giờ sáng, có tiếng gọi cửa, mình quàng quàng chồm dậy trong tình trạng thái như bị thôi miên. Một cái bóng trông chẳng khác gì thằng bù nhìn giữ dưa, khoác chiếc áo thụng đen dài quét đất lẳng lẳng ra hiệu cho mình đi theo. Chừng nửa canh giờ, hẳn ta dẫn mình đến nghĩa địa khu dân cư. Tay mặc đồ đen biến mất để lại phía sau đám lân tinh chấp chờn của loại tử thi đang phân huỷ cùng với một trận âm phong lạnh thấu xương. Từ các ngôi mộ, những bóng đen bí hiểm lần lượt xuất hiện. Mặc dù mắt kém, và nhất là đêm mưa phùn, bóng tối dày đặc, mình vẫn nhận ra thấp thoáng vài người quen. Một ông già gầy gò xương, cái bụng lép kẹp gá trên đôi chân khăng khiu, giống hệt thằng đánh gậy, đứng gần nhất, bỗng giật phất mảnh khăn che đầu, nhe răng cười :

- Tôi đây. Ông còn nhận được không ?

Đó là Cả Tuynh, chuyên nghề mổ lợn, chết vì cảm đột ngột sau một cuộc "độc ẩm" lít rươi "cuộc lủi" (\*\*\*) với lòng lợn tiết canh say bí tỉ. Mình gặt đầu bảo :

- Ông Uống nhiều quá, vỡ động mạch não. Lẽ ra không nên...

Cả Tuynh nhăn mặt:

- Ông chớ tin bọn lang băm ở cái bệnh viện sát nhân ấy. Người ta sống chết có số, không cưỡng lại được.

Ngẫm nghĩ một lúc, lão trách :

- Ông soạn diếu văn cho tôi sơ sài quá. Hồi còn sống, tôi biết có những thằng ăn ở vô cùng đều giả, thế mà lúc chết lại được người ta xưng tụng bằng đủ thứ ngôn từ hay ho. Ông khinh cái nghề ba toa của tôi nên xuống dưới này bị lép vế. Giận ông lắm.

Mình chưa kịp thanh minh thì lại một bóng đen khác, trông có vẻ như vừa mới được diện kiến Diêm Vương, chân cà nhắc nhưng vẫn còn khá nhanh nhẹn, từ ngoài chen vào, giọng thì thầm :

- Tôi suốt đời chỉ trộm cắp kiếm ăn, chẳng may bị bệnh hiểm nghèo bỏ mạng. Ông không ghét bỏ lại đọc cho bài diếu văn đầy lòng vị tha. Giờ tôi đã cải tà quy chính, được Thành Hoàng trọng dụng cho ra cai quản khu mộ địa.

Thú thật với cậu, lúc ấy mình thật sự hoảng. Sống lưng lạnh toát, hai thái dương co giật như sắp sửa lên cơn động kinh. Thì ra đó là lão Nghinh, trước làm công nhân đường dây, về hưu non, bị thủng dạ dày, chết chưa đầy năm. Tay này hồi còn làm việc đã có tiền án vì bán trộm dây thông tin. Nhà đông con, lão túng quần đấm liều. Hôm lão qua đời bà vợ sang năn nỉ :

- Lúc ông ấy còn sống có gì không nên không phải xin làng xóm thứ lỗi, giờ thành người thiên cổ rồi, trăm sự nhờ bác, viết cho nhà em bài diếu...

Trước khi lẩn đi, bóng ma lão Nghinh chấp tay vái mình ba vái rồi nói trong tiếng thờ phều phào, chẳng biết thật hay bỡn :

- Biết thế này tôi xuống âm phủ trước đây mấy năm cho đỡ nhếch nhác.

Lại một người quen. Tất nhiên là mình nhận ra người đàn ông có dáng thấp đậm, bộ mặt nhăn thín như thoa mỡ này chết cách đây hai năm. Đó là ngài phó bí thư tỉnh uỷ, vừa nghỉ hưu, bị nhồi máu cơ tim. Lão ta về xứ khỉ ho cò gáy này thăm bà vợ bé không chính thức vẫn giấu vợ cả và các con từ nhiều năm nay. Số chẳng ra gì. Chính hôm ông ấy hấp hối thì có trận mưa nguồn đổ về, cuốn phăng cây cầu Xi Măng dài hơn tám chục thước. Nước đục ngầu, chảy băng băng, mở rộng mặt suối đến mức không một phương tiện vận tải nào có thể qua được. Tất cả xe cộ từ tỉnh về đều đổ lại bờ bên kia. Các quan chức đồng sự với ông cựu phó bí thư, vị nào cũng complét, cravate, giày da bóng loáng, nhìn mặt nước đỏ lừ, gằm réo cuốn theo cả những cây gỗ lớn bị bật rễ mà lắc đầu ngao ngán. Đó là trận lũ thế kỷ, một trăm hai mươi bảy năm mới có một lần. Chẳng biết đến bao giờ nước mới rút. Ấc một nỗi là sáng ngày hôm sau đã bắt đầu Đại hội trừ bì, trong đó có nội dung bầu nhân sự cho nhiệm kỳ tới. Tất nhiên, những kẻ khôn ngoan chẳng ai muốn văng mặt vào thời điểm cực kỳ quan trọng ấy chỉ vì những lý do thứ yếu, đại loại như dự lễ cưới hoặc viếng đám ma. Vậy là, khách không chờ được đành lên ô tô về tỉnh.

Đám tang bên này còn thiếu bài diếu văn. Không còn cách nào hơn, bà vợ hai ông phó bí thư lại phải đến nhờ. Mình định chối nhưng bà ta không chịu :

- Ai ở khu dân cư này chết cũng có diếu văn. Bác mà không giúp thì em nhục với hàng xóm làng giềng. Chẳng gì ông ấy cũng là quan chức đầu tỉnh. Chỉ tại cái số vất vả.

Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng mình lấy cuốn vở học trò của thằng cháu, tìm được chiếc bút chì trong ngăn kéo rồi bảo bà quả phụ :

- Chị phải nói rõ ngày tháng năm sinh, quê quán cũng như những việc làm của ông ấy lúc còn sống tôi mới viết được. Có điều phải nói thực. Ông ấy nằm xuống rồi, coi như đã trả hết nợ đời, đừng quanh co, dối trá để vong hồn ra đi được thanh thản.

Bà ta khóc nức lên :

- Từ khi nghỉ hưu đến giờ hết lộc, vợ con ông ấy ăn ở bạc lấm, chỉ có mẹ con em là thương thật lòng. Thời thì cũng chẳng dẫu làm gì...

Thế là bà vợ bé kể. Thì ra tay phó bí thư này cũng là một kẻ rách giời rơi xuống hạ giới. Ông ta chưa học hết cấp hai nhưng lại có bằng thạc sỹ Quản lý kinh tế. Vụ bằng giả của một số quan chức đầu tỉnh đã âm ỉ lên một hồi, kéo hơn chục tờ báo vào cuộc nhưng cuối cùng, chẳng biết bằng cách nào, ông ta dẹp êm ru . Rồi vụ com măng với công ty xúc tiến việc làm lửa hơn hai trăm nữ thanh niên đi lao động ở Đài Loan bị trục xuất, vụ nhập khẩu ô tô rởm ăn chênh lệch giá và trốn thuế, vụ tịch thu đất của nông dân xã K cho doanh nghiệp nước ngoài thuê không... cũng đều trót lọt mặc cho hàng trăm đơn kiện vượt cấp bay như bướm bướm lên Hà Nội.

Nể người đàn bà, mình vắt óc tưởng tượng ra những công tích làm "đầy tớ" dân của ông cựu phó bí thư để bài điều lâm ly, hùng hồn. Nhưng cố mãi vẫn không được. Hình như có một sức mạnh huyền bí nào đó tác động đến cân não làm đầu óc mình lộn xộn, khiến những câu chữ cứ chuội đi. Cuối cùng, đành nghĩ ra một hạ sách là kết hợp điều văn của lão hàng thịt với điều văn của lão Nghinh, xào xáo đôi chút cho hợp với gia cảnh của người vừa quy tiên rồi chép lại thật nắn nót trên tờ giấy khổ rộng không có dòng kẻ.

Lúc sắp đưa ma, mình mới sang. Ngừng tiếng kèn, Bí thư chi bộ kiêm trưởng khu dân cư trịnh trọng đọc. Lão này có giọng tốt, chuyên nghề đọc điều văn, lên bổng, xuống trầm, rất có ngữ cảm. Cũng may đám tang hôm ấy vô cùng nhộn nháo. Những người đến viếng toàn là khách giời ơi nên chẳng ai phát hiện ra cái trò đánh tráo trắng trợn đó, trừ kẻ nằm trong quan tài. Bây giờ người ấy đang đứng trước mặt mình với bộ mặt nhẩn thín, cặp mắt lồi, trắng dã long lên sòng sọc :

- Ông soạn cho tôi bài điều văn hồ lớn. Phần đầu của lão hàng thịt, phần giữa là của tay Nghinh chuyên nghề trộm cắp. Phần cuối mới là của tôi nhưng lại xỏ xiên cạnh khoé. Ông là thằng đều. Tôi thật sai lầm là chết ở cái xô này. Đáng lẽ ra đám ma của tôi phải linh đình nhất tỉnh, tiền phúng viếng nhẹ ra cũng vài ba tỷ...

\*\*\*

Sau bữa ấy, ông Viễn ốm nặng, nói năng lảm nhảm như bị ma làm, tưởng khó qua được. Ông bảo, cứ mỗi khi nghĩ đến cái khuôn mặt nhẩn thín thôn thôn hình quả dưa của lão phó bí thư lại muốn ói ra mật xanh mật vàng. Từ đấy ông dứt khoát không viết điều văn cho ai nữa. Bây giờ ông nằm đây, yên lặng, để rồi chỉ chốc nữa thôi vĩnh viễn về với đất.

Những năm tám mươi, ông là nhân viên hành chính của xí nghiệp Chế biến thức ăn gia súc. Đơn vị này làm ăn theo kiểu gạo chợ nước sông, sản phẩm toàn loại thứ cấp, nợ cũ chồng lên nợ mới có nguy cơ giải thể. Cũng vào dịp ấy, những nhà hoạch định chính sách kinh tế nghĩ ra sáng kiến nhập những xí nghiệp nhỏ thành xí nghiệp lớn theo mô hình "công nông nghiệp hiện đại", thành ra ông thuộc diện dôi dư. Người ta động viên ông về hưu non vì đã đủ năm công tác, tuổi quá năm mươi. Vậy là ông về. Nhà đông con, cuộc sống khá chật vật. Ông san sẻ tình thương cho các con giống như bà mẹ nghèo chia bánh đa vừng mỗi khi đi chợ về. Ông nhịn ăn, nhịn mặc nuôi con đi học. Lương hưu không đủ sống, ông nhận thêm chân quét chợ. Một tháng được tám mươi ngàn. Chợ Bồng họp suốt ngày, ít người mà lấm rác. Quét mãi không hết, có hôm ông phải làm đến nửa đêm. Cứ mỗi lúc nhìn chiếc áo bạc phếch dán trên tấm lưng còng nhấp nhô theo nhịp chổi, tôi lại động lòng trắc ẩn. Nghĩ về ông bao giờ tôi cũng hình dung ra cặp chân ông đồng khắng khiu với hai bàn chân thô tháp bước đi theo kiểu vạt tép nhưng

nhanh một cách lạ thường. Lúc vắng người, bà Ngân hàng thịt giúi cho ông mấy ngàn "để uống rượu". Ông dùng tay quét, đưa trả lại, bảo :

- Cảm ơn bà. Tôi còn tự kiếm được. Khi nào hết tiền uống rượu, tôi xin.

Người đàn bà phốp pháp, mặt vuông chữ điền, cặp mắt lá răm lúng liếng, không dám nguyệt dài mà chỉ thờ dài lằm bằm :

- Rõ khổ. Đúng là trời bất tội.

Bà hàng thịt thương ông già quét chợ không phải bằng tình thương vay mượn mà đó là thứ tình thương rất thực thà xuất phát từ lòng căm ghét vợ ông, một người phụ nữ mẫn đẽ, già mà vẫn còn duyên nhưng làm biếng và vô tâm.

Buổi trưa ông thường đi mò. Suối gần nhà, nước xanh trong nhưng cũng sẵn tôm, cua, ốc lẫn giữa đám rong đuôi chó. Chỗ nước sâu quá tầm tay, ông hít một hơi dài rồi lặn xuống. Mỗi lần như thế, cũng lôi được từ đám rong ra một vài con cua hoặc chú tôm càng. Những thứ mò được bao giờ ông cũng chia làm hai phần. Phần nhiều, cho tất cả vào nồi, thêm vài quả cà, nêm muối, đun kỹ cả nhà ăn. Phần ít hơn, ông nướng trên than hồng hay rang nhạt nhắm rượu.

Ông có sở trường trong việc soạn điệu văn. Lời điệu của ông khúc chiết, đầu ra đáy, hợp với từng cảnh ngộ của mỗi người khi nằm xuống. Văn ông mộc mạc, chân chất, nhưng chính vì thế mà khi đọc lên nghe thật bi thiết não nùng. Nghe ông kể lại giấc mơ gặp toàn ma quỷ ngoài nghĩa địa, tôi cũng thấy chợn chợn. Không ít người cho ma quỷ chẳng qua là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nhưng xét đến cùng, biết đâu đấy, con người ta chết rồi vẫn còn lưu lại trên cõi đời một chút linh hồn. Ai chứng minh được điều đó ? Chắc chỉ có những người đã đi khỏi thế gian này. Nhưng tìm họ ở đâu ? Gần đây, nghe khẩu khí của ông, tôi có linh cảm những điều chẳng lành nhưng vẫn nói đùa để xua đi cái không khí nặng nề :

- Sao bác lại lấy điệu văn của lão Cả Tuynh thay cho ông phó bí thư ?

Ông nhếch mép cười nhạt :

- Cũng thế cả. Cái khác nhau là ở chỗ, một đảng bán thịt lợn cho người còn một đảng bán linh hồn cho ma quỷ.

Tôi không hiểu ông muốn nói gì.

\*\*\*

Hơn một năm sau. Hôm ấy tôi đang chẻ lạt rào vườn thì vợ tôi từ chợ Bồng về bảo : "Bác Viễn chết rồi". Tôi không tin, quảng dao chạy vội ra cổng. Đúng là ông đã chết, một cái chết không bình thường. Nguyên nhân vẫn tại con suối Cả. Suối Cả chảy vòng vào uốn khúc giữa hai bờ mọc toàn sung ngái hoặc những cây coi cổ thụ tán sum sê. Đứng trên sườn núi trông con suối giống như dải khăn xanh da trời phản chiếu ánh chiều vàng nhạt, đẹp một cách khiêm nhường của một vùng sơn cước. Nhưng về mùa hè thì nó trở nên khá dữ dằn. Chỉ sau một trận mưa ngàn, mặt nước trong khoảnh khắc nở phình ra, đục ngầu sủi bọt, chồm lên dữ dội như có hàng ngàn bồm ngựa chen nhau phi nước đại.

Hôm ấy ông đi câu chạch chấu. Suối Cả có nhiều chạch nhưng chạch chỉ cắn câu vào những ngày mưa lũ. Đã thành thói quen, ông chọn mồm đá bằng phẳng nhô hẳn ra ngoài suối rồi mắc mồi, buông câu. Chạch chấu kho khô với tương thì thật tuyệt. Canh dấm chua cũng tốt. Còn nếu đem nấu cháo, thêm ít gia vị và rắc hồ tiêu rồi vừa húp và thổi phù phù, thì có lẽ, trên đời này không món cao lương mỹ vị nào hấp dẫn bằng. Ở phía trên ông chừng vài chục bước có một thằng bé cũng đang câu. Nó chỉ độ mười hai mười ba, con bà vợ bé ông phó bí thư quá cố. Cậu ta đã làm được một xiên đến sáu bảy con vừa chạch vừa cá. Đúng vào lúc nó giữa người, tay giật mạnh cần câu thì bị mất đà trượt chân khỏi tảng đá trơn đầy rêu. Là người nhìn thấy đầu tiên, ông Viễn chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi vút cần câu, để nguyên cả quần áo lao xuống



nước. Cũng may, ông nhảy đón đầu, túm ngay được chân thằng bé. Bằng một cố gắng phi thường, ông dìu nó bơi cắt chéo dòng lũ vào vùng nước nông phía bờ đối diện. Bên ấy dòng chảy đã yếu nhưng do bị va đập quá mạnh, ông đuối sức, không tấp được vào bờ. Ba hôm sau người ta mới tìm thấy ông bị kẹt giữa đám rễ cây ở một cánh bãi gần cửa sông Bía, người lép kẹp, chẳng có biểu hiện gì của cái xác chết trôi.

Trong cảnh tang gia bối rối, tôi nghe thấy ông Trưởng khu dân cư kiêm Trưởng ban tang lễ hỏi đám thanh niên choai choai vừa đi đào huyệt về:

- Gia đình đã cử ai viết điếu văn chưa ?

Thằng Lộc gọi ông Viễn bằng chú bảo :

- Chúng cháu không biết. Tối qua thím cháu có nhờ ông Túc nhưng ông ấy không dám nhận lời.

- Chà ! Gay nhỉ. - Ông Trưởng ban chép miệng, mắt lơ đãng nhìn hàng cò phướn ướt sũng nước mưa hồi đêm đang uể oải lay theo chiều gió. - Ông ấy viết điếu văn cho bao nhiêu người, giờ đến lượt mình lại không có...

Tôi chợt nhớ ra. Cách đây đã lâu, khoảng hai ba năm gì đó, sau mấy hội tổ tôm ở nhà Ba Thống, ông Viễn rủ tôi sang uống rượu lạc rang. Lúc tôi sắp về, ông rút từ ngăn tủ ra chiếc phong bì bằng giấy học trò trịnh trọng đưa bằng cả hai tay, giọng có vẻ xúc động :

- Tôi gửi chú cái này. Đây là vật ký thác. Khi nào tôi nhắm mắt, người ta nhập quan rồi hãy mở. Số tôi có lẽ không được chết thanh thản nên có mấy lời dặn lại. Chú có dám hứa danh dự với tôi không?

Tôi mỉm cười hoài nghi :

- Tôi hứa...Mà làm sao bác nghĩ đến chuyện viết di chúc sớm thế ?

Ông hấp háy cặp mắt đã thắm hơi men nhưng giọng lại bình thản, trang trọng như một nhà tiên tri :

- Trong cõi đời này, chuyện gì cũng có thể xảy ra. Viết gửi chú trước, sợ đến lúc lâm sự trở tay không kịp.

\*\*\*

Tôi lẳng lặng ra về bằng lối cổng sau. Tìm được cái hộp nhỏ bằng gỗ vàng tâm trong góc tủ, tôi lật giở những thứ giấy tờ lưu trữ của gia đình, và cũng chẳng mấy khó khăn tìm ra cái phong bì xếp lẩn vào giữa đám giấy má đã ố vàng. Tôi bóc phong bì không được bình tĩnh lắm vì hồi hộp và cả tò mò nữa. Tôi thầm dự đoán, biết đâu ông Viễn có vàng, lúc sinh thời, sợ các con ỷ lại, lười làm nên dấu một chỗ, lúc chết, sợ chúng tranh nhau nên phải nhờ tôi, là người ông tuyệt đối tin tưởng, đứng ra phân xử...

Từ trong phong bì rơi ra tờ giấy gấp tư viết bằng bút bi màu tím. Tôi lật giở cả hai mặt và bỗng nhiên sững cả người. Đó không phải chúc thư mà là... điếu văn của chính ông./.

(\*) Một hình tức xử phạt khi người chơi tổ tôm phạm luật

(\*\*) Quân bài tổ tôm có tên "bát vạn"

(\*\*\*) Tiếng lóng chỉ loại rượu ngang tưng cất ở nhà

## Người thả ống lươn

Trịnh Doãng cùng họ với tôi. Hấn ở ngành dưới. Xét về thứ bậc, Doãng phải gọi tôi bằng ông cho dù hấn hơn tôi cả một giáp. Tôi là dân thợ mộc, quanh năm xách cưa đục đi kiếm ăn thiên hạ, thỉnh thoảng mới về làng, mỗi lần về lại được nghe một chuyện về Doãng, thật có mà người ta thêu dệt thành giai thoại cũng có, cứ rối tung rối mù chẳng biết đầu mà lẩn. Thời gian hầu như không tác động mấy đến tính cách của Doãng. Con người hấn vẫn như mấy chục năm trước, chỉ có khuôn mặt là nhàu đi, kéo những vết sần lổ chỗ, hậu quả của trận đậu mùa, giãn ra, trông lại có vẻ dễ coi hơn trước.

Trong ba người con của ông Cả Duệch thì Doạng và Doan thuộc loại làm ăn cơ chỉ, tính hạnh hiền lương, chỉ riêng Doãng, anh thứ hai là trái tính trái nết. Doãng tuổi Ất Hợi, năm lên bảy bị bệnh đậu mùa, toàn thân phủ dày một lớp mụn to bằng hạt đậu, mọng nước như phỏng dạ. Những mụn ấy vỡ, nước vàng chảy ra bốc mùi khẳn khẳn không chịu được. Người Doãng quắt như con mèo hen, miệng hớp hớp không khí chẳng khác gì con cá mắc cạn, thở khò khè. Ông lang Ích thăm bệnh xong, lắc đầu:

- Tôi chịu, ông bà sắp chiếu, chẻ lạt đi là vừa...

Ông Duệch thương con không nỡ. Thôi thì còn nước còn tát. Nghĩ vậy, ông bảo Doạng chạy ra xóm Bãi gọi bà Phó Lễ vào xem có cứu được không. Bà Phó Lễ là lang vườn kiêm nghề cô đồng. Thuốc của bà toàn nước thải với bùa chú thêm ít rễ cây trộn lẫn cho con bệnh uống. Vậy mà đến chập tối Trịnh Doãng tỉnh lại. Lúc ra về bà Phó dặn:

- Mệnh thằng bé này lớn lắm. Nó vốn là tướng Nhà Giời bị Ngọc Hoàng đày xuống trần gian hầu hạ "Chúa Bà" nên không thể "đi" được.

Lớn lên Trịnh Doãng không thích học mà chỉ khoái chia phe chơi trò đánh nhau. Dạy học ở làng Yên là ông đồ Sách. Đồ Sách dữ đòn, trò nào mới nhập môn cũng bị nện ba roi thật đau để nhớ câu "Tiên học lễ, hậu học văn". Doãng là đứa ngỗ nghịch lại lười nên nên hay bị thầy nọc ra sập gụ đánh đòn. Hấn căm lắm, lựa hôm đồ Sách đi ăn đồng môn, lén vào nhà vạch chim đá vào nghiên mực với ống bút. Ông Duệch biết chuyện, trói hai tay Doãng treo lên xà nhà, nện cho một trận như tử. Doãng gan lỳ, trơ ra như đá, không khóc cũng chẳng van xin, ông bố chịu phép, phải tha. Từ đấy hấn bỏ học chuyên đi thả ống lươn.

Đầu năm Bính Thân, ông Cả Duệch bị trúng gió độc vào hôm đưa ma lão Quản Tháp, được hai ngày thì mất. Lúc ấy Doạng đã có vợ, ăn riêng nhưng ba anh em vẫn ở chung một nhà. Ông bố vừa nằm xuống là Doãng đòi chia gia tài. Doạng bàn với Doan cắt cho Doãng phần đất sát đường có ngôi nhà ngang ba gian lợp ngói mũi nhưng hấn không nghe mà ngang ngược đòi mọi thứ phải chia ba, anh nào không thích có thể bán cho người khác. Gay nhất là toà nhà chính. Doãng tranh gian giữa. Chị dâu không chịu được, nói mấy câu bị thằng em trời đánh vả cho một cái học máu mồm. Ông trưởng công an đến dàn xếp, Doãng cầm con dao mác vót nan đứng giữa cửa, mặt hầm hầm, cặp môi dày chĩa ra như môi cá ngạo:

- Kê nào cả gan dám bước qua bậc cửa là Doãng này lấy mạng đổi mạng.

Vua cũng thua thằng liều. Cuối cùng, anh em Doạng, Doan phải chấp nhận phương án chia ba. Chia buổi sáng, chiều Doãng gọi người bán tài sản của mình. Doạng hốt quá, sợ cơ nghiệp mấy đời cha ông chất bóp mới có được bỗng chốc sang tay người khác, liền bàn với Doan vay giạt mỗi nơi một ít, gom đủ số tiền, tất nhiên là cao hơn so với giá nhà đất hiện thời, đưa cho ông em đầu bò. Mấy hôm sau Doãng tìm mua được miếng đất cuối làng gần khu Mả Gạch của ông Vệ Tuân. Ông này thua xóc đĩa phải gán nợ về ở với con. Khu đất rộng chừng hai sào có túp nhà ba gian lợp rạ. Từ đấy anh em Doạng Doãng không thêm nhìn mặt nhau.

Không biết Doạng học thả ống lươn ở đâu, vì làng Yên đến lúc ấy mới chỉ có công nghệ móc cua, đánh giậm, chạy dũi và đơm đó. Móc cua là thứ nghề hạ đẳng, chủ yếu dành cho trẻ con và đàn bà. Cua đồng là của trời cho, nhiều vô thiên lủng, rẻ như bèo, không bỏ bản tay những đấng nam nhi. Đánh giậm và chạy dũi có khá hơn nhưng tốn sức, cuối buổi cá tép thường ươn, khó bán. Đặt đó lại phải thức canh đêm, lơ đi một tí là công cốc, vì trộm ở xóm Rộc như rươi. Có thằng chơi đều, sau khi dóc hết cá tép trong chum, còn co chân đập bẹp hết lượt. Cuối cùng chỉ thả ống lươn là sống được, thậm chí sống phong lưu nếu biết cách giữ độc quyền, không

để bí quyết rơi vào tay người khác. Kỹ thuật làm ống lươn khá đơn giản. Nguyên liệu chính là một đoạn nứa ngọa có đường kính cỡ bắp chân, đầu mặt trở vài lỗ thông khí, đầu rỗng dài hai lỗ đối nhau, lắp hom rồi xuyên qua một thanh tre vạt nhọn là thành cái bẫy bắt lươn khá hiệu quả. Thứ mồi hấp dẫn nhất là ốc vặn đập dập trộn với giun đất. Bí mật nghề nghiệp của Doãng là ở công đoạn chọn vị trí cắm ống. Lươn ưa cư trú ở những ao tù nhiều bùn. Làng Yên thuộc vùng chiêm trũng, mười hộ thì có đến bảy, tám vật đất đắp nền nhà, thành ra, chỗ nào cũng có ao chuôm, thũng vũng, rất thuận tiện cho Doãng hành nghề.

Thường thì ban ngày hắt la cà khắp nơi, có khi lẩn vào những chỗ góc ngách, rậm rạp quan sát bằng con mắt dày dặn kinh nghiệm. Ai không biết, tưởng hắt vô tích sự, mãi chơi. Mặc kệ. Doãng không thèm chấp. Chập tối, sau khi đã chuẩn bị đồ nghề đầy đủ, hắt khoác chùm ống lên vai đến những vị trí ban ngày nhắm được. Thao tác của Doãng rất gọn, có khi chưa đầy ba phút đã thả xong một ống. Những ngày tối trời, giáp mặt không nhìn thấy nhau, Doãng cứ bước phăm phăm, khỏi cần đèn đóm. Đàn bà, con gái rất sợ gặp tay thả ống lươn ban đêm vì cho rằng hắt là hiện thân của mọi sự rủi ro. Có lần chàng ta vừa lĩnh kính bê ống lươn đến đầu Cầu Đá ngăn giữa hai thôn Đông, Đoài gặp ngay anh bí thư chi đoàn đang bóp vú cô phân đoàn trưởng. Thoáng thấy bộ dạng hắt, cô gái ngỡ là ma hiện hình, hoảng quá, rơi tòm xuống ngòi. Cực chẳng đã, anh bí thư đành phải nhảy xuống nước cứu nhân tình sau khi cô ta đã uống no bụng thứ nước nhờn nhợt khá nặng mùi được thả ra từ một trại chăn nuôi lợn tập thể.

Xong việc, Doãng quay về làm một giấc. Cuối canh tư, thức dậy trong lúc cả làng còn đang ngái ngủ, hắt rảo một vòng quanh các ao thu hết những chiếc ống đã cắm hồi đêm. Trời vừa sáng, Doãng lần lượt tháo hom dốc những con lươn béo múp, vàng ươm ra chiếc rổ sè. Hắt chọn toàn con to thả vào nồi hông bán buôn cho cô Mít. Loại nhỏ, hắt cho vào om củ chuối nhấm rượu hoặc thả xuống ao nhà để ăn dần. Có hôm Doãng đổ ra được ba con rắn, toàn loại cạp nia, khúc đen khúc trắng. Cửa này độc hơn cả hổ mang chúa, vô phúc bị nó mổ, chỉ vài giờ sau là đóng ván. Gan lỳ như Doãng mà cũng sợ chết khiếp, sau lần ấy, không dám thọc tay vào ống như trước nữa.

Sau khi chia gia tài, Doãng được năm sào ruộng đồng Gà. Chân ruộng này thuộc loại thượng đẳng điền, năm hai vụ, làm chơi ăn thật nhưng phải cái mùa khô thường khan nước. Đến vụ cày cấy, Doãng một mình xoay tròn ra không thêm nhờ ai. Giai thoại hay được bà con nhắc đến là có lần hắt tát nước với cọc. Quê tôi có lệ tát nước gầu dai, mỗi bên một người thành cặp. Những sòng tát cao người ta đóng đến ba bốn cặp. Thích nhất là tát nước đêm trăng. Từng đôi, kẻ bên này, người bên kia, đồng đưa theo nhịp. Từng gầu nước lẫ ánh trăng sóng sánh, chao theo một đường vòng cung rồi bắt ngờ vãi tung toé trên mặt ruộng, loang ra một màu trắng bạc. Chẳng biết có bao nhiêu thanh niên nam nữ nên vợ nên chồng từ những đêm trăng tát nước huyền ảo như vậy. Nhưng với Doãng thì khác. Hắt ghét cay ghét đắng lối vẫn công và mọi kiểu chung chạ. Năm ấy hạn nặng. Như đã nói, đồng Gà thuộc diện cao, nước từ ngòi máng chảy vào ít, các chủ ruộng phải thương lượng với nhau tát theo giờ. Doãng nhận vào lúc nửa đêm, chắc là vì không muốn thiên hạ nhìn thấy cung cách làm ăn quái gở của mình. Đợi cho mọi người về hết, Doãng mới lấy hai chiếc cọc tre đóng bên kia sòng. Sau khi buộc cổ định dây thừng vào cọc, hắt thả gầu rồi vung tay chao nước. Khốn nỗi, cọc tre hoàn toàn vô cảm, không có khả năng điều khiển linh hoạt như bàn tay người, thành ra, gầu vừa lên được nửa chừng đã dốc miệng hết sạch nước. Nhưng chẳng mấy chốc ăn thua, tay thả ống lươn tức mình ném cả cọc lẫn gầu xuống ngòi rồi nằm ngửa đêm sao. Đêm ấy thưa sao, trời sáng mờ mờ. Gió đông nam phe phẩy khiến Doãng thiu thiu. Chợt có tiếng cười từ xa. Doãng giật mình, lập tức bật dậy. Hắt vốn là kẻ bạo gan nhưng giữa đồng không mông quạnh cũng thấy rờn rợn. Từ lâu, người ta đồn cánh đồng này thường có Mẹ Hétb hiện hình thành thiếu nữ tóc trắng trên các bà các chị đi chợ sớm. Có lẽ mẹ ta thật. Doãng nắm chắc cán cuốc và từ từ quay lại... Không phải ma mà là một người con gái bằng xương bằng thịt đang lại gần. Hắt mê ngủ chẳng? Bởi vì người con gái đó chính là Nhụ. Bố Nhụ là ông Trần, chuyên nghề quặng chài, máu rượu, một lần uống say quá, vác chài ra ngòi Vạn, ngã xuống nước chết, để lại cho vợ ba cô con gái. Con bà Trần cô nào cũng phục phịch, hay lam hay làm và mẫn đẽ. Cô chị và cô út đã lấy chồng, có

con, riêng Nhụ ưà nhìn nhất lại chưa cùng ai. Nhà Nhụ chỉ cách nhà Doãng một quãng. Đêm ấy, biết Doãng mang cọc với gầu đi, cô ta cũng giả đồ ra thăm ruộng nhà mình. Nhìn thấy Nhụ, Doãng sửng người. Hấn có tật nói lắp, mãi mới hỏi được một câu hoàn toàn vô nghĩa:

- Cô... cô là... là... người hay...ma?

Cô hàng xóm khế cườì, giọng ỡm ờ:

- Là ma đến tát nước hộ người đây. Cái gầu có tội gì mà quẳng nó xuống ngòi? Nào, lội xuống vớt lên, đây tát cho...

- Thật chứ? Doãng có vẻ không tin lại hỏi một câu rất thừa.

- Ai nói dối làm gì, mau lên kéo trời sáng người ta bắt gặp...

Khỏi phải nói, đêm hôm ấy Doãng cảm động đến mức nào. Hai người mãi tát quên cả thời gian, đến lúc vợ chồng nhà Quýnh xách gầu ra đòi sông mới biết nước đã tràn bờ...

Mấy hôm sau, lúc làm đồng về, gặp Nhụ ở gốc đa, Doãng lén cầm tay hỏi khế:

- Nhụ có bằng lòng về ở với tôi không?

Cô gái tỏ ra khá bạo dạn:

- Thích thì nhờ người mang trâu cau sang nói với mẹ người ta...

Hấn nhờ bà Cỗn làm mối thật. Hơn tháng sau thì cưới. Đám cưới của vợ chồng hấn thế mà đông, có điều toàn khách nhà gái. Họ nhà trai không có ai kể cả anh em Doãng Doan.

Cưới nhau chưa được một năm, Nhụ đẻ sinh đôi hai thằng con trai. Doãng thích lắm đặt tên là Dọng và Dõng. Hai thằng giống nhau như hai giọt nước, người ngoài không thể nào phân biệt được thằng nào là anh, thằng nào là em. Còn bé mà chúng nghịch hơn cả quý sứ. Trong nhà có thứ gì dễ vỡ đều phải treo cao, sễnh một chút là các ông nhóc moi ra, nghịch chán chê rồi đập. Khi đã choai choai, Dõng và Dọng toàn gọi nhau bằng mày tao, không đứa nào chịu đứa nào. Nhiều hôm hai anh em đánh nhau chảy cả máu mồm máu mũi. Có bận hai thằng bảo nhau rút rơm nướng khoai. Lửa cháy to quá bén sang cả nhà bếp. Doãng tức lắm, bắt nằm sắp vựt mỗi đứa ba roi đau quắn móng nhưng chỉ được một lúc lại chứng nào tật ấy.

Dọng và Dõng khá đẹp trai, nói năng lưu loát chứ không ngọng líu ngọng lớ như bố. Điều giống bố duy nhất ở chúng là thói bán giờ không vắn tực. Dân làng Yên vốn ghét thói ba hoa thường nói sau lưng Doãng là “giò nhà ai quai nhà nấy”.

Cuối năm năm chín, làng Yên thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Doãng dứt khoát không viết đơn mặc dù cán bộ xã đã nhiều lần vận động. Hấn lý sự:

- Vào hợp tác xã nông nghiệp là hoàn toàn tực nguyện. Chủ trương của Đảng và Chính phủ là như vậy. Ai không muốn vào thì thôi, vì sao các ông cán bộ lại ép bà con?

Ông chủ nhiệm coi Trịnh Doãng là dân đầu mấu, khó cải tạo tư tưởng liền tuyên bố:

- Những đối tượng chống lại chủ trương chính sách của cấp trên, ban quản trị sẽ trả ruộng ở đồng Mã Đá.

Khu Mã Đá là địa giới giữa hai xã An Trạch và An Nhân, bỏ hoang đã nhiều năm, đưa các hộ cá thể đến đấy khác gì bắt đi đày. Doãng nuốt nước bọt đến ực, nghiêng răng, cầm phậ lưỡi dao phát bờ, dõng dạc tuyên bố:

- Ruộng này là cha ông họ Trịnh để lại chứ không phải của vợ được hỏi cải cách nhá. Kể nào động vào một hòn đất là ăn đòn.

Không hiểu ban quản trị sợ Doãng hay là họ không thèm chấp thằng khùng mà các hộ cá thể khác đã tực nguyện chuyển đến vùng đất mới, riêng mấy sào ruộng của Doãng vẫn ngang nhiên “ngự” tại khu đồng Gà như cái gai trước mắt trâu người nhà chức trách. Nhưng Doãng sức mấy thi gan được với tập thể. Hợp tác xã chi công điếm đào đắp hệ thống mương máng thủy lợi dẫn nước vào ruộng. Hấn là dân tực do chẳng thuộc tổ chức đoàn thể nào, bị “cấm vận” ngay từ vụ đầu tiên. Chẳng nhẽ cứ nằm đấy chờ nước trời trong khi trời lại đang đại hạn. Ruộng của vợ chồng hấn đã nứt chân chim, lúa héo đến nơi. Nóng ruột quá, nửa đêm thức dậy, Doãng lén ra đồng. Hấn đang hí hục tháo trộm nước thì cánh cò đỏ tuần tra bắt được. Nói mãi Doãng không nghe, tay đội trường sấn vào giằng cuộc đắp lại bờ bị hấn tống cho một quả vào quai hàm. Phải vất vả lắm họ mới điệu được gã “thủy tặc” về trụ sở hợp tác xã. Chuyển ấy Doãng bị giải lên

công an huyện làm khách của đám muối vắn mấy đêm. Không biết ở cơ quan bảo vệ pháp luật người ta nói những gì mà sau hôm được thả, dân xóm Rộc thấy hấn lừ khừ như tù mới xuất trại, đến ban quản trị xin đổi ruộng.

Vợ chồng Doãng xoay tròn ra với mấy sào ruộng xấu. Hấn sang cồn Láng cắt lá về làm phân xanh, còn Nhụ quẩy đôi quang sào khắp làng nhặt phân trâu bò bón ruộng. Không có hạt đạ nào mà lúa của hấn tốt bời bời, năng suất gấp mấy lần hợp tác xã. Khổ nhất là hồi chưa mua được trâu, Doãng phải nai lưng kéo cày. Hai vợ chồng hấn, người đi trước, kẻ bước sau, những nhắng mấy ngày mới làm xong đất. Ý chí quyết tâm làm giàu của Trịnh Doãng thật đáng nể. Trong có mấy năm, hấn vừa làm được nhà ngói ba gian xây gạch chín, tậu được con nghé, lại bổ sung dân số cho làng Yên hai thằng con trai làm cho chủ nhiệm Tào Văn Hồ tức điên lên. Lão bèn triệu tập cuộc họp ban quản trị khẩn cấp chuyên bàn về lĩnh vực ao, hồ, đầm, ngòi. Sau hai ngày cãi nhau khá căng thẳng, cuối cùng ban lãnh đạo cũng ra được nghị quyết với nội dung cơ bản như sau: “Các diện tích mặt nước trong làng và ngoài đồng đều thuộc quyền sở hữu tập thể, cấm mọi hình thức đánh bắt cá. Ai vi phạm sẽ bị xử phạt tùy theo mức độ nặng nhẹ”. Thông báo trên được gã Tuyển Què trong ban Cờ Đỏ kẻ chữ son lên bảng tin ngay cổng làng và trước trụ sở hợp tác xã. Ngoài ra, mỗi ao chuôm thùng vũng còn được cấm biển gỗ viết sơn đỏ dòng chữ ngắn gọn: “Cấm mọi hình thức đánh bắt cá”. Xã viên kháo nhau, phen này Trịnh Doãng hết đường làm ăn. Những kẻ ghen ăn tức ở nhìn ngôi nhà ngói đỏ của hấn nhếch mép cười nhạt. Thế nhưng, biển cấm cấm hôm trước, sáng hôm sau vợ Doãng vẫn có lươn mang ra chợ Tổng bán. Chủ nhiệm Hồ cáu tiết gọi trưởng ban bảo vệ ra lệnh:

- Đêm nay cậu cho anh em đi kiểm tra một lượt các ao trong làng, nếu gặp tay Doãng, không nói lời thối, cứ điệu cỗ về đây, tội vạ đâu tôi chịu.

Phải đến tối thứ ba cánh dân quân mới tóm được Doãng trong khi hấn đang lúi húi gài ống ở cầu ao nhà ông Phó Duyệt. Chẳng nói chẳng rằng, thằng Cửu và thằng Hiệp quàng ngay dây thừng vào cổ nạn nhân, trói nghiêng lại dong về uỷ ban xã. Hấn vừa chửi vừa la :

- Ối dân làng ơi! Chúng nó trói người...

Doãng bị vút nằm queo ở nhà kho suốt một đêm. Bên ngoài có hai dân quân cầm súng đứng canh. Sáng hôm sau, chủ nhiệm Hồ, phó chủ tịch Trần Sớ, trưởng ban bảo vệ Tiệp Cò cho dẫn Doãng vào trụ sở hỏi bằng giọng đắc thắng:

- Anh có biết vì sao bị bắt không?

Doãng lừ mắt, điềm hết lượt các vị chức sắc, giọng ráo hoành:

- Các ông bắt trói người vô cớ là vi phạm pháp luật.

- Đề nghị anh ăn nói nghiêm chỉnh! - Chủ nhiệm Hồ lên giọng răn đe - Vậy anh có biết hợp tác xã đã cấm mọi hình thức đánh bắt cá không?

- Biết. Doãng nói cộc lốc.

- Tại sao vẫn cố tình vi phạm?

Doãng nhếch mép cười gằn:

- Tôi không bắt trộm cá của tập thể mà là bắt lươn. Thừa các ông cán bộ, lươn không nằm trong danh mục cấm.

- Anh, anh... lão, còn già mồm cãi hả? - Chủ nhiệm Hồ bị cú điềm huyết đâm ra đuối lý nhưng vẫn cố nói liều để vớt vát sĩ diện. - Lươn cũng là... cá thuộc tài sản hợp tác xã.

- Này các ông! - Doãng lại héch cặp môi cá ngạo về phía chủ nhiệm hợp tác xã - Các ông ra văn bản cấm mọi hình thức đánh bắt cá mà lại cho dân quân rình trói thẳng thả ống lươn, thế có phải là phường lừa đảo không? Được, tôi sẽ theo kiện vụ này lên tỉnh, tỉnh không xong sẽ vác đơn lên trung ương.

Từ chuyện ấy, Ban quản trị hợp tác xã làng Yên đâm ra ngại đụng chạm với Doãng. Thấy chính quyền lờ đi, hấn mặc sức tung hoành, đồng thời nghiên cứu, nâng cao kỹ thuật bắt lươn lên hàng công nghệ. Có lần Doãng được đích thân chủ nhiệm Hồ đặt hàng hai trăm năm mươi con.

Chuyện có vẻ khó tin nhưng hoàn toàn là sự thật. Đạo ấy làng Yên nổi tiếng khắp cả nước về làm thủy lợi nội đồng, được ông bí thư tỉnh uỷ dẫn một đoàn khách tham quan cùng mấy chục nhà báo “quốc doanh” về thăm. Ông bí thư vốn thích món lươn om củ chuối. Vậy là Trịnh Doãng được triệu đến. Người hán thì nhếch nhác, bản thủ nhưng các món đặc sản do hán chế biến từ lươn thì ngon không chê vào đâu được. Trước khi về tỉnh, ông bí thư bắt tay và ban cho hán lời khen, thậm chí còn mời hán đến nhà chơi nếu có dịp về thị xã. Vậy là, bỗng chốc tay thả ống lươn trở nên nổi tiếng. Cán bộ xã từ đấy có ý gờm cho dù hán chỉ là anh nông dân cá thể, một đối tượng mà đáng lý ra mọi người luôn phải cảnh giác.

Dộng và Dõng chưa học hết lớp bốn, đã muốn bỏ, Doãng gật đầu bảo các con:

- Họ Trịnh nhà mình không có mả làm cán bộ, học lăm cũng vô ích. Tốt nhất chúng mày cứ theo nghề bắt lươn. Thứ này thời nào cũng cần, tuy chẳng giàu nhưng cũng không đến nỗi nhếch nhác như đám xã viên ngày công hai lạng thóc.

Đầu năm bảy ba, thằng Dõng có giấy gọi nhập ngũ. Doãng vừa ở đồng về, vẫn còn mặc quần đùi, tay chân lấm bùn đất, chạy đến nhà xã đội trưởng sừng sộ:

- Nó mới mười bảy tại sao các ông đã bắt lính?

Xã đội trưởng Quản Văn Bền biết tính Doãng, mở ngăn kéo, lấy bản danh sách sao từ sổ hộ khẩu đặt trước mặt hán:

- Đến tháng ba năm nay, hai cháu Động, Dõng vừa đủ mười tám. Số liệu tôi lấy bên uỷ ban, ông xem. Xã ta đợt này cuối tháng tư mới tuyển quân nhưng chúng tôi báo trước để bà con có sự chuẩn bị.

Doãng hiểu ra nhưng chưa chịu về ngay. Hán ngẫm nghĩ một lúc rồi nhám nhằng bảo xã đội trưởng:

- Nói thật, thích thì tôi cho thằng Dõng thậm chí cả thằng Động nữa đi bộ đội, còn không, thách các vị đấy...

- Ông nói toàn giọng phản động. - Xã đội trưởng xua tay bảo - Đi bộ đội là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, ông không giữ mồm là vào... nhà đá.

Doãng lắc lư mái tóc tổ quạ, nghênh cái cổ ngẩng như cổ cò ruồi, lý sự cùn:

- Vậy tôi hỏi nhá, ông Sầm, chủ tịch xã, có hai thằng con đều đã quá tuổi mười tám, sao chúng không đi làm “nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người dân” mà lại sang Liên Xô học? Hơn nữa, từ trước đến nay nhà nước có quan tâm gì đến những hộ cá thể đâu mà bắt con người ta đi lính? Xã đội trưởng không thể kiên nhẫn giải thích được nữa, khoát tay bảo:

- Nói như ông thì mắt nước từ lâu rồi. Xã hội phân công mỗi người một việc, thắc mắc cái gì. Ai bảo hai đứa nhà ông chỉ học đến lớp bốn rồi bỏ?

Có điều Trịnh Doãng không ngờ đến là, thằng Dõng vừa nhập ngũ được bốn tháng thì đến lượt thằng Động, chẳng biết ai xui, đã dẫu bố mẹ làm đơn tình nguyện gửi lên huyện đội. Bà Nhụ thương con, ngăn không được, khóc vật vã mấy ngày liền, hán thần nhiên bảo:

- Nhà mình những bốn thằng con trai, cứ để nó đi cho thoả chí tang bồng. Mà tôi nói thật, có giữ cũng chẳng được. Họ tuyên truyền giỏi lắm, nghe nói bên xóm Chùa có mấy đứa viết đơn bằng máu...

Hôm tân binh lên đường, Doãng tổ chức bữa liên hoan, các món ăn toàn chế biến từ lươn. Lúc thằng Động khoác ba lô lên vai, hán rơm rớm nước mắt dặn:

- Đã đi thì phải đi đến nơi đến chốn, hễ mà đào ngũ thì đừng có vác mặt về nhà...

Bà vợ nghe chường tai vội trách chồng:

- Ở kia! Sao chưa chi ông đã mắng con thế?

Hán lấy những ngón tay xù xì quệt nước mắt chống chế:

- Tôi chỉ... dặn nó chứ mắng... đâu mà.

Thằng Động vào Nam sau em ba tháng. Hơn một năm hai đứa chẳng thư từ gì. Vợ chồng Doãng sốt ruột lắm. Vào đúng hôm thanh minh, Doãng choáng người vì có giấy báo thằng Động mất tích. Mất tích hay đầu hàng địch? Câu hỏi cứ lớn vờn trong tâm trí hán. Không ai bảo



ai, từ cán bộ đến xã viên làng Yên đều mặc nhiên nhìn vợ chồng hắn như là bố mẹ của kẻ phản bội. Ban đêm, thỉnh thoảng thức dậy, linh tính báo cho hắn biết, hình như có kẻ nào đó rình mò sau nhà.

- Mặc mẹ chúng mày! - Doãng lau bầu chửi, cốt để những vị khách không mời nghe thấy - Có giỏi thì đêm nào cũng đến đây canh trộm cho ông.

Nói thế nhưng hắn cũng mài sẵn cây mác, rót thêm dầu lạc vào chiếc đèn "lò" để phòng bắt trộm.

Cuối năm bảy tư thằng Dõng có thư về. Nó được phong danh hiệu "dũng sỹ diệt xe tăng" và tặng thưởng huân chương chiến công. Doãng mừng lắm, đem khoe khắp xóm. Từ hôm ấy, hắn để ý không thấy có kẻ rình rập ban đêm nữa.

Giải phóng miền Nam được một tháng, Thằng Dõng giải ngũ, mang theo chiếc khung xe đạp và con búp bê nhựa gần bằng đứa trẻ mới đẻ. Còn thằng Dọng, hết năm bảy năm, qua năm bảy sáu vẫn bật vô âm tín. Cứ vài tuần một lần, Doãng lại đạp xe lên huyện đội hỏi, và lần nào cũng vậy, người cán bộ chính sách đều trả lời: "Chưa xác minh được". Tuy không nói ra nhưng trong thâm tâm, Doãng nghĩ thằng Dọng đã hy sinh mà đồng đội không tìm thấy xác. Thật khổ cho nó. Con người ta chết được công nhận liệt sỹ, còn con mình sao lại chết mờ ám thế. Những ngày tháng chờ đợi càng dài, niềm hy vọng vừa vợ chồng Trịnh Doãng càng vơi. Gặp người làng, nếu ai vô tình nhắc đến chuyện ấy là hắn nổi cáu:

- Ông đừng có mà xỏ xiên, nay mai người ta cấp bằng liệt sỹ cho thằng Dọng rồi khỏi đứa trắng mắt ra...

Doãng già đi trông thấy. Chưa đến bốn năm mà tóc hắn đã lốm đốm hoa râm, khuôn mặt nhằng nhịt những vết tàn nhang, bình thường vốn đã khó coi, giờ nhăn nhúm như chiếc bị rách trông càng hăm tòi. Đã thế, cặp môi cá ngão dày quá mức bình thường mỗi ngày một thêm dầu ra, đẩy lưỡi về phía sau, làm hắn nói năng rất khó khăn. Thỉnh thoảng Doãng lại hỏi thằng Dõng:

- Mày gặp các ông chỉ huy đơn vị thằng Dọng người ta bảo thế nào?

- Con đã nói rồi, bố cứ hỏi mãi. Họ bảo anh ấy có khả năng bị địch bắt rồi chúng thủ tiêu.

- Thế có khôn nạn không chứ! - Doãng thở dài thườn thượt - Đợi ít lâu nữa rồi tao với mày phải vào trong ấy xem sao. Chẳng nhẽ họ lại vô trách nhiệm với người lính như thế...

- Được rồi, con đi. - Thằng Dõng nhăm nhẳng - Nhưng bố mẹ phải cưới cái Nụ cho con.

- Mày ra điều kiện với tao đấy hả? - Doãng cáu, nói lập bập - Con với cái.

\*\*\*

Nhiều năm qua đi...

Thằng Dõng, thằng Dung, thằng Dị đã lấy vợ ra ở riêng. Ba thằng chẳng thằng nào theo trọn nghề của bố. Dõng kiếm được ít vốn chạy tuyến biên giới buôn hàng Trung Quốc. Dung cùng với mấy anh bạn nhận đầu thầu khu đồng trũng thả cá và nuôi vịt đẻ tận quán Năm Gian. Riêng thằng Dị không chịu cảnh đất chật người đông chỉ độc canh cây lúa đã dặt vợ vào Lâm Đồng lập nghiệp. Doãng vẫn túc tắc thả ống lươn kiếm đồng ra đồng vào. Có điều, bí mật công nghệ đã bị đánh cắp, làng Yên hình thành một đội ngũ hành nghề khá đông, chuyên cung cấp hàng cho cửa khẩu Móng Cái, thành ra lươn ít dần, thậm chí có nguy cơ tuyệt chủng. Nhiều lúc ngồi nhấm rượu với lươn om riêng bên cạnh bà vợ kém mắt, Doãng than thở:

- Nghề của tôi mặt vận đến nơi rồi bà ạ!

Giữa năm chín hai, Trịnh Doãng nhận được thư thằng Dọng từ Pháp gửi về. Vậy là nó còn sống nhưng tại sao lại theo bọn "thực dân đế quốc"? Doãng giận lắm, định xé thư đi. Thằng Dung vội ngăn lại:

- Thầy nóng tính quá, cứ đọc hết xem anh ấy nói những gì đã.

Doãng lờm con:

- Nó bí mật tao. Chuyện này mà lộ ra thì nhục với cả làng.

Dung đọc xong, mặt ông bố tươi tỉnh hẳn lên. Hoá ra sự việc cũng đơn giản chứ không phức tạp như Doãng nghĩ.

\*\*\*

Đầu năm bảy tư, trong một trận đụng độ với tiểu đoàn 7 thủy quân lục chiến quân đội Sài Gòn, đại đội 12 bị đơn vị thiện chiến này tập kích gây tổn thất nghiêm trọng. Trung đội của Động toàn lính mới, tuy chiến đấu dũng cảm nhưng chưa có kinh nghiệm với những tình huống phức tạp ở chiến trường, thương vong khá nhiều. Số còn lại, trong đó có Động, bị trực thăng hốt đưa về căn cứ Phước Tân. Tại đây, phần lớn tù binh phải lên rừng chặt gỗ hoặc khai thác đá ở sườn núi Ông Tượng. Một lần đi làm, nhận thấy toán quân cảnh giám sát có vẻ lỏng lẻo, nhóm sơn tràng của Động giết chết một viên thiếu úy, trói mấy người lính, nhét giẻ vào mồm rồi rủ nhau trốn trại. Nhưng cuộc tháo chạy thất bại, ngay đêm hôm ấy, tất cả đều bị bắt lại. Động nhận hết về phần mình, như thế có nghĩa là chấp nhận hình phạt xử bắn. Viên trung tá giám thị trại giam, người gốc Phát Diệm, thấy gã Việt cộng trẻ măng, vẻ lạnh lợi, lại có hành động nghĩa hiệp, trong lòng phục lắm liền gợi ý:

- Tôi có thể miễn tội chết cho cậu nhưng với một điều kiện.
- Điều kiện gì? - Động nhìn viên sỹ quan với vẻ cảnh giác, hỏi cộc lốc.
- Đơn giản thôi, làm lính hầu cho tôi.

Động nghĩ một thoáng rồi khẽ gật đầu:

- Được... nhưng xin ông đừng xử bắn những người kia.
- Cậu là thằng đầu têu mà tôi còn tha huống hồ anh em khác.

Cuối tháng hai, viên trung tá có dự cảm cuộc chiến sắp tàn, nền Đệ nhị cộng hoà khó mà đứng vững, nếu không thoát ra mau sẽ có nguy cơ chìm thuyền, bèn xin giải ngũ đem cả vợ con sang Pháp. Ông ta bảo Động:

- Cậu được tự do nhưng theo tôi nên xác lập cho mình một tương lai chắc chắn ngay từ bây giờ.

- Trung tá nói sao?

- Từ giờ đến lúc kết thúc chiến tranh có lẽ cũng chẳng còn mấy, và ai biết chuyện gì sẽ xảy ra đối với những tù binh như cậu, cho nên, tốt nhất là di tản cùng gia đình tôi.

- Nhưng còn bố mẹ, anh em tôi ở miền Bắc?

- Nhà cậu còn những ba gã con trai đúng không? - Viên cựu giám thị kiên nhẫn thuyết phục - Vả lại, Bắc Việt đang đói và có lẽ còn rất lâu mới thoát ra khỏi ảnh hưởng tai hại của cuộc nội chiến chó má này. Khi đã có chút tài sản trong tay, về nước lúc nào chả được.

Nghe ông ta tán, thấy cũng có lý, Động gật đầu bảo:

- Trung tá nói đúng, ông bỏ tôi suốt đời làm nghề thả ống lươn, có năm mơ cũng không dám nghĩ đến chuyện sang Pháp.

Mười mấy năm qua, Động biết quê nhà đã có nhiều thay đổi. Chính quyền hiện tại không còn định kiến nặng nề với những người vì hoàn cảnh bắt buộc phải rời tổ quốc kiếm sống ở phương trời xa. Nó dự định sẽ về thăm quê.

Mấy tháng sau, Động đưa vợ con về thật. Vợ nó chính là con gái viên trung tá giám thị trại tù binh Phước Vĩnh năm xưa. Vợ chồng Động ở nhà một tháng. Nó biếu họ hàng quà cáp chu đáo, giúp vốn các em làm ăn và cho bố mẹ đủ số tiền xây ngôi nhà hai tầng đẹp nhất làng Yên. Trước khi về Pháp, Động ra ủy ban xã xin góp năm ngàn dollars để xây trạm xá.

Trịnh Động nghiêm nhiên trở thành Việt kiều yêu nước. Lão Doãng bao năm khổ sở vì cái nghi án mất tích của con trai, nay được mở mắt mở mày với hàng xóm, trong lòng vô cùng tự đắc. Sau tết nguyên đán, Động gửi giấy bảo lãnh cho bố sang Pháp chơi mấy tháng. Lão Doãng đến Paris cứ như người từ hành tinh khác xuống vậy. Gặp cái gì lạ lão cũng “ồ”, “à” hệt như dân làng Yên ra tỉnh nhìn thấy những manequin ăn mặc hở hang trong tiệm may đo. Thằng Động là chủ cửa hàng cơm chuyên bán những món đặc sản Việt Nam, nổi tiếng nhất là lươn, ếch, ba ba. Lão không thể hiểu, ở cái xứ sở cách quê nhà cả chục ngàn cây số, quanh năm giá lạnh

này mà chúng vẫn kiếm được hàng thùng lươn béo mẫm, phục vụ khẩu vị của các thượng đế tha hương.

Sang đây với con, Doãng đâm ra nghiện món bánh mì sốt vang thịt bò. Người lão đẩy ra, những vệt rỗ nhằng nhịt - di chứng của căn bệnh đậu mùa - hình như đang lặn dần. Khuôn mặt nhăn nhúm vốn dĩ khó coi của lão giờ giãn ra, bóng nhẫy, linh động, đầy sinh khí. Hết đi thăm các danh lam thắng cảnh lại ở nhà bật máy thu hình (toàn người Tây, chữ Tây) xem mãi cũng chán, Doãng đòi về. Vợ chồng Dọng giữ mãi không được đành phải chiều ông bố trái tính. Về đến nhà, như lời thằng Dọng dặn, Doãng mang tặng ủy ban bảy ngàn dollars để xây trụ sở theo sự gợi ý của ông chủ tịch vốn là bạn đánh giậm với nó thuở trước. Số còn lại, lão bàn với vợ gửi ngân hàng lấy lãi. Từ đấy họ Trịnh bỏ hẳn nghề thả ống lươn.

Trụ sở ủy ban hai tầng, mặt tiền ốp đá, mái chóp, nổi tiếng hàng huyện. Để ghi nhớ công lao của Trịnh Doãng có được người con làm về vang cho quê hương, ông chủ tịch đề nghị dựng tượng lão ở ngay phía sau khuôn viên trụ sở. Công trình hoàn tất, rất nhiều người đến xem và bình phẩm. Đó là một hình người thô kệch bằng xi măng cốt thép, đứng ưỡn ngực trên bệ cao, vai khoác chùm ống lươn, chiềng ra trước thiên hạ bộ mặt vênh váo, do nhà điêu khắc Quang Đệ nổi tiếng lảng tử của Hội văn nghệ tỉnh sáng tác.

Đạo này, bụng Trịnh Doãng có xu hướng mỗi ngày một to bởi từ khi giải nghệ, ít vận động, tỳ vị đâm ra ngưng trệ. Vì thế, sáng nào lão cũng đạp chiếc xe Peugeot cánh trả qua lối cổng chùa Vĩnh Hưng, lên đường trực liên xã rồi sang Phố Phủ làm vại bia cỏ, bát tiết canh và tô phở tái. Vừa ăn, lão vừa thả lời ong bướm tán tỉnh bà chủ quán phốp pháp còn khá trẻ, có cặp mắt hiếng.

Trên đường về, Doãng đạp xe thật chậm rãi như người tập thể dục dưỡng sinh. Đến trụ sở ủy ban, thế nào lão cũng vòng ra phía sau vườn ngắm tượng của mình. Có lần, ngắm xong lão chép miệng:

- Cái tay Quang Đệ nói phét một tác đến giờ. Tượng chẳng giống mình tí nào. Thật phí tiền...

*Ghi chú:*

a - Là loại nứa ống to trên rừng, dân sơn tràng khai thác rồi đóng bè chuyển về miền xuôi bán để đan cốt hoặc làm ống lươn.

b - Một loại ma đàn bà hay trêu người trong truyền thuyết dân gian vùng đồng bằng sông Hồng.

c - Đèn thấp bằng dầu lạc hoặc dầu trầu, mỡ lợn, đặt trong hộp có mặt kính là một khối chòm cầu dày khúc xạ ánh sáng.

d - Giá treo quần áo được làm theo hình người.

## Công ty "vet"



Tranh Cao Long

Thời còn trẻ, lúc nào Cao Hành Ngâm cũng tự nhận mình là người Hà Nội để lòn thiên hạ. Thực ra quê hấn là một làng bán sơn địa miền trung châu mang đậm dấu ấn của nền văn minh đá ong. Bên kia sông Cái, đối diện với bãi chuối làng Hạ là khoảng không xa vời, nhìn đến ngút tầm mắt trong cái màn sương bàng bạc của buổi chiều mưa bụi. Ngã ba Hạc Trì nhập nhòa lẫn vào muôn ngàn ngọn sóng xô đẩy những tiếng vỗ cánh nhè nhẹ của đàn nhạn nước từ chín mươi chín chóp núi vùng Đất Tổ, sắp theo hình mũi tên, lạng lẽ bay qua.

Ông thân sinh là nhà nho nhưng Hành Ngâm lại mù đặc thứ chữ vuông đầy tính biểu tượng. Hình như đầu óc hẳn có vấn đề. Bởi lẽ, lúc ấy, Hán học tuy đã vào thời mạt vận nhưng không ít bạn bè cùng lứa đọc thuộc lòng *Tam Tự Kinh*, thì trái lại, hẳn chỉ viết được mỗi cái tên ngoặc ngoạc như gà bới.

Lúc mới lọt lòng mẹ, ông bố nhìn thấy thằng con trán thấp, đầu bẹp, lưng dài, chân tay ngắn, lắc đầu bảo :

- Tướng thằng này mai sau chỉ là phường làm mướn, nếu gặp may được chức quan nhỏ khó tránh khỏi vòng lao lý...

Để hãm bớt phần nào cái tương lai chẳng mấy tốt lành mà quỷ tiên thiên *Sơn địa bác\** với đường chủ mệnh nằm ở *hào chín đầu\*\** đã ngầm chỉ ra, ông đồ có ý định đặt tên cho cậu con thứ là Hối. Chữ "*hối*" bên trái có bộ "*tâm đứng*", bên phải có chữ "*môi*" hàm ý con người luôn luôn phải tu tỉnh, sửa những điều sai trái của mình mỗi ngày. Được khoảng hai tháng, cu Hối bị bệnh phỏng trần châu, mụn nước vỡ loang ra khắp người, bỏng rát, làm hẳn khóc xoe xoe như bị đồng cô bóng cậu về ộp. Bà Nhiều Cảnh bên làng Vẽ bày cho cách ngâm thẳng bé vào nước vò số pha với mật kỳ đà. Mơn thuốc của con mẹ lang băm tỏ ra khá hiệu nghiệm. Sang ngày thứ ba thì Hối khỏi bệnh nhưng từ đấy da hẳn chuyển sang màu nâu sẫm, thậm chí có vùng còn đen bóng chẳng khác gì mực tàu của ông bố mỗi khi viết chữ Nho. Bà mẹ hẳn lúc ấy đã đã trạc tam tuần, nhìn thằng con vai u, nước da quái dị buột miệng bảo chồng :

- Khỏi phải tìm tên nữa, theo tôi, cứ đặt nó là thằng Ngăm.

Ông bố ngẫm nghĩ một lúc rồi khẽ gật đầu :

- Cũng được, nhưng tên chữ thì gọi là "Ngâm", nghĩa là đọc thơ văn diễn cảm, có ngữ điệu chứ không phải ám chỉ nước da "ngăm ngăm" như bà nghĩ.

Hơn chục năm sau, khi đã choai choai, Hành Ngâm giỏi đánh giậm và hay ăn cắp vặt, nhất là trứng gà. Trong xóm, nhà nào có gà đẻ là hẳn rình rập thó cho bằng được dăm quả dút túi áo hoặc nhét giỏ cá mang ra đồng mút sống. Mãi sau này mọi người mới vỡ lẽ, đó là bài thuốc chữa bệnh da đen hẳn học được từ một gã thầy Tàu chuyên nghề bẫy chim ngói ở Miếu Cò. Một lần Hành Ngâm chồm được ổ trứng của bà Sáo Sậu, lèn ra đến bờ ao thì bị tóm. Ông chủ nhà vừa thua bạc về, đang cay cú, tức mình quật cho tay đao chích mấy hèo rồi điệu sang giao cho thầy đồ. Chuyện ấy hẳn bị một trận nhừ tử nhưng chứng nào vẫn tật ấy. Mút trứng sống lâu ngày đã thành nghiện, thỉnh thoảng không được tráng miệng vài quả là hẳn ta ăn không ngon ngủ không yên.

Chưa đầy mười lăm, Hành Ngâm đã sớm nổi máu gió trắng. Mùa hè, vào lúc chạng vạng, hẳn hay lảng vảng dọc đường làng giả dò *thả ống lươn hoặc cắm hóc \*\*\** cá chuối để nhìn trộm đàn bà con gái tắm trường. Làng Hạ Lôi lắm ao chuôm, xung quanh trồng toàn tre gai. Gã đánh giậm lẩn khuất như ma, luồn từ bụi này sang bụi khác, phóng cặp mắt đùng đục, đảo loang loáng như mắt linh miêu làm chị em sợ hết hồn.

Hôm ấy Hành Ngâm sang đánh giậm ở cồn Mất Quỷ. Mất Quỷ là bãi cát bồi nằm lệch về phía hữu ngạn sông Sọc Dưa. Dải phù sa này hẹp nhưng vô cùng màu mỡ, dân Hạ Lôi chuyên trồng ngô và dâu tằm. Dịp ấy vào đầu tháng ba. Cả một rừng ngô xanh thẫm đang trở cò rì rào trước làn mưa bụi cuối xuân. Dưới sông sóng vỗ lao xao. Trên cao, bầy chuồn chuồn ngủ màu lá úa cắn đuôi nhau, chao đi chao lại như mắc cửi. Một con giang to đùng, mỏ dài như cặp kim thợ rèn, từ bụi dừa nước, nghe tiếng mõ giậm oàm oạp vội cất mình bay lên. Nó vừa sải cặp cánh kền càng vừa lầu bầu chửi gã phá đám bằng thứ âm thanh kèn kẹt làm lũ chuồn chuồn hoảng hồn vội giạt ra, xô nhau, ẩn vào vườn chuối.

Vào đúng lúc ấy, Hành Ngâm từ dưới rộc bước lên, thoáng nhìn thấy bóng áo nâu non, trống ngực hẳn tự nhiên đập thình thịch. Người phụ nữ lom khom vơ cỏ xếp vào quang, đôi lúc ngừng tay sửa những sợi tóc mai lòa xòa trên má lấm tấm mồ hôi. Đây là chị Hối, một phụ nữ nạ dòng nổi tiếng làng Hạ vì có "thành tích" chưa đầy chục năm đã lần lượt tiễn hai ông chồng

về ngủ với giun, cho dù cả hai đều khỏe như vâm và chẳng hề có bệnh tật gì. Chị Hối xấp xỉ ba mươi, người tầm thước, lưng eo, mỡ ngò, có đôi gò má cao quá mức bình thường, và, đặc biệt lúc nào cũng ửng đỏ như là vừa nhấp vài ngụm rượu. Hành Ngâm đảo mắt liếc quanh, cổ họng như bị ai bóp nghẹt, cứ nuốt nước bọt khan. Người thiếu phụ giả bộ cảm cúi cắt cổ nhưng thỉnh thoảng lại liếc ngang thả cái nhìn đơng đưa ... Về khoản ấy thì gã trống choai này khá tinh ý. Hấn khẽ khàng vút đồ nghề vào rãnh ngõ, lảng lạng tiến lại gần chị cắt cổ. Chị Hối nhìn trước nhìn sau rồi cũng quẳng liềm, vạch cây ngô lẩn vào giữa ruộng...

Nhưng cuộc tình vụng trộm của Hành Ngâm với người đàn bà nạ dòng chẳng kéo dài được bao lâu. Đúng chín ngày sau, chị Hối chết đuối sau vụ lật thuyền ở vụng Giải. Mấy ả muôn chồng chuyên ngồi lê đôi mách bảo chị Hối mắc chứng loạn tình, loại bệnh này ở dương gian vô phương cứu chữa nên hai đức lang quân yếu mệnh gọi xuống âm phủ đoàn viên.

Tất nhiên là làng Hạ Lôi không biết tí gì về mối quan hệ bí mật giữa Hành Ngâm với người đàn bà quá cố. Buổi chiều, sau khi cánh phu đồ vớt được xác chị Hối đưa về làm ma thì đêm hôm ấy gã đánh giặm ra bờ sông làm chiếc thuyền bẹ chuổi, trên để bát cơm quả trứng (vừa mới xoáy được ở quán bà Phó Đam) cùng mớ giấy tiền và ba nén nhang thả xuống nước tiễn hồn cố nhân. Vậy là cũng xong một kiếp người. Hấn gục mặt vào hai bàn tay, nước mắt lã chã rơi... Sự học đối với gã đánh giặm lúc ấy chẳng có gì là hệ trọng. Thậm chí hấn sẵn sàng quẳng sách vở vào bếp nếu không có ngọn roi mây của ông bố dữ đòn. Hành Ngâm có trí nhớ không tồi nhưng đầu óc lại ù lỳ, hoàn toàn thiếu khả năng suy nghĩ mạch lạc. Các thầy giáo chẳng hiểu vì sao đều nhất loạt coi hấn như một học trò cá biệt, còn bọn con gái thì luôn dè chừng vì cặp mắt hấn lúc nào cũng như muốn lột trần người ta ra mà xăm xoi. Vào dịp cuối hè năm Mùi, lớp tổ chức cắm trại ở Ba Vi bên xứ Đoài. Nửa đêm, anh chàng lẩn mò sang dãy lều con gái sờ soạng, bị đám nữ sinh tóm được. Họ chằm nén soi rõ mặt kẻ tội đồ sau đó trối lại trình ông đốc trường. Hành Ngâm bị trận đòn nhớ đời của mấy anh em nhà cô nữ sinh bị hấn sờ ti. Chuyện ấy cũng khốn nạn chẳng kém gì hình phạt đui học ngay sau đó. Hấn nhục quá chẳng còn dám vác mặt về làng Hạ, đành nhắm mắt đưa chân, dong thẳng ra thành phố, hy vọng tìm được việc làm kiếm miếng ăn độ nhật.

Lang thang đầu đường xó chợ gần một tháng, Hành Ngâm xin vào làm phu hồ cho một đội thợ ngõa. Lúc ấy mới bắt đầu thời kỳ hòa bình, nhiều công trình tiêu thổ kháng chiến giờ cần được tái thiết. Công việc khá nhiều, nhân lực lại hiếm, thành thử, loại dân lưu tán như hấn không đến nỗi chết đói. Đối với gã đánh giặm, cuộc đời từ đây đã sang trang mới. Thời kỳ bị kiểm tỏa bởi ông bố gia trưởng vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Hấn trở thành kẻ tự do nhất trần đời nếu so với hoàn cảnh trước đây.

Tuy nhiên, chưa đầy một năm đánh vật với vôi vữa, ăn ở nhếch nhác, thu nhập lại thấp, Hành Ngâm đã chán đến tận mang tai, đang tính nước chuồn thì dịp may đến bất ngờ. Cô con gái ông trưởng phòng tổ chức liếc mắt đưa tình với chàng trai làng Hạ. Cô này cũng là gái quê nhưng thuộc thành phần ơng ẹo, hành xử với thiên hạ theo kiểu trưởng giả học làm sang. Công bằng mà nói nàng ta có gương mặt không xấu với chiếc mũi khá duyên dáng, đặc biệt là cặp mắt đa tình, lúc nào cũng liếc trai lem lém. Nhũ danh cha mẹ đặt cho là Khuê, nhưng từ khi lên thành phố, để cho ra vẻ là tiểu thư chốn kinh kỳ, cô bèn thêm cho mình mỹ tự "Mộng" thành Hồ Thị Mộng Khuê. Đến đây cần phải mở ngoặc thêm vài dòng cước chú, nếu không bạn đọc sẽ đặt câu hỏi, vì sao, con một gia đình cán bộ, xuất thân từ thành phần cơ bản thuộc giai cấp công nông mà bỗng chốc phải lòng gã thợ xây cha căng chú kiết. Nguyên do Hành Ngâm là tay dẻo mỏ, thuộc trường phái mồm miệng đỡ chân tay và có tài bắt chước. Ở nhà, bị ông bố đè nén, bây giờ như chim xỏ lồng, gã thề quyết chí lập thân bằng mọi giá. Qua một thời gian làm nghề phụ vữa, tiếp xúc với nhiều thành phần xã hội, Hành Ngâm cóp nhặt đủ kiểu đầu Ngô mình Sở vốn kiến thức tấp nham, sau đó gã chế biến, xào xáo theo phong cách Trọng Lợn rồi tùy từng hoàn cảnh cụ thể mà vận dụng làm điểm nhấn cho những cuộc nói chuyện tào lao. Thói láu cá ấy, sau này nghĩ lại, chính hấn cũng phải tự khâm phục mình. Từ đấy, mỗi khi đám đông chạm đến đề tài sở trường là Hành Ngâm thao thao bất tuyệt, hót có ngọn có ngành bằng

chất giọng tuy thờ ơ đôi chút nhưng lại hàm chứa sự uyên bác rôm, khiến cho những người vốn ghét cay ghét đắng hẳn cũng phải gật đầu tán thưởng. Với ông bạn cựu đánh giậm làng Hạ Lôi, đây có vẻ như là một thứ năng khiếu trời cho. Sau này, trong cuộc đời dài dằng dặc của kiếp người, cho dù đã mấy lần lên voi xuống chó, hẳn đều nghiệm ra, khoa lợi khẩu đã hơn một lần cứu hắn thoát khỏi vòng lao lý.

Vậy là nàng Mộng Khuê không phải người đẹp đầu tiên bị Hành Ngâm cho ăn quả đắng bằng mấy ngón tài vật. Cũng bởi cái liếc mắt đưa tình của cô con gái rượu mà ông bố trường phòng tổ chức ký quyết định cho gã phụ nề đi học trung cấp xây dựng. Lúc này lại đề ra một khó khăn. Nếu chuyên trình độ học vấn sang ngang theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục thì thực chất Hành Ngâm chưa tốt nghiệp cấp hai. Ông trường phòng lại phải một phen làm trò xiếc để gã con rể tương lai được vào khoa dự bị.

Thời gian thấm thoát thoi đưa. Cho dù ba năm tòng học khá vất vả vì vốn kiến thức vừa hụt hẫng vừa chấp vá, cuối cùng Hành Ngâm cũng có được mảnh bằng tốt nghiệp hạng trung bình. Thời ấy, loại nhân viên kỹ thuật quốc doanh như hắn đất chẳng khác gì tôm tươi. Ông trường phòng tổ chức, lúc này đã là phó bí thư đảng ủy, không bỏ lỡ thời cơ, làm văn bản xin đích danh hắn về phòng kỹ thuật công ty. Hiên nhiên, từ đây, Hành Ngâm có thể nói lời chia tay với cánh phu hồ, chính thức bước vào "bàn giấy", làm anh cán bộ chỉ tay năm ngón. Oai ra phết. Khổ một nỗi, như trên đã nói, anh chàng kỹ thuật viên mới ra lò vốn sẵn bệnh phong tình, mà phòng kỹ thuật lại có nhiều em trẻ, đẹp, hơn hẳn cô nàng Mộng Khuê giờ chẳng biết ăn phải thứ gì mà đã phát phì ra như chiếc thùng tô nô. Từ lâu, tình cảm của Hành Ngâm đối với con gái ông phó bí thư vốn đã bằng bạc như sương chiều thu trên mặt hồ Tây, cứ chập chờn, chập chờn vừa loãng vừa mỏng, nay lại được chất xúc tác từ đám giai nhân trí thức khiến hắn lờ đi chuyện cưới xin mà cứ chơi bài lửng lơ con cá vàng.

Chưa đầy hai tháng sau khi về công ty, Hành Ngâm bị dính đòn vì dám cả gan thộp ngực cô Bồng. Nàng nhân viên can vẽ tái xanh mặt mày (không biết thật hay giả), hét toáng lên, chẳng kể gì đến thể diện gái trinh. Hắn bị cơ quan cảnh cáo về tư cách đạo đức, tác phong sinh hoạt đòi truy rồi tống xuống đơn vị sản xuất, tiếp tục nghề vôi vữa. Bị đày đọa ở công trường đến năm thứ hai, Hành Ngâm nhờ được ông bố một người bạn chuyển cho về tỉnh N. Tuy nhiên, cái án kỷ luật nằm trong hồ sơ cứ như lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu nên lúc nào hắn cũng nơm nớp lo sợ. Hắn giả vờ rập khuôn theo những nguyên tắc giáo điều nhiều khi rất vô lý của đám đông, chấp nhận kiểu sống lá mặt lá trái, thậm chí còn hạ mình phục vụ vô điều kiện ông trường phòng kỹ thuật để gây dựng niềm tin.

Công việc đầu tiên tạo được chút ấn tượng với các vị lãnh đạo là Hành Ngâm tham gia vào nhóm thiết kế hội trường nhân dân. Đó là một tòa nhà cổ tình nói rộng chiều ngang, được lai ghép theo mẫu kiến trúc công nông binh của nước Nga Xô viết với kiểu dáng đền thờ cổ Hy Lạp nhưng lại để cho bốn mái diềm khá kịch cỡm chìa ra trông vừa nặng nề vừa tức mắt. Tất nhiên đây không phải là tác phẩm riêng của một ai mà là công trình tập thể dưới sự chỉ đạo của ông trường ty xuất thân từ thành phần bần nông đã qua khóa đào tạo sáu tháng sơ cấp xây dựng. Có điều sau này, khi nhóm thiết kế tản mát mỗi người một nơi, hắn lại tự động đóng nhãn "*Made in Hành Ngâm*" vào "*công trình kiến trúc nổi tiếng*" ấy mà chẳng thèm bận tâm đến chuyện bản quyền theo Công ước Berne. Với những người ngoại đạo, Hành Ngâm thường giở khoa bịp bằng những thuật ngữ chuyên môn như Baroc, Rocchocho, classics hoặc Tân cổ điển, Hậu hiện đại, công năng, đơn nguyên vv... làm đám cử tọa chẳng có chút khái niệm gì về ngành kiến trúc, xây dựng cứ ngheh cổ ra mà nghe, bái phục "ông anh" là bậc tài hoa.

Sau vài công trình xây dựng vụn vặt, đại loại như mấy dãy nhà cấp bốn bệnh viện X, khu tập thể hai tầng nhà máy Y ngăn ra từng ô như chuồng chim hoặc trụ sở HTX mua bán huyện Z, Hành Ngâm được xếp vào loại cán bộ có *chuyên* nhưng thiếu *hồng*. Hồng ở đây là phẩm chất cách mạng được cụ thể hóa bằng danh hiệu đảng viên. Chuyện này đối với chàng cựu đánh giậm khó bằng lên trời. Đến lúc ấy các nhà tổ chức rất tinh tường và mẫn cán mới thật sự sờ đến cái lý lịch rất không bình thường của hắn. Mấy năm trước, việc Hành Ngâm được đi học



làm ông chủ tịch xã gần như phát điên lên, không phải vì thành phần gia đình ( Nhà hần xếp loại trung nông), mà cái chính là, có kẻ nào đó dám vượt quyền địa phương, chứng nhận vào lý lịch một thằng vô tổ chức, từng có thành tích bắt hảo để hần ta chui vào cơ quan Nhà nước. Vậy là hồ sơ của Hành Ngâm bị ủy ban xã "ngâm"lại.

Mọi cánh cửa dẫn đến con đường vào đảng gần như đã khép kín. Hần hiểu rất rõ, thời buổi này, nếu không có mác "đỏ" thì suốt đời chỉ là con tốt đen cho dù anh có tài giỏi cách mấy. Sau nhiều đêm mất ngủ, Hành Ngâm chủ động xin xuống đội sản xuất của công ty xây dựng để "tự rèn luyện" đồng thời viết đơn đi học tại chức nhằm nâng cấp mảnh bằng đang mỗi ngày một mất thiêng bởi hằng năm công ty lại được bổ sung hàng loạt kỹ sư trẻ mới ra trường.

\* Vào thời điểm Hành Ngâm suy sụp tinh thần nhất thì hần lại quyết định lập gia đình. Người tình trăm năm của hần, cô Bích Toan vốn là gái quê nhưng cũng thuộc loại mỏng mày hay hạt, tổ trưởng công đoàn, đã hăm tám xuân xanh vậy mà có vẻ như vẫn còn kén chọn. Cuộc tìm hiểu kết thúc chóng vánh bằng một lễ cưới giản dị . Cặp uyên ương được bố trí ở một gian nhà cấp bốn trong khu lán trại công trường vừa chật vừa nóng bức. Có điều, chuyện ấy chẳng mấy quan trọng. Cái chính là chàng trai làng Hạ đã có vợ. Cuối cùng thì hạnh phúc gia đình cũng nằm trong tầm tay. Ở đời, con người ta mất cái này thì được cái khác. Đó là lẽ thường.

Trong khi Hành Ngâm đang thi tốt nghiệp những môn cuối cùng thì ở nhà Bích Toan sinh một tiểu thư. Con bé khóc ba ngày ba đêm liền. Hình như có chuyện thần giao cách cảm thật. Tại trường đại học, hần ta chẳng nhận được tin tức gì mà bụng dạ nóng như lửa đốt đành nhờ một thằng bạn đèo xe đạp ra ga mua vé về thị xã N. Nhìn thấy bố, đưa trẻ sơ sinh chẳng những không nín mà còn gào to hơn. Cả nhà rối lên. bà mẹ vợ vật vã khóc cho là ma làm, bắt phải mời thầy cúng giải hạn. Vừa lúc ấy, ông phó chủ nhiệm công ty xách một túi đường sữa đến thăm. Lạ thay, vừa nhìn thấy vị lãnh đạo có bộ râu quai nón, con bé toét miệng cười...

Đứa lớn chưa đầy ba tuổi, Bích Toan lại đẻ một thằng con trai. Kịch bản cũng lặp lại y hệt lần trước, nghĩa là chỉ khi ông sếp phó biết tin, mang quà đến thăm, cậu quý tử họ Cao mới nín khóc. Lúc này, Hành Ngâm đã được làm phó trưởng phòng kỹ thuật công ty cho dù hần vẫn chưa phải đảng viên. Cô Toan, sau khi sinh nở, người mỗi ngày một nhuận sắc, xinh xẻo như gái còn son. Ban chủ nhiệm chiếu cố đến hoàn cảnh khó khăn, điều về phòng tài vụ. Đến lúc này người thiếu phụ trẻ mới bộc lộ hết tài ngoại giao của mình. Chẳng biết cô ta giữ những chiêu gì mà chưa đầy một năm đã có quyết định chuyển về phòng kế toán ủy ban huyện, còn ông chồng kỹ sư được kết nạp đảng , sau đó lên chức phó chủ nhiệm công ty.

Đến đây thì ai cũng thấy, cuộc đời Hành Ngâm đang lên hương. Hần bắt đầu học bài lên xe xuống ngựa theo tác phong của các đại gia. Hần hòa nhập một cách dễ dàng vào hệ thống vận hành của guồng máy quản lý và nhanh chóng phát hiện ra, làm quan, dù là loại quan tép riu cũng cần phải có nghệ thuật , rằng quyền lực và các mối quan hệ có đi có lại là điều kiện tối cần thiết để làm giàu bằng con đường tắt. Đòi người thì ngắn, đòi làm quan lại càng ngắn, nếu không tranh thủ thời cơ, đến khi về vườn sẽ trắng tay. Thế nhưng, trong cái môi trường làm việc nửa dơi nửa chuột này, đâu chỉ mình Hành Ngâm biết tính toán. Xem ra, thiên hạ còn khối kẻ lỏi đời. Bởi vì, từ lâu, công ty đã hình hành mấy phe cánh luôn gằm ghè rình rập, chỉ đợi đối phương sơ hở là lập tức thọc dao găm vào sườn nhau. Người đòi thường nói, quan trường như chiến trường, quả không sai, ngồi chưa nóng chỗ, cái ghế phó chủ nhiệm của Hành Ngâm đã bị chiếu tướng, vì trong số các lãnh đạo công ty, chỉ hần có bằng đại học. Ông chủ nhiệm, trình độ học vấn mới qua lớp bảy bỏ tức, tạo nên sự chênh lệch đáng kể trong tương quan lực lượng. Hần lại mới nhiễm thói hách dịch, thích ăn to nói lớn, đắc tội với không ít đồng nghiệp, tuy trong đầu rỗng tuếch. Vậy là một chiến dịch tẩy chay phó chủ nhiệm kỹ thuật được ngầm sắp đặt. Hần thuộc loại ngựa chảng còn non nhưng háu đá, sẵn sàng lao vào cuộc tao ngộ chiến, còn thắng hay bại thôi thì đành nhờ vào số phận.

Không may cho Hành Ngâm, vào thời điểm nhạy cảm này, vợ hần, nàng Bích Toan, trưởng phòng kế toán, dính vào vụ B35 cùng với khá nhiều quan chức địa phương, tham ô hàng chục ngàn tấn thóc lấy tiền chia nhau. Vụ việc vỡ lở, kho nhà nước rỗng không mà tiền mua thóc đổi

hạt đã giải ngân, đến hạn không giải trình nổi, cả dây lốc nhốc kéo nhau vào trại tạm giam, trong đó có ông cựu phó chủ nhiệm râu xồm, đang là chủ tịch ủy ban nhân dân huyện K. Đến lúc ấy Hành Ngâm mới cay đắng nhận ra, hai đứa con hấn, thực ra chẳng có đứa nào là con hấn. Đứa đầu có lẽ là máu mủ của lão phó chủ nhiệm công ty, còn đứa sau, chỉ trời mới biết là sản phẩm của ông sếp nào mặc dù lúc nó ra đời gã rậm râu cũng vác mặt đến thăm. Bích Toan cùng đồng bọn bị khởi tố sau gần sáu tháng giam cứu. Ra tòa, cô ta và gã nhân tình lĩnh mức án mười hai năm. Hành Ngâm mất mặt với đám đồng liêu, bất chấp đạo nghĩa vợ chồng, viết đơn ly dị khi vợ vừa nhập trại cải tạo. Hơn một năm sau, hấn lấy vợ mới. Người nâng khăn sửa túi cho ông phó chủ nhiệm lần này là một nhà giáo chuyên dạy thể dục ở trường trung học có bà mẹ kém chồng hai tuổi. Cái cảnh con rể hơn tuổi mẹ vợ đẩy Hành Ngâm vào thế khó xử nên ít khi hấn dám đàn mặt nhạc mẩu. Cô giáo Vân Thê thuộc type phụ nữ không phải là kém nhan sắc nhưng vì cách đây ít lâu, do nhẹ dạ cả tin, đánh đu với một gã thợ vẽ bịp bợm, bị lừa, gây ra tai tiếng nên mất giá. Vân Thê thương hoàn cảnh của ông phó chủ nhiệm, chấp nhận gả nghĩa Châu Trần nhưng dứt khoát không đồng ý nuôi hai đứa con riêng của chồng. Anh chàng đã một lần bị cấm sừng không biết làm thế nào đành phải về quê lạy van ông bố mở lượng hải hà cứu mang hai cháu. Tất nhiên, ông đồ già không hề biết, cái gọi là gia đình của hấn trước đây chỉ là một thứ tổ ba vợ cho lũ tu hú vô gia cư hứng lên vào để trứng nhờ. Ghét con thì ghét thật nhưng dù sao những đứa cháu vẫn là máu mủ nhà mình, ông phải đổi giận làm lành.

Năm năm qua, thực sự là những chuỗi ngày tháng căng thẳng đối với Hành Ngâm, vì hấn vừa phải tìm cách khắc phục nền tài chính eo hẹp sau bị kịch gia đình, vừa phải chống chọi với các thế lực kinh địch trong công ty lúc nào cũng nhòm ngó cái ghế phó chủ nhiệm như cú nhòm nhà bệnh.

Đúng là người tính không bằng trời tính. Ngay từ lúc mới chào đời, quẻ tiên thiên đã chỉ ra đường quan lộ của chàng trai làng Hạ bị đứt đoạn quả không sai. Hấn bị công nhân tố giác sau vài phi vụ thông đồng với tay đội trưởng rút ruột công trình xây dựng. Ông trưởng phòng tổ chức cùng với đoàn thanh tra của tỉnh còn phát hiện ra chuyện gian lận vật liệu trong quá trình thi công trụ sở ngân hàng nông nghiệp. Bằng chứng khá rõ ràng, Hành Ngâm không cãi được cho dù hấn là kẻ rất to mồm mỗi khi biện bác. Trong cuộc họp đảng ủy, hấn bị phe lấy "hông" làm tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất cán bộ, biểu quyết khai trừ khỏi đảng, đề nghị cách chức phó chủ nhiệm, chuyển hồ sơ sang viện kiểm sát yêu cầu truy tố về tội lợi dụng chức quyền tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa. Với tội danh ấy, theo Bộ luật Hình sự, hấn có thể phải "*nhập kho*" \*\*\*\*, ngồi bóc lịch giết thời gian ít nhất bảy niên.

Hành Ngâm như kẻ mất hồn, chạy xuôi chạy ngược tìm thầy thợ giải cứu, hy vọng may ra thoát khỏi kiếp cơm tù. Mấy hôm sau, có một người đàn ông trạc bốn mươi đến gặp hấn vào buổi tối. Anh ta trước đây ở đội xây dựng, một năm đói quá, nhà lại đông con, phải đạp xe sang núi Gôi mua sắn khô ăn độn, chẳng ngờ, về đến cầu Ngà thì bị quản lý thị trường vờ được. Chuyến ấy người công nhân khốn khổ đáng ra mất trắng mà lại còn bị phạt nữa, thật may, gặp xe ông phó chủ nhiệm vừa đi công tác về chớm đến đầu cầu. Sau một hồi dàn xếp, cánh thuế vụ nể đồng chí lãnh đạo công ty, tha cho. Nhớ ơn ấy, anh ta gợi ý Hành Ngâm đến gặp cậu mình là ông Dương Đăng. Ông này là nhân sĩ, nghỉ hưu từ lâu, chẳng chức tước, quyền hành gì, thậm chí còn không là đảng viên nữa nhưng tiếng nói lại rất có trọng lượng với bí thư, chủ tịch tỉnh. Bất chấp liêm sỉ của bậc quân tử (tuy rằng nhân vật chính của chúng ta chưa bao giờ có cái đó), Hành Ngâm quỳ sụp xuống vừa lạy vừa khóc, cầu xin ân nhân cứu mạng.

Căn cứ theo lời thoán của hào *cửu ngũ* \*\*\*\*\* trong quẻ *Bác* mà suy thì số hấn chưa đến nổi phải đáo tụng đình. Hơn nữa, ông Dương Đăng là người giàu lòng vị tha, biết thừa Hành Ngâm có tội nhưng vẫn trở hết tài thuyết khách cứu hấn. Vậy là tay cựu phó chủ nhiệm thoát khỏi bộ quần áo sọc nhưng buộc phải về hưu non kèm theo những lời răn đe khá nặng nề từ những quan chức đầu ngành.

Về vườn vài năm, gặp thời đất nước mở cửa, người thấy mùi kinh tế thị trường, Hành Ngâm làm hồ sơ xin thành lập công ty xây dựng. Nói là công ty nhưng thực ra chỉ là một đội thợ nề chuyên sửa chữa lát vật. Vốn dĩ vay, nhân lực thuê theo thời vận, việc làm buổi có buổi không, thu nhập chẳng đáng là bao mà thuế thì tháng nào phòng tài chính cũng cho người đến tróc làm ông giám đốc phát hoảng, chưa đầy một năm đã phải vội xin giải thể. Sau đợt ấy, Hành Ngâm còn mở vài công ty nữa với nhiều loại ngành nghề kể cả nghề hút bể phốt nhưng đều thất bại. Cuối cùng Hành Ngâm quyết định thành lập Công ty kinh doanh Chim cảnh. Có lẽ, sau mấy chục năm lăn lộn trường đời đầy gió bụi, giờ hẳn mới tìm được cái nghề đúng sở trường. Công ty Chim cảnh có tên chính thức "*HanhngamVet Co.,Ltd*" của hẳn không nhập loại hàng sặc sỡ, lòe loẹt từ Hongkong, Macau hay Thailand mà có một đội ngũ kỹ thuật viên sành nghề chuyên săn bắt và huấn luyện các dòng vẹt bản địa. Hẳn là người đầu tiên phát hiện ra vẹt Việt Nam là loại chim có khả năng bắt chước giỏi nhất trên đời. Sau khi được thuần hóa, chúng biết nhắc lại không chỉ một số từ mà còn có thể nói được những đơn vị câu với nhiều âm tiết phức tạp nên giá đắt mấy khách cũng chiều, doanh thu mỗi ngày một tăng. Ông chủ công ty còn xây dựng dự án mời chuyên gia nước ngoài dạy vẹt tiếng Ảng lê, tiếng Pháp và tiếng Nga để xuất khẩu hàng sang thị trường Âu châu quảng bá cho nền công nghiệp sinh vật cảnh nước nhà.

Chẳng biết vì doanh nghiệp làm ăn có lãi, đóng góp ít nhiều vào ngân sách tỉnh hay bởi tài bẻm mép, biết làm đẹp lòng các vị lãnh đạo, Hành Ngâm được cơ cấu vào một hội đồng tư vấn địa phương mà nội dung hoạt động chính là, mỗi năm một lần họp để... vỗ tay, sau khi nghe ông tổng thư ký đọc bài tổng kết mùi mẫn rồi kéo nhau ra quán Bốn Mùa đánh chén. Chưa hết, cũng do tài *lobby politician* trong những cuộc chén chú chén anh bằng tiền chùa như thế, một quan chức có tầm cỡ nghe bùi tai còn mạnh dạn đề cử hẳn vào chức chủ tịch "*Hội chim, chó cảnh*". Lại một lần nữa đời lên voi, ông giám đốc công ty tư nhân trong cơn phấn khích, đặt in hai ngàn năm trăm tám danh thiếp, kê khai tất cả chức tước, thành tích cũng như các loại giải thưởng, kể cả hai giải khuyến khích của CLB thơ phường BL...

Chỉ trong chưa đầy năm năm, cô giáo giảng dạy môn thể dục thể thao đã sinh cho Hành Ngâm hai ái nữ. Cô nào cũng giống bố như đúc, nghĩa là làn da ngăm ngăm nhuộm vớ số, khuôn mặt vừa thô vừa to quá cỡ cùng với cặp mắt tròn tựa hai hòn bi ve lúc nào cũng lơ lơ như mắt chuột khời. Tuy chỉ số thông minh của các cô bé này chỉ ở mức khiêm tốn nhưng Hành Ngâm luôn tự huyễn hoặc mình là vợ chồng hẳn đã sinh ra những nữ thần đồng. Hẳn không tiếc tiền, mời đủ các loại thầy đến nhồi nhét vào đầu con gái rượu hầu hết các môn học thời thượng, còn việc chúng tiêu hóa ra sao thì hãy cứ đợi đấy. Nghe nói, gần đây, một trong hai đứa đã có triệu chứng rối loạn tiền đình ...

Công ty đang "*liên tục phát triển*" thì đầu tháng trước, ông giám đốc tự nhiên mắc căn bệnh quái lạ, bị ngất xỉu trên đường đi thăm một mối hàng. Tại bệnh viện, các bác sỹ chẩn đoán là sưng bong đáí. Nói chung loại bệnh này dễ chữa, thậm chí không cần phải mổ. Thế nhưng, sau năm ngày điều trị theo phác đồ bằng những loại thuốc đặc hiệu, bệnh hẳn không những không đỡ mà còn có nguy cơ mỗi ngày một nặng. Ông giám đốc đau quá kêu rống lên như lợn bị chọc tiết, bệnh viện quyết định can thiệp bằng dao kéo. Hóa ra, trong tế bào bàng quang của Hành Ngâm đã nhiễm một loại virus của bệnh dại từ loài vẹt hoang dã lây sang. Đây là chủng siêu vi lần đầu tiên được phát hiện ra. Căn bệnh bí hiểm này còn phải chờ các nhà y học thế giới nghiên cứu.

30 /5 /2007

\* Một trong 64 quẻ "Dịch" gồm hai quẻ đơn, trên là cần (một vạch liền ở trên, hai vạch đứt ở dưới), dưới là khôn (ba vạch đứt)

\*\* Hào thấp nhất của quẻ nội gọi là hào chín đầu

\*\*\* Một kiểu câu cá chuỗi qua đêm ở làng quẻ

\*Vào trại giam ( tiếng lóng)

\* Hào thứ năm của quẻ ngoại (hoặc quẻ thượng) trong Bát quái

## Cây mít tố nữ

Làng Yên Ninh thuộc tổng Cao Sơn, phủ Trường Lưu nằm dọc phía hữu ngạn sông Cái. Đứng trên cao trông như mũi mác hơi phình ở giữa mà vuốt nhọn hai đầu. Ngày trước, nghe đầu từ thời Hồng Đức, có quan Tư nghiệp Quốc tử giám, người tổng Phù Vân về quê, qua đò nhìn thấy thế đất làng Yên, bảo với anh học trò cùng đi :”Làng này được thế đất tốt nhưng tiếc rằng mạch bị chẻ làm hai nên đui sức, hiếm nhân tài”. Lời tiên tri của quan Tư nghiệp tỏ ra ứng nghiệm. Hết đời này đến đời khác, dân làng Yên chỉ làm ruộng. Vụ nông nhàn, đàn ông thêm nghề quặng chài, đàn bà chuyên nhặt phân chó đem sang chợ Buộm bán. Những đời sau, các bậc kỳ mục trong làng thấy dân thất học thì lép vế với thiên hạ mới bàn nhau mở trường, đón thầy về dạy chữ thánh hiền cho con cháu những nhà khá giả. Được mười chín năm thì có người đỗ hương cống rớt bằng. Đó là con trai nhà phú hộ họ Trần tên là Trần Phong. Tháng chín năm giáp thân, niên hiệu Cảnh Hưng, nhà họ Trần làm khao mời cả làng. Người hàng tổng đến dự cũng đông. Quà mừng chất đầy hai chiếc sập gụ kê ở chính sảnh. Gia chủ tay bắt mặt mừng kính cẩn đón khách. Dịp ấy đã vào tháng trọng thu. Heo may rải đồng. Tiết trời mát mẻ. Mùi hoa địa lan thoang thoảng như ngấm vào men rượu. Bà con xa gần ai nháp chén cũng thấy ngọt. Tiệc đang vui ,có người vào báo quan Nghè Lương Xá đến mừng. Cả nhà rối lên. Cụ cố, thân sinh ông Cống tân khoa đích thân ra cổng rước khách. Ông nghè Phạm xuống ngựa, sửa lại quần áo ngay ngắn rồi lễ phép cúi chào:

-Thưa cụ cố, nghe tin anh cống Trần vừa đăng khoa, chúng tôi xin có lời mừng.

Cụ cố sợ thất lễ, cúi rạp xuống tạ lỗi :

- Chúng tôi ở xa, không biết quan Nghè mới từ Kinh trở về, xin ngài xá cho.

Ông nghè Phạm là nhà khoa bảng có học vị cao nhất hàng tổng, hàng huyện nhưng không bắc bậc làm cao kênh kiệu với thứ dân. Sau khi chấp tay đáp lễ hết lượt, ông đàng hoàng bước lên sập ngồi cạnh cụ tiên chỉ làng. Rượu được vài tuần , ông bảo người nhà mang nghiên bút để viết tặng đôi câu đối. Nét chữ ông Nghè sắc như cắt, đẹp tựa rồng bay phượng múa :

金日書生登鄉貢

來年陳族取甲科

Kim nhật thư sinh đăng hương cống

Lai niên Trần tộc thủ giáp khoa

( Năm nay chàng thư sinh đậu cử nhân

Năm tới họ Trần sẽ có người đậu tiến sĩ).

Mọi người còn đang trầm trồ thán phục đôi câu đối vừa phóng khoáng vừa hợp với gia cảnh thì ông Nghè lấy trong bọc ra chiếc túi gấm nhỏ đặt trước ông Cống tân khoa :

- Trong túi này có một hạt mít Tố nữ, là loại đặc sản phương nam. Tháng trước tôi đi kinh lý ở Vân Đồn vùng Yên Quảng được một thương nhân Mã Lai biếu một quả. Mít này quý ở chỗ, ngoài vị thơm ngon không gì sánh được còn có tác dụng chữa một số bệnh làm cho người ta trẻ mãi lâu già. Nay anh Cống mới đăng khoa, tuy chỉ sơ giao nhưng cũng là môn sinh của Khổng sơn Trình, ta tặng anh trồng lấy một cây mà giữ lộc.

- Đa tạ thịnh tình của quan Nghè.- Ông Cống tân khoa chấp tay cung kính nói.

Ông Nghè lấy hạt mít ra để trên lòng bàn tay nhìn ông Cống từ tốn bảo:

- Anh Cống nên lưu tâm, mít là loài cây ưa sạch sẽ, phong quang, rất kỵ nơi ẩm thấp, bần thiu. Lại nữa, múi của nó thơm ngon, ăn một miếng, nhớ một đời, phải cho mọi người cùng chung hưởng, phúc mới dồi dào, lộc mới lâu bền.

Cả họ Trần cảm kích trước tấm lòng ưu ái của quan Nghè.

Hôm sau, ông cống Trần ươm hạt vào một cái giành nhỏ bằng tre để dưới mấy giò lan. Nửa tháng, hạt mít mọc mầm. Đúng vào tiết xuân, ông đem cây mít con trồng vào góc vườn ngay trước cửa ngôi từ đường. Vừa trồng ông vừa nghĩ :” Đây sẽ là thứ dưỡng già của mình sau này”. Như lời ông Nghè dặn, hàng ngày ông chăm sóc cây mít như chăm cây cảnh. Những lúc rảnh việc, ông thường về nhà vun xới, tưới tẩm, mong cây lớn nhanh, sớm cho quả ngọt. Nhưng có lẽ giống cây phương nam này lạ thung thỏ nên chậm lớn, mãi đến năm thứ bảy mới bói. Vụ đầu gặp mưa nhiều chỉ đậu một quả. Thời gian chờ đợi dài đằng đẳng. Ông Cống chỉ lo mất trộm bèn nghĩ ra cách đan một cái lồng rồi buộc xung quanh mấy ngọn rào tre gai bảo vệ. Vào trung tuần tháng tám, mít chín, ông bắc thang cẩn thận hái xuống. Đúng như lời ông nghè Phạm nói, múi của nó nhỏ thôi nhưng ngọt sắc và toả mùi thơm rất lạ khác hẳn những thứ hoa quả ông đã nếm từ trước đến nay. Cũng phải nói thêm, ông Cống là người vốn không được quảng giao, lại hơi có tính vị kỷ, sợ mít Tố nữ bị thiên hạ lấy mất giống nên không biếu ai cả.

Năm tiếp theo cây cũng chỉ đậu ba quả. Lúc này ông Cống đã sung chức Tham biện trên trấn. Đường quan đang thuận chiều. Mít chín, ông để nhà một quả, biếu quan Hiệp trấn một quả, còn một quả gửi quan Phủ. Các ông này đều là thượng liêu của quan Tham biện, rất có tài ả thực. Thường thức mít Tố nữ, ai cũng khen hết lời, nhưng nhà ở phố phường, chuyên về buôn bán, chẳng vị nào nghĩ đến chuyện trồng cây. Âu đấy cũng là điều may. Ông Cống không nói ra nhưng trong bụng rất mừng, vì cho đến nay, trừ ông nghè Phạm, còn ở đạo Hải Đông này, chỉ ông có giống mít quý.

Năm thứ mười hai, cây mít đã tròn tán, cành lá sum sê chiếm cả một khoảng vườn, quanh năm che mát ngôi từ đường. Năm ấy thuận thời tiết, cây đậu ba mươi bảy quả. Cuối tháng tám, ông cho người nhà trải xuống, đóng sọt, mang lên trấn thành bán mỗi quả giá năm quan. Dân kẻ chợ sành ăn, đắt mấy cũng mua. Chỉ có điều, ông Cống bắt bỏ mít tại chỗ. Ông chỉ bán cùi, hạt để lại. Cảnh thị dân thì thảm với nhau, bảo quan Tham biện hẹp bụng.

Thế rồi chẳng hiểu vì sao, mấy năm sau, cây mít Tố nữ bỗng nhiên ngừng ra quả. Năm nào ông Cống cũng cho người lên khảo mà đến mùa, ngay cả cái meo dại cũng không thấy nhú. Ông buồn lắm, nhiều đêm trằn trọc đến canh ba. Cây mít không ra quả, tự nhiên mất đi một nguồn thu lớn. Phải chăng đây là điềm báo không lành ?

Năm canh Thìn, ông cống Trần được thăng chức Quốc sử quán biên tu, phải chuyển về Kinh. Trên đường đi nhậm chức, nghe tin ông nghè Phạm đang ở phủ lý Trấn Ninh, muốn ghé vào thăm, có ý hỏi về chuyện cây mít. Đến nơi mới hay, ông Phủ, do tính khảng khái, bất bình với chuyện tham bỉ, đục khoét, ức hiếp dân lành của đám đồng liêu, đã dâng biểu từ quan, về quê mở trường dạy học.

Ông Cống bận việc quan ở Kinh, mấy năm sau, cụ cố ông và cụ cố bà lần lượt qua đời. Toàn bộ dinh cơ giao cho người con thứ ba là Trần Hựu trông coi. Thuở nhỏ Trần Hựu cũng được học hành nhưng tối dạ nên không thành nghiệp. Anh ta thích chơi bời, cờ bạc, thành ra cứ bán dần cơ nghiệp của ông cha để lao vào những cuộc đổ đen. Họ hàng khuyên bảo mãi không được cũng phát chán để anh ta muốn làm gì thì làm. Thế là chỉ trong vòng vài năm, kể từ khi ông Cống lai Kinh, cái cơ ngơi khang trang bề thế nhất nhì làng Yên của dòng họ Trần bị gán nợ sạch. Còn lại ngôi từ đường với khoảnh vườn, ông trưởng họ phải dùng cái thế của bạc cha chú răn đe mới khỏi bị phát mại. Tỉnh ra thì đã muộn. Trần Hựu phần chí bỏ làng đi biệt tích.

Sau này có người gặp Trần Hựu ở chợ Bồng Quảng Yên, tay bị, tay gậy trông rất tiêu tụy, người ấy cho mấy tiền nhưng anh ta kéo nón che mặt, không nhận.

Ngày tháng thoi đưa. Thấm thoát ông Cống vào Kinh đã tám chín năm. Cây mít không người chăm sóc trở nên còi cọc. Dần dần ngọn cây bị loài sâu đục thân đào thành hang nham nhở. Phân sâu cùng với nước từ thân cây rỉ ra dính nhớp nháp. Chẳng bao lâu ngọn mít bị khô rồi gãy để lại một lỗ hồng lớn ở chỗ chạc ba. Tán cây trước xanh mướt, phủ kín cả một góc vườn, bây giờ khuyết hẳn một mảng, trông xa giống cái ô thủng. Từ đó cứ vào buổi chiều, hàng đàn sáo đen bay đến đỗ kín các cành cây, kêu đình tai nhức óc. Có bận chẳng biết chúng tha quả đa ở đâu về, xếp thành dãy dài trên các cành ngang, vừa nhả hạt vừa mổ nhau chí choé. Một con, sau khi rửa hết lớp thịt vàng óng nhưng hơi chát của quả đa đã vô tình nhả hạt vào đúng cái lỗ hồng trên chạc ba. Sang xuân, nắng sớm và mưa phùn mát mẻ, cây cối đâm chồi nảy lộc. Hạt đa trên hốc cây kia cựa mình, và chẳng mấy chốc, một mầm đa sinh thành. Thời gian qua đi, giống như loài tầm gửi, rễ của nó bám chắc vào lớp vỏ trên ngọn cây mít Tố nữ, hút nhựa nuôi thân. Đã nhiều năm cây mít không ra quả, không người chăm sóc, vì thế cây đa trên cây mít cứ lặng lẽ lớn dần. Đứng ở dưới, nhìn thoáng qua, thấy lá của loài đa trơn (với lá mít cũng tựa tựa như nhau, không một ai để ý đến hiện tượng trái lẽ tự nhiên trên. Đa là loài cây hoang dã, rễ chùm to, khoẻ. Cây mít mỗi ngày một yếu vì phải gánh trên mình một vật ký sinh phàm ăn.

Về phần ông Cống, bằng những mảnh lời khôn ngoan và kinh nghiệm chính trường, sau hai mươi năm đã leo đến chức Đông các Đại học sĩ. Năm nhâm ngọ, ông cùng quận Lành ép viên sử quan chữa Quốc sử để giảm tội cho Lương quận công với hậu thế vì ông này có mưu đồ phế lập ngôi chúa. Việc chữa thành bị phát giác. Đáng lẽ phải chịu gia hình, nhưng ông Cống là bậc đại thần, được hưởng luật Bất nghị, nên chỉ bị cách tuột quan chức, đuổi về quê quán. Về làng, ông mới hay, gia tài, điền sản đã vào tay người khác. Ông em Trần Hựu bỏ đi biệt xứ, chỉ còn khoảnh vườn với ngôi từ đường. Trước cảnh tang thương, cảm lòng không đậu, bất giác ông nghẹn ngào rơi nước mắt.

Lẽ từ đường xong, ông ra thăm cây mít quý. Nhưng vào đúng lúc ấy, cây mít đang trút những chiếc lá cuối cùng. Lá rụng dưới đất kết thành một lớp dày như tấm thảm đỏ ối. Đứng lặng hồi lâu, ông Cống băn khoăn không hiểu vì sao gia cảnh lại đến nông nỗi này. Cuối cùng khi nhìn thấy cây đa trên chạc cây mít ông mới vỡ lẽ.

Mấy hôm sau, cây đa cũng chết. Cây mít chỉ còn trơ lại những cành khẳng khiu. Từ đây không thấy đàn sáo đen mang quả đa về vừa nhả hạt vừa cãi nhau chí choé nữa. Sau tiết Đoan ngọ, ông Cống cho ngả cây mít xuống. Cuối năm, ông đón thợ Ngô Đồng về, chọn ngày lành, cắt một khúc đẹp nhất tạc pho tượng A di đà cúng vào chùa làng. Tượng cao hai thước hai tấc bốn phân, sơn son, ngồi trên toà sen thiếp vàng, rực rỡ ánh hào quang. Vị thượng toạ trụ trì chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử được mời làm phép điểm nhãn.

Dịp ấy người làng kháo nhau, Có lẽ sau khi thất sủng ông Cống hiểu ra rằng, đường quan ngắn mà đường dân dài, mọi bon chen toan tính ở đời đều vô nghĩa và bằng phẳng như áng phù vân muốn hưởng phúc lâu bền thì phải tích âm công. Nhưng tạo hoá như muốn chơi ác. Phần đời còn lại, dù đã tận tâm làm việc thiện mà ông vẫn chưa tròn quả phúc. Vào năm Kỷ mùi, ông Cống làm khao mừng thọ lục tuần, lúc mang lễ lên chùa bỗng xảy ra sự lạ. Ấy là khi ông chấp tay trước toà Tam bảo thì pho tượng A di đà tự nhiên đổ xuống. Mọi người lại gần toà sen mới hay, tuy lớp sơn son thiếp vàng vẫn còn nguyên nhưng bên trong đã bị mối xông ruỗng từ lâu. Ông Cống choáng váng, vì lo nghĩ quá mà thành bệnh. Lúc hấp hối, ông cho gọi người con cả vào dặn :

- Tạc tượng phải dùng gỗ mít tinh khiết. Cha nhằm chọn phải thứ đã pha tạp nhựa của ngành đa. Mà gỗ đa thì chỉ dùng đóng ván cho những kẻ chết đường chết chợ. Con hãy nhớ lấy.

Nói xong ông nhắm mắt. Làng Yên Ninh từ đó chẳng những mất giống mít Tố nữ mà còn không có ai đủ đạt ra làm quan nữa./.

## Đêm trăng Tả Giàng

Chuyện này tôi được ông già mù bản Nà Cườm kể cho nghe hồi còn ở lâm trường khai thác gỗ Trùng Khánh cách đây gần bốn mươi năm. Tuy hỏng mắt nhưng ông già già gạo rất giỏi. Khi già, ông đổ thóc trên lưng cối, hai tay nắm chắc hai chày gỗ nhãn, rồi cứ đều đặn từng nhát một, cái nọ lên, cái kia xuống cho đến lúc hạt gạo trắng phau mà không bắn ra ngoài hạt nào. Lúc còn trai trẻ, ông là thợ săn có hạng của vùng Nà Gâm. Một lần ham đuổi con lợn đực đã trúng thương, do mất cảnh giác, ông bị nó hất xuống vực đập đầu vào đá, vỡ xương chỏm, mấy hôm sau thì không nhìn thấy gì nữa. Đêm ấy, ngồi quanh bếp lửa nhà sàn, uống rượu men lá nhắm với thịt nai khô nướng chấm muối ớt, chúng tôi nghe ông kể...

Ngày ấy, cách đây đã lâu lắm, không biết là rừng Khau Phầy đã bao nhiêu lần thay lá, ở Tả Khai có phường săn do trưởng bản Hoàng Tịch cầm đầu. Hoàng Tịch có họ với quan tri châu, giàu nhất vùng, nhiều vợ, nhiều trâu, ngựa và vô cùng say mê săn thú dữ. Một hôm, Hoàng Tịch dẫn phường săn vào Khe Đá vây ráp để tìm con báo vằn. Nghe dân bản đi làm nương về nói, từ nửa tháng nay, thỉnh thoảng thấy vết chân lạ dọc triền suối Hán. Bản Nậm Poóng mất ba con dê, còn đàn trâu của Nông Ích Định ở rừng Khoen bị nó vả chết con đầu đàn và một nghé tám tháng tuổi. Đến tối ngày thứ ba thì phường săn tìm được hang báo. Đó là một con báo cái, lông vằn hoa, dáng cao lớn, giữa trán có đốm trắng giống như ngôi sao năm cánh. Ngoài báo mẹ, trong hang còn một đôi báo con đang vờn nhau, thấy động, chúng chui vào ngách trong cùng. Hoàng Tịch sai đám thợ săn vằn đá bịt hết các cửa, chỉ để cửa chính diện, sau đó lấy xà beng đào. Chừng nửa giờ thì cái ngách lủ báo con trốn được khai thông.

Trưởng bản vừa lom khom bò vào thì bất ngờ bị bàn chân móng sắc như dao cạo cào cho một vết rách cổ, máu chảy nhoe nhoét. Điền tiết, ông ta phóng ngọn giáo đâm chết cả hai con trước khi chúng kịp chạy sang chỗ mẹ. Bị dồn đến đường cùng, con báo vằn chống cự quyết liệt. Nó tát Lục A Sênh vào thái dương, ngoạm một miếng làm vỡ xương quai xanh Hoàng Triệu Phi cháu họ Hoàng Tịch rồi liều chết, lấy đà phóng bừa vào giữa đám đông tua tủa giáo mác bằng một cú nhảy tuyệt đẹp. Dưới ánh lửa bập bùng của những ngọn đuốc làm từ nửa khô đập dập, đám thợ săn nhìn thấy mõm con báo cái tha lủng lẳng một vật gì rất lạ. Trưởng bản thích bộ da quý hạ lệnh cho phường săn không được làm nó bị thương mà phải bắt sống, nhờ thế con thú mới thoát hiểm. Chỉ có điều trong lúc phi thân tháo chạy, cái vật ở mõm nó bị Hoàng Phủng khua cán giáo chặn đường làm văng ra. Cánh thợ săn mang đuốc xúm lại soi, thì ra đó là một đứa trẻ trần truồng gần như vừa mới lọt lòng mẹ đang gào khóc thảm thiết bằng thứ giọng khàn khàn như tiếng mèo con sắp hoá dại. Phường săn bàn nhau mang đứa trẻ về nuôi nhưng trưởng bản không nghe. Ông ta bảo đó là cái ma rừng làm ra thế để báo hại dân bản. Không ai dám trái lệnh Hoàng Tịch vì ông ta là thủ lĩnh của mười tám bản vùng Tả Giàng, rất có thế lực, lắm mưu mô và cực kỳ tàn nhẫn. Tuy vậy, một thợ săn nhìn cảnh đó không đành lòng liền cởi chiếc áo đang mặc quấn cho thằng bé rồi mang đặt vào trong hang. Trước khi cả bọn về Tả Khai, trưởng bản bắt ba người ở lại canh chừng. Ông ta còn dặn :

- Nếu con báo quay lại, chúng mày cứ bắn, không tiếc bộ da nữa.



Nửa đêm về sáng, đứa trẻ khát sữa khóc như xé vải, nghe rất là thương tâm. Bé Văn Lịch chợt nghĩ đến bà chị họ ở bản Púa, cách Tả Khai gần nửa ngày đường, mới để đứa con chưa đầy tháng liền bàn :

- Đứa trẻ này chắc bị mẹ bỏ rơi trong rừng rồi được con báo vằn tha về hang cho bú chứ chẳng phải ma quỷ gì đâu. Giờ không có cái ăn chắc nó chết mất. Hay là...hai anh cứ chờ ở đây, tôi mang nó vượt đỉnh Pú Nhi đi tắt sang bản Púa cho bà chị nuôi.

- Thế chị mày có sữa không ?

- Nó cũng mới đẻ một thằng bé.

- Vậy thì được. - Hoàng Phùng, người chăn ngựa của nhà trưởng bản, gọi Hoàng Tịch bằng chú nhưng xem ông ta như kẻ thù, gật đầu tán thành - Coi như chúng ta làm một việc thiện. Nếu là người, sau này mong nó thành chàng trai tốt, còn vạ nhất, nếu là...ma rừng nó cũng không nở báo oán.

Bé Văn Lịch lập tức vào hang mang đứa bé ra, nhưng trước khi đi còn băn khoăn:

- Sáng mai không thấy thằng bé, trưởng bản hỏi thì biết nói thế nào ?

Hoàng Phùng liếc nhìn Nông Văn Cuối một thoáng rồi bảo :

- Cứ bế nó chạy đi. Lão Hoàng Tịch thường ngày rất sợ ma rừng...Mọi việc ở đây cứ để chúng tao lo.

Bé Văn Lịch vừa đi vừa chạy, mệt đứt hơi, gần sáng thì đến được bản Púa. Chàng thợ săn chỉ nói nhặt được đứa trẻ bị bỏ rơi trong lúc lên nương, tuyệt nhiên không dám hé răng kể nó đã từng được một con báo vằn hoa cho bú. Người chị của Bé Văn Lịch là Bé Thị Nền, nhìn thấy thằng bé, thương lắm, liền ẵm lấy cho bú ngay. Mấy ngày sau, nó được bố mẹ nuôi đặt tên cho là Bé Hải Phạ.

Chưa đầy ba tuần trăng, Phạ đã lớn phổng lên. Người bản Púa có tục kiêng không đến thăm nhau khi nhà có phụ nữ mới sinh con, vì thế, ai cũng nghĩ, vợ chồng Bé Thị Nền được trời thương cho hai đứa con trai.

Ngày tháng qua đi. Năm Bé Hải Phạ lên bảy, một thầy mo tên là Tào Phìn lên núi Bàn Cờ tìm cỗ linh chi ngàn năm, qua bản Púa, nhìn thấy thằng bé liền đến nhà bảo vợ chồng Bé Thị Nền :

- Thằng bé này có tướng lạ, ta muốn dạy cho nó nghề thuốc.

Bà chủ nhà lắc đầu :

- Học nghề thuốc thì con tôi phải đi xa, không được đâu.

Ông thầy mo lặng lẽ ngồi xuống sàn, nhấc chiếc điều cày bằng ống bương to dùng như cây cột nhà, nạy thuốc, rít một hơi thật dài, phủ khói mù mịt khắp gian bếp rồi mới thông thả nói :

- Nhà ta ở Khuổi Bạc, cách đây bảy con dao quăng\*, có môn thuốc bí truyền. Mấy năm nay, ta đi khắp các bản xa bản gần trong vùng Ngăn Sơn mà chưa tìm được người vừa ý cho làm học trò nối nghiệp. Nhà này có hai thằng con trai, ta chỉ xin một, chừng dăm bảy năm thành nghiệp lại cho về, không mất đâu mà lo.

Bà Nền liếc nhìn hai đứa, ngập ngừng một lúc rồi ướm hỏi :

- Cho thằng anh đi được không ?

Ông thầy lắc đầu :

- Thằng anh để ở nhà làm nương nuôi bố mẹ, ta chọn thằng em.

- Nhà thầy lấy gì làm tin?

- Ta có lá bùa thiêng truyền lại từ đời ông nội, xin tạm gửi lại lại...

Sáng hôm sau, Bé Hải Phạ vai khoác tay nai chàm, lưng đeo dao quắm theo thầy vượt ngọn Bàn Cờ sang Khuổi Bạc.

Thực ra, Tào Phìn là một thuật sĩ người Đại Lý nhưng tổ tiên đã lưu lạc sang xứ Cao Bình từ mấy đời trước. Ông ta thừa hưởng được ở người cha dòng máu thích mê dịch giang hồ, tính tình phóng khoáng, suốt đời chỉ say mê du sơn, ngoạn thủy. Hành tung của Tào Phìn có vẻ bí hiểm như một kiếm khách. Vào tuổi ngũ tuần, dường như những năm tháng lang thang vô định nơi quê người đã làm ông ta mỗi gổ chồn chân. Một ngày kia, nhà thuật sĩ dừng bước tại đất Khuổi Bạc, chọn dãy núi Tà Lệnh dựng thảo am làm chỗ trú chân. Dãy Tà Lệnh cao sừng sững, chắn ngang giữa vùng biên ải như con rồng cuộn khúc, đầu gổ lên ngọn Thiên Phong quanh năm mây mù che phủ.

Từ lâu, vùng Đại Lý lưu hành trong dân gian một phương thuốc bí truyền, cở linh chi ngàn năm cùng với tuyết trên đỉnh Thiên Phong cao hai ngàn bảy trăm trượng có thể chữa được tứ chứng nan y và làm cho con người sống lâu trăm tuổi. Có điều, mấy chục năm chu du phương Nam, tiêu phí gần cả một kiếp người, Tào Phìn chưa bao giờ nhìn thấy thứ biệt dược từng được các danh y nói đến. Cửa hiểm khó tìm là chuyện đương nhiên. Danh y Biển Thước đã chẳng lấy chữ "nhẫn" làm phương châm hành đạo đó sao. Nhưng mà ông đã ở vào cái tuổi bên kia dốc cuộc đời. Thời khắc còn lại trên thế gian này chắc gì được nữa gang tay. Đã đến lúc phải truyền nghề cho thằng bé, để sau này, ông có về với tổ tiên, nó sẽ tiếp tục sự nghiệp dở dang. Bằng cái nhìn của một nhà tướng số, Tào Phìn biết Bé Hải Phạ không phải là một đứa trẻ bình thường, nhất là khi phát hiện ở gáy nó còn hằn rõ những vết lõm đã thành sẹo như vết răng thú dữ từng ngậm vào tha từ chỗ nọ đến chỗ kia. Sự nghi hoặc làm Tào Phìn không yên lòng. Vào một năm, khi Hải Phạ được hơn chục tuổi, ông lấy cớ đi hái thuốc, vượt mười ba ngọn núi đá sang bản Púa. Tào Phìn lấy trong bọc ra một đôi vòng bạc đưa cho vợ chồng Bé Thị Nền :

- Hôm trước, ta được thần rừng báo mộng, thằng Phạ không phải là con đẻ, nhưng nhà chị đã nuôi nó khôn lớn, thế là có công lớn lắm. Đây là số bạc ta đem đổi lấy cái bùa.

Bà mẹ nghe, sợ lắm, đành phải nói thật. Tào Phìn lại hỏi :

- Người mang thằng bé đến cho vợ chồng nhà chị là ai ?

- Nó là em họ tôi ở bản Tả Khai nhưng đã bị trường bản bắt đi lính cho quan châu Hoà An.

Sáng hôm sau, người khách Đại Lý lại vượt núi tìm về đèo Tả Giàng...

\*

Năm Bé Hải Phạ mười ba tuổi Tào Phìn bắt đầu dạy nó kiếm thuật. Thằng bé học môn gì cũng ham nhất là cung tên và trường kiếm. Mười lăm tuổi, Hải Phạ cao lớn như một tráng sĩ, tiếng nói sang sảng, bước đi như gấu làm rung chuyển đất dưới chân. Mỗi khi gánh củi ở rừng về, Hải Phạ lại xuống suối Nậm Khoang tắm. Cậu lặn ngụp, vùng vẫy dưới làn nước trong vắt thật thoả thích rồi mới trèo lên chạc cây dẻ, ngồi vắt vẻo thổi sáo. Một lần đang bơi dưới suối, Bé Hải Phạ nhác thấy trên sườn núi thấp thoáng mảng da loang lổ như chiếc chăn hoa chuyển động rất nhẹ nhàng giữa những bụi tầm ma. Một con báo vằn. Phạ trầm nghĩ và chợt thấy gai người. Con báo nhô đầu khỏi đám lá, ghéch cặp mắt tròn xanh như màu da trời nhìn cậu rất lâu, một lúc sau lặng lẽ bỏ đi.

Đã chớm vào thu. Vòm trời sâu thẳm và se lạnh. Những ngọn heo may xào xạc lướt trên tán rừng già. Vài chiếc lá mộc hương mỏng manh, đỏ thắm, vừa bứt khỏi cành, bay chập chờn như những cánh bướm rồi từ từ rơi xuống suối Nậm Khoang. Dịp ấy thầy trò Tào Phìn đi săn gà rừng. Cùng đi với họ có chú bé Ma Thạch, người Nùng, mới được thu nhận làm tiểu đồng hơn một năm nay. Gần trưa, khi Bé Hải Phạ đã bắn được một xâu giẻ gà, vừa định xuống đường mòn quay về, chợt con báo vằn lại xuất hiện như là có thần giao cách cảm. Nó nằm phục dưới lùm cây dẻ gai gần tổ mối lớn ngay trên bờ nhánh suối cạn. Thoáng thấy con thú rình nhát cử nhất động của mình, Phạ lạnh sống lưng. Bằng phản xạ tự vệ quen thuộc, chàng trai mới lớn lấp mũi tên độc vào nỏ và từ từ kéo dây. Đây là con thú dữ đã lén lút theo cậu nhiều lần, ở vào

tình thế mặt đối mặt lúc này, không hạ nó chắc chắn nó sẽ hại mình. Cánh nỏ vừa đủ độ căng, con báo vẫn y nguyên một tư thế, không hề có chút phản ứng. Bé Hải Phạ vừa định bật lấy bổng nhiên một giọng thì thầm nhưng dứt khoát từ đâu đó vang lên :

- Không được bắn !

Cậu giật mình quay lại, đưa mắt nhìn quanh. Không có ai cả. Cậu bé Ma Thạch thắp thoáng dưới gốc cây sồi mãi bên kia suối, còn rừng thì vẫn yên tĩnh như nó vốn có. Quái lạ. Tiếng của ai vừa nghiêm khắc mà lại vừa dịu êm như thế? Bé Hải Phạ buột miệng hỏi vào khoảng không giữa trời và đất :

- Vì sao không cho ta giết loài ác thú ?

Tiếng nói vô thanh lại vắng vắng bên tai :

- Nó cũng như con, là một sinh linh do Đấng Trời tạo ra, nếu không thật cần thiết, chớ nên hạ sát...

Lại mấy năm nữa trôi qua. Một hôm Tào Phìn gọi Bé Hải Phạ lên thư phòng rồi bảo:

- Thời hạn giao kèo đã quá lâu rồi, võ nghệ cũng tạm tinh thông, ngày mai con phải về, ta sợ ở bản Púa có chuyện chẳng lành...

- Thừa thầy, còn cô linh chi ngàn năm tuổi ?

Ông già lắc đầu hạ giọng :

- Mãi gần đây ta mới nhận ra, chuyện cô linh chi cải tử hoàn sinh chỉ là huyền hoặc. Thật phí cho một kiếp người toàn đi tìm những chuyện viển vông, giờ thì đã mỗi gối chồn chân, ta muốn được nghỉ ngơi. Thôi, con đi đi !

Nghe vậy, Hải Phạ ứa nước mắt, giọng nghèn nghẹn :

- Thầy ở một mình, con không yên tâm, hay là... thầy về Nguyên Bình với con.

Tào Phìn lắc đầu bảo :

- Con đi rồi có lẽ ta với Ma Thạch cũng tìm về Đại Lý. Ở đây tuy không có cô linh chi ngàn năm nhưng là quê hương. Ta muốn được nhìn thấy mảnh đất cha ông đã sinh ra mình trước khi nhắm mắt.

Đúng giờ Ngọ ba khắc, Bé Hải Phạ lạy thầy rồi khoác hành lý lên vai. Trước khi người học trò cất bước, vị đạo sư lại bảo :

- Còn một việc nữa, nghe thầy dặn đây. Mệnh vận con lớn nhưng nhân trung xem ra mờ tối, nên tránh so tài cao thấp với kẻ tiểu nhân. Vạn bất đắc dĩ phải đọ sức, con chớ nên nương tay đối thủ dù chỉ một đường kiếm.

Tính ra, từ lúc rời bản Púa đến khi Hải Phạ quay trở về vừa chẵn mười một năm. Vợ chồng bà Nền và người con trai là Bé Phảng đã chết trong trận ôn dịch cuối tháng trước. Chàng trai đành sửa lại ngôi nhà cũ của cha mẹ nuôi, tạm thời vào rừng săn bắn kiếm sống.

Nhưng rồi tự nhiên Bé Hải Phạ nhớ rừng Tả Khai như là tiếng gọi của ký ức truyền kiếp. Một tháng vài lần chàng về Tả Khai chặt củi mang ra chợ Lũng Phàn. Từ bản Púa về Tả Khai đi nhanh cũng mất non nửa ngày đường, lại phải bán củi nên không thể sớm đi tối về. Nghĩ mấy ngày, cuối cùng, Hải Phạ quyết định phát một miếng rẫy nhỏ và dựng tạm chiếc lều ở luôn trong rừng cho tiện. Ban ngày, Phạ làm nương, săn bắn, lúc rảnh rỗi lấy cây sáo trúc ra thổi. Đêm đêm, tiếng sáo của chàng diu dặt cất lên, vang vọng khắp núi, nghe buồn lắm.

Hôm ấy, vào lúc xế chiều, có một đoàn người ngựa từ chân dốc ngược lên. Bé Hải Phạ nhìn thấy trưởng bản Hoàng Tịch dẫn đầu toán trai bản chừng sáu bảy người. Đi sau cùng là một cô gái đầu đội mũ thổ cẩm tròn thêu hoa văn quả trám, lưng mang cung tên, cưỡi con ngựa bạch nhỏ. Bé Hải Phạ vừa định xuống suối lấy nước chợt thoáng thấy con báo vẫn đang nằm ép mình dưới đám cỏ gianh, cặp mắt xanh sắc lẹm luôn dõi theo nhất cử nhất động của đám thợ săn. "Lại là nó". - Chàng nghĩ thế rồi vào lều xách cây mác búp đã lạng lẽ lên rẫy. Có vẻ như

con báo đã để ý đến Bé Hải Phạ. Bằng chứng là nó khễ ngoe nguẩy cái đuôi dài rồi lượn qua bụi cỏ gianh mà không hề gây ra tiếng động. Đứng vào lúc Hải Phạ vượt qua được tổ mối mọc lờm chờm toàn cỏ rặng mèo thì phía trước có tiếng kêu thất thanh. Trưởng bản Hoàng Tịch bị con báo bất ngờ chồm ngang vồ vào đầu gối bóc đi một mảng thịt làm ông ta ngã ngựa, gãy gần hết xương sườn bên phải. Con ngựa bạch phía sau sợ quá, chồm lên, bốc nước đại hất cô gái xuống sườn dốc nằm bất tỉnh. Con thú dữ, sau cú tấp trưởng bản, tạm thời bỏ nạn nhân, đuổi theo cô gái. Chỉ với vài bước nhảy, nó đã ở sườn dốc. Tính mạng người con gái lúc này như ngàn cân treo sợi tóc. Chỉ cần một cái vả nhẹ của con mãnh thú là số phận người đẹp được định đoạt. Trong khoảnh khắc, Bé Hải Phạ tay nắm chắc ngọn mác, hai chân xuống tẩn, mắt nhìn xoáy vào con báo. Hai bên canh chừng nhau một lúc khá lâu, bỗng nhiên con vật ngoe nguẩy đuôi, lùi dần rồi quay đầu lững thững vào rừng. Chàng trai bế cô gái xinh đẹp vào lều. Cũng may, cô ta không bị thương, chỉ xây xát qua loa. Và cũng đến lúc ấy Bé Hải Phạ mới biết, cô ta là Nàng Quện, con gái trưởng bản.

Mùa xuân năm sau, Bé Hải Phạ về Tả Khai chơi tết. Hội xuân năm ấy vui lắm. Con trai con gái từ khắp các bản đổ về chen vai thích cánh nhau dưới chợ Lũng Phàn. Mười tám bản của tổng Nam Lĩnh sắp tổ chức đấu võ, bắn cung nỏ và ném lao. Đây là tục lệ truyền thống của cả vùng từ nhiều đời nay. Sau hội thi, dân bản chọn được người tài còn các cô gái sẽ có cơ hội kiếm được tấm chồng xứng đáng.

Từ ngày được Bé Hải Phạ cứu, Nàng Quện đâm ra phải lòng chàng tiểu phu. Tình thoảng nàng lại hẹn Phạ ra đèo Tả Giàng thổi sáo cho nghe. Tiếng sáo của Hải Phạ lúc này không còn sâu thẳm như xưa mà nó véo von như khúc xuân tình của lũ sơn ca. Ngày tháng thoi đưa, mùa xuân này đôi trai gái đã quyến luyến nhau như hình với bóng. Có bạn Nàng Quện còn đánh liều vào rừng tìm người yêu. Trước tết, Bé Hải Phạ cả gan dám về Tả Khai đến nhà trưởng bản xin cưới con gái ông ta làm vợ. Thấy chàng không cha mẹ, không rõ nguồn gốc xuất thân lại chẳng có người mai mối, trưởng bản ghét lắm, bảo :

- Con Quện có ưng mày không ?

Chàng tiểu phu gãi tai, giọng lí nhí :

- Dạ thưa...có.

Trưởng bản háng giọng :

- Từ giờ đến tết không tính. Ngày mười lăm tháng giêng, mày ra bãi cỏ dưới chân đèo Tả Giàng thi bắn tên và đánh kiếm với lũ trai bản. Đưa nào giành giải nhất, tao gả con gái cho. Dám không ?

Bé Hải Phạ xem ra không vui nhưng vẫn miễn cưỡng gật đầu :

- Thế cũng được...

Ở trong buồng, nghe cha nói lạnh như nước suối Nậm Ngà ngày đông giá, Nàng Quện sợ lắm. Biết là chuyện tình duyên trắc trở, tối hôm ấy nàng cưới ngựa ra chân đèo tìm Phạ trách :

- Từ trước đến giờ chàng chỉ giỏi chặt củi với thổi sáo chứ biết gì nghề kiếm cung mà nhận lời dự hội võ. Chàng nhận lời là mất em đấy. Em bàn thế này, khi nào cha nguôi giận, chúng ta sẽ về quỳ xuống sàn gỗ ba ngày ba đêm, may ra ông ấy nghĩ lại.

- Không được ! - Chàng Phạ lắc đầu bảo - Con trai bản Púa không nói hai lời. Hơn nữa, đây lại là cuộc tỷ thí để giành được chiếc vòng bạc của người con gái xinh đẹp nên mọi người đều phải bình đẳng.

Nàng Quện thở dài, mắt đã có ngấn nước, cố thuyết phục người tình :

- Đành rằng thế nhưng là với những người được tập luyện chút ít võ nghệ kia. Hãy nghe em. Đêm nay chúng mình về bản Púa rồi tạm lánh sang Trùng Khánh một thời gian.

Bé Hải Phạ vẫn một mực lắc đầu :

- Anh đã nói rồi, nếu có đi cũng phải sau ngày rằm tháng giêng.

Nàng Quện buồn, bỏ về nhà, suốt ngày ủ rũ như người ốm lửng.

Biết chuyện Bé hài Phạ đến xin làm con rể, Hoàng Khún, vốn là người Nùng, được Hoàng Tịch nhận làm con trai, hơn Nàng Quện năm tuổi, tức làm bảo với ông trưởng bản :

- Đáng lẽ phải tống cái thằng không cha không mẹ ấy ra khỏi nhà thì cha lại chấp nhận cho nó dự hội võ, con thật không hiểu.

Hoàng Tịch nghiêm giọng :

- Nó đã có ơn cứu con Quện nhà mình, ta không nỡ từ chối, vì thế mới ra điều kiện để dân bản khỏi chê mình hẹp bụng. Cha dám chắc nó chẳng biết võ vẽ gì đâu. Chỉ cần giao đấu với một tay thợ săn hạng bét thằng Phạ cũng bị loại khỏi cuộc chơi ngay từ ngày đầu tiên. Như thế có phải là một mũi tên trúng hai đích không ?

Nghe hoàng Tịch tính toán Hoàng Khún thấy cũng thấy phải nhưng trong bụng vẫn còn hậm hực. Anh ta lẩm bẩm :

- Không may mà đấu với con, thằng Phạ sẽ nhận được mũi kiếm vào tim.

\*

Hội thi bắt đầu vào giữa giờ Thìn. Bốn mươi tám chàng trai từ khắp nơi trong vùng lần lượt giao đấu theo thể thức vòng tròn. Trưởng bản Hoàng Tịch bị báo vồ gãy chân, vết thương đã khỏi nhưng bị thọt, ngồi ghế chủ khảo. Qua rằm tháng giêng, các vị bô lão trong hội đồng trọng tài chọn ra được mười sáu đấu sĩ cho ngày hôm sau. Đến trưa mười sáu, số lượng các anh tài còn chín. Và buổi chiều, khi hội chiêng báo hết giờ vang lên, thì những chàng trai trụ lại được cho ngày tiếp theo chỉ còn bốn. Ngồi trên đỉnh đèo, lòng Nàng Quện nóng như lửa đốt vì Bé hài Phạ vẫn chưa vào cuộc. Nàng mong chàng đổi ý để tránh một trận thất bại thảm hại, thậm chí còn nguy hiểm đến tính mạng hoặc trở thành phế nhân suốt những tháng năm còn lại.

Cuối giờ Thân ngày mười bảy, những chàng trai võ nghệ cao cường của mười tám bản vùng Nam Lĩnh còn lại lần lượt bị một tráng sĩ mặc áo chàm tua đỏ cưỡi con ngựa ô cao lớn đánh bại. Người đó chính là Hoàng Khún, nghĩa tử của Hoàng Tịch, nổi tiếng nhiều năm giết giải quán quân hội võ Tả Giàng. Giữa lúc nhà vô địch lỏng tay cương cho ngựa phi nước kiệu lên lễ đài thì một dũng sĩ cưỡi con ngựa hồng bồm trắng phóng ra chặn ngang đường quát to :

- Khoan đã, hội võ chưa kết thúc.

Hoàng Khún đánh mắt nhìn thấy Bé Hài Phạ liền cười khẩy :

- Mà thích làm cái ma về với ông bà ông vải phải không ?

- Ta muốn giao đấu với người theo đúng luật lệ của hội võ. - Bé Hài Phạ đồng dục nói - Và tất nhiên là không thích chết.

Bị chọc tức, Hoàng Khún cáu lắm. Một anh chàng vô danh tiểu tốt, chuyên bán củi kiếm gạo, sống lang thang như con cày con cáo trong rừng, thế mà bỗng chốc lại cầm vũ khí thượng đài, thõ ra toàn giọng nhạo đời, thử hỏi hắn chịu làm sao được ? Thế là, vượt lên trên mọi khinh miệt đẳng cấp do lòng tự ái bị tổn thương, con nuôi vị trưởng bản đáng kính chấp nhận cuộc thách đấu.

Đầu tiên là bắn cung. Hoàng Khún phi ngựa từ xa, vòng đi vòng lại hai ba lần rồi mới ghì cung cương, giương cung bắn rất nhanh, mười phát trúng tám. Tưởng đã là vô địch thiên hạ nhưng Bé Hài Phạ lại có cách bắn lạ đời hơn. Chàng phi ngựa ngược chiều với địch, quá cự ly quy định chừng năm chục sải mới đột ngột quay lại bật dây cung mà mười phát đều trúng cả mười. Đến mục đấu kiếm, Hoàng Khún toàn sử dụng những thế bí truyền, độc chiêu của dòng họ Hoàng từ nhiều đời trước, nhằm áp đảo, hạ gục đối phương ngay từ những hiệp đầu tiên. Nhìn vào con mắt đầy sát khí của Hoàng Khún, Bé Hài Phạ quyết định dùng nhu đạo mà thầy Tào Phìn đã truyền cho để khắc chế mũi kiếm đang vùn vụt như con rắn lửa chỉ chờ mình sảy chân

là hạ thủ. Chàng ba lần thay đổi thể công, sử dụng một thứ kiếm pháp mềm như lụa, tĩnh như nước giếng khơi, động như gió cuốn mây bay, lúc hư lúc thực, biến hoá khôn lường, làm cả ba lần kiếm của Hoàng Khún đều tuột tay văng xuống đất.

Chiều hôm ấy, Bé Hải Phạ phi ngựa mang phần thưởng đến nhà trưởng bản Hoàng Tịch, quỳ xuống nói :

- Thưa bố, hôm nay con đem lễ vật đến xin làm rể gia đình ta.

Hoàng Tịch không ngờ sự việc lại diễn ra như vậy, trong bụng không thích tí nào vì Hải Phạ nghèo rớt mồng tơi, chẳng có của nả gì ngoài con dao phát rừng với cây sáo trúc. Nhưng cũng không thể muối mặt nuốt lời ngay, nghĩ vậy, ông ta dùng kế hoãn binh :

- Đây là việc lớn có liên quan đến cả đời con Quận. Anh hãy tạm về, đợi ngày một ngày hai, ta bàn với mọi người trong bản đã.

Bé Hải Phạ nặng nề bước xuống cầu thang nhà sàn, ra đến cổng gặp Hoàng Khún từ ngoài rừng dắt ngựa vào. Thấy chàng, Hoàng Khún cười nhạt :

- Hãy về mang mười ba con trâu đực làm lễ vật, ta sẽ gả em gái cho.

Ba ngày sau, vào lúc nhập nhoạng tối, Hải Phạ phi ngựa từ trong rừng ra, đến đỉnh đèo Tả Giàng, thả cho ngựa ăn cỏ rồi ngồi xuống tảng đá lấy sáo ra thổi. Tiếng sáo ngân dài một điệu buồn ai oán loang khắp triền núi đá làm Nàng Quận không nén lòng được liền xuống chân cầu thang nhảy lên con ngựa trắng phóng đi. Chạy được chừng nửa dặm, con ngựa đột nhiên khựng lại, đồng tai nghe một lúc rồi hí lên một tiếng. Cùng lúc, tiếng sáo đang du dương chợt nấc lên rồi lịm tắt...

Khi Nàng Quận lên đến nơi thì trước mắt hiện ra cảnh tượng kinh hoàng. Bé Hải Phạ nằm úp mặt xuống tảng đá, giữa gáy cắm một mũi tên có đuôi bằng lông chim nhọn. Nàng sững người, xuýt nữa thì ngất. Phải đến già nửa khắc nàng mới có đủ can đảm rút mũi tên ra. Đó là mũi tên tẩm độc dài hơn bốn tấc.

Bản Tả Khai làm lễ chôn cất Hải Phạ ngay nơi chàng bị kẻ thù sát hại. Qua vài ngày, những người đi chợ sớm thấy chung quanh ngôi mộ mới có nhiều vết chân thú. Vốn là một thợ săn giàu kinh nghiệm, Hoàng Tịch chỉ thoáng nhìn đã biết ngay đó là vết chân báo.

Từ khi Bé Hải Phạ chết, bụng dạ Hoàng Khún lúc nào cũng bồn chồn như có lửa, nóng không chịu được. Suốt ngày chàng ta uống rượu say khướt rồi nhảy lên con ngựa ô phi như hoá rồng lên đèo Tả Giàng. Một đêm, lúc ấy đã khuya lắm, người nhà trưởng bản thấy con ngựa về mà không có chủ liền báo cho Hoàng Tịch. Ông ta vội sai thấp đuốc dẫn mấy thợ săn lên đèo thì đã thấy xác con nuôi nằm co quắp bên lên đá, một mảng đầu vỡ toác bởi hàm răng nhọn của loài dã thú. Như có linh cảm mách bảo, Hoàng Tịch chống nạng bước thêm mấy bước tuột xuống bên kia dốc. Và ông trưởng bản chợt lặng người bởi hiện tượng quái lạ có một không hai trên đời bày ra trong ánh lửa chập chờn. Con báo vẫn tuyệt đẹp, oai phong như một vị chúa sơn lâm, chính ông và nó đã từng săn đuổi nhau bao nhiêu năm nay, giờ nằm phủ phục bên mộ Bé Hải Phạ. Nó chết mà trên bộ lông rực rỡ như hoa như gấm không hề dính một vết thương.

Những ngày sau đó, cả bản không thấy nàng Quận đâu. Trưởng bản cử mấy tay chân thân tín đi tìm khắp nơi nhưng đều bật vô âm tín. Sau này có người bảo, nàng cưỡi ngựa vào rừng ăn lá ngón rồi chết trong lều của Bé Hải Phạ, xác bị thú dữ tha đi. Có người lại bảo, nàng cầm cây sáo của người yêu để lại, rẽ cây vạch lối đến hồ Thăng Hen. Nước hồ Thăng Hen trong vắt màu lục ngọc, có thể nhìn thấy cả những con cá mảy vảy vàng lấp lánh dưới đáy. Nàng ngồi trên bờ lấy sáo ra thổi, thổi mãi cho đến một ngày kia hoá đá...

Từ độ ấy, những đêm trăng, lũ khách qua đèo Tả Giàng đều có cảm giác rờn rợn bởi những tầng mây hình thù kỳ dị bị gió ngàn đánh tướp ra như bông xơ, bạc phếch, mệt mỏi trôi trên vòm trời tai tái cùng cảnh cô tịch của miền sơn cước và truyền thuyết về câu chuyện tình dang dở của đôi trai tài gái sắc. Chỉ những bông cúc dại mọc lưa thưa bên vách đá là vàng rực như đang tự đốt mình cháy lên. Hàng năm, cứ vào dịp đầu xuân, đêm đêm các bản quanh vùng thỉnh thoảng vẫn nghe tiếng sáo vắng vắng từ lưng đèo vọng về./.

*Chí Linh, ngày lành, xuân Tân Ty*

*\*Đơn vị đo độ dài đường đi (thường không cố định) của một số dân tộc ít người miền núi phía Bắc Việt nam*

## Đò đêm

Bến đò càng về chiều càng đông khách. Những chiếc thuyền buồm đủ loại chen chúc nhau trên đoạn sông chưa đầy trăm thước. Tháng chín, không còn những trận mưa ngàn trắng trời. Heo may về. Sóng lấp loá nắng xiên khoai. Làn theo từng bậc đá, anh xuống mép nước.

Ở đầu đò bên kia bờ vọng tiếng sáo điệu. Những âm thanh xa tít tắp lơ lửng trên cao ấy ngân mãi một giọng trầm đơn điệu khiến tâm trạng anh trở nên nặng nề. Bị tiếng sáo ám ảnh, chỉ chút xíu nữa anh không kịp xuống đò dù rằng đây là chuyến cuối cùng chở khách trả hội đền Chúa Liễu bắt đầu vào sáng sớm ngày mai. Con thuyền cắt chéo dòng nước, lác lác trườn ra giữa sông. Người lái đò kéo cánh buồm trắng, nó sẽ chao đi rồi hướng mũi về phía bắc. Khi hoàng hôn đỏ xuống cũng là lúc thuyền qua khỏi bến Tuần làm lũi gối sóng ngược về bến Tràng. Ngồi mũi thuyền, anh có cảm giác như đang đi về phía mặt trời lặn. Hoàng hôn gay gắt nhuộm đỏ cánh buồm. Mặt sông Hoàng Giang vốn đã rộng, dưới ánh chiều, bị ảo giác kéo giãn ra, tưởng như mệnh mang vô tận. Anh thích thú ngắm nhìn vàng mặt trời đỏ quạch và quan sát những biến thái của nó cho đến khi nó nhợt nhạt, mất hết sinh khí và đột ngột chìm xuống sau triền đê sừng sững như bức trường thành. Trong đời, chưa bao giờ anh được thông thả ngắm hoàng hôn trên sông. Dòng nước thao thiết chảy. Tiếng sóng rào rào vỗ mạn thuyền. Mặt sông chấp chới những cánh chim nhận nước. Những thứ vừa lạ vừa quen đó tạo thành một mảng không gian riêng biệt thật êm ả, thanh bình. Lần đầu đi đò trên sông lạ mà anh có cảm giác đã quen lắm, thân thuộc lắm, cứ như suốt cả tuổi thơ vất vả, nhọc nhằn đã từng gắn bó với nó. Một ký ức tiền kiếp chăng? Hay chỉ là sự liên tưởng thái quá trong tiềm thức đầy những ám ảnh? Điều đó không quan trọng. Với anh, lúc này con sông đang là một dải mờ ảo, mệnh mang, và chỉ chốc nữa thôi, khi màn đêm buông xuống sẽ trở thành một thực thể huyền bí. Biết đâu, trong cái chuỗi liên hệ ngược đầy mâu thuẫn ấy sẽ nảy sinh một ý tưởng.

Anh vốn là nhà thơ. Anh yêu thiên nhiên nhưng phải là thiên nhiên đầy khám phá của thi ca. Những mảng không gian tù túng, nhồn nháo quen thuộc với anh là vô cảm. Anh trả hội không phải vì mê những huyền thoại về Chúa Liễu. Anh đi săn đuổi cảm giác trong tình trạng gần như bế tắc sau những ngày sống ngọt ngọt trong khu chung cư chật hẹp, đầy những toan tính nhỏ nhen cho cuộc mưu sinh của một cộng đồng người đã mất hết niềm tin, ích kỷ, thậm chí vô đạo đức bởi không khí xã hội bị ô nhiễm đến mức báo động đỏ. Danh hiệu nhà thơ và cái thiên chức có vẻ như phù phiếm ấy luôn trĩu nặng trên đôi vai gầy vốn đã không ít mặc cảm. Anh lặng lẽ ngắm đám chúng sinh đủ loại trên thuyền và liên tưởng đến thân phận giang hồ của mình. Một nhà thơ lênh đênh trên sóng nước đi tìm thi hứng chỉ vì nỗi khát khao những bến bờ mới lạ. Trong khoảnh khắc, anh thấy mình hiện diện nhưng rồi lại như đang dần dần hoá thân



vào cõi hư vô. Phải chăng cả con thuyền, cả dòng sông và đám lữ hành có vẻ như là rất mộ đạo kia cũng chỉ là ảo ảnh ?

Một cánh cò trắng lướt ngang trời rồi mất hút vào dãy núi Thần Lân có những chóp đá vôi lờm chờm như răng cưa. Biết đâu cánh cò cô lẻ kia cũng chỉ do anh tưởng tượng ra. Trong cõi nhân gian, những lớp thi sĩ "quốc doanh" thiếu máu như anh, tuy đã được ngành Tư tưởng của Đảng dạy bảo khá nhiều về quan điểm sáng tác cùng với những chức năng như cây cảnh, con cảnh, vậy mà vẫn không thiếu những kẻ hoang tưởng, định chơi trò phỉ báng tín điều, đánh tráo khái niệm, hy vọng được ghi danh vào hàng các vị thánh tử vì đạo.

Anh vừa ra được tập thơ. Tiền đi vay, lãi suất năm phần trăm. Trên đời này, hiện giờ không có gì rẻ hơn thơ và khôn khổ như nhà thơ phải ôm sách của mình đi bán lẻ. Khi đưa bản thảo cho nhà xuất bản, anh nghĩ, việc giải quyết "đầu ra" sẽ tính sau, trước mắt làm sao có được sách đã. Đến khi cầm tám trăm cuốn Đối thoại với dòng sông trong tay, anh mới thật sự hiểu thế nào là kinh tế thị trường. Anh nhẩn nhục mang thơ đi phát hành. Bán khắp mọi nơi, bán cả ở những chỗ người ta nhiều tiền nhưng không hiểu thơ và chẳng cần thơ. Cái năm phần trăm của bảy triệu hàng tháng thúc bách anh. Tại một trường phổ thông trung học, khi anh nhờ mua giúp hai chục cuốn, ông hiệu trưởng lật xem qua rồi bảo : " Chúng tôi sẽ vận động các em mua". Ba tuần sau, anh trở lại, ông hiệu trưởng khả kính mang ra chồng sách phủ đầy bụi, nói như người có lỗi : " Ông thông cảm, học sinh bây giờ không thích thơ". Anh nhẩn nhủ hỏi : " Thế các em thích cái gì ?" Ông hiệu trưởng vốn là giáo viên văn, thờ dài : " Chúng thích đủ thứ, trừ thơ". Anh ngao ngán bỏ tập sách vào túi đứng dậy. Mấy hôm trước, anh mang thơ đến một sư đoàn bộ binh vốn là đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang mới được tuyên dương, đang thành lập thư viện. Nghe anh trình bày, vị chỉ huy phó chính trị, người còn sặc hơi men phán một câu xanh rờn : "Lính của chúng tôi chỉ ưa đọc truyện vụ án hoặc loại tươi mát thuê ở các quầy tư nhân. Hiện trong thư viện có hàng trăm tác phẩm của các nhà thơ trung ương, quân khu mới gửi xuống nhưng không ai đọc, sắp tới có khi phải bán cân cho mấy bà đồng nát". Anh nhìn viên đại tá có cái cằm chảy xệ xuống, nung núc những mỡ, cười nhạt :

- Ngoài sách vụ án và các khoản tươi mát ra, tôi chắc, lính của ông còn thích một thứ nữa mà có lẽ phải xếp lên hàng đầu...

- Anh...nói thứ gì ? - Vị chỉ huy ngắt người ra hỏi.

Anh nheo mắt điềm tĩnh bảo :

- Cuộc lủi (\*)

Bảy triệu. Mỗi tháng đẻ ra số lãi ba trăm năm mươi ngàn. Đúng là một thứ nợ văn chương. Có thể nói, chuyến đi này của anh là cuộc hành hương về một miền đất lạ. Anh mang trong mình tâm trạng u uất về món nợ không tiền khoáng hậu và nỗi mặc cảm đưa con tinh thần của mình bị người đời ghẻ lạnh. In xong tập thơ, anh tưởng mình là vĩ nhân. Mang tập thơ đi bán rao, anh thấy mình là kẻ khát thực. Thói thường thi nhân hay xót thương cho nỗi đau nhân thế, nhưng lại thường quên đi số phận bản thân mình. Số kiếp nhà thơ trên dải đất hình chữ s này thật đa đoan. Anh suy ngẫm, trần trở trong niềm cay đắng. Có thật thiên chức của người nghệ sĩ là vinh danh cái đẹp, loại trừ cái xấu, cái ác và nuôi dưỡng khát vọng cao cả trong cùng một con người vốn đầy áp mâu thuẫn ? Có lẽ anh chưa chạm được đến vùng nhạy cảm nhất trong tầng vô thức của con người. Cuộc đời vốn đã không hề đơn giản, và cái phần sâu thẳm tiềm ẩn trong vùng khuất ấy của mỗi con người còn phức tạp hơn nhiều. Đó là một thế giới đóng kín, đầy bí hiểm, ví dụ như trong khoang đò chật hẹp này...

Chủ thuyền, mới nhìn cũng biết là kẻ bần tiện. Từ lúc xuống đò đến giờ anh chưa thấy lão cười mà chỉ gườm gườm cặp mắt cá chày lặn dưới hàng mi màu thiếc bệch bạc như lông chó ghẻ trông rất gian xảo. Một tay lão giữ lái, một tay kéo dây lèo vô cùng thiện nghệ. Thỉnh thoảng lão cho thuyền chạy vát, nghiêng buồm đón gió cứ tưởng như lão đang lao thẳng vào bờ. Nhìn lão,

khó có thể đoán tuổi. Người lão đậm, lưng to bè như cánh phàn. Lão mặc loại quần short "cải tiến", rộng thùng thình, chẳng biết may bằng thứ vải gì mà dày cộp tựa da trâu. Từ hai ống thò ra đôi cẳng chân vòng kiềng đen xỉn, bản thủ, được gá trên cặp đầu gối củ lạt chẳng khác gì chú Lùn đi cà kheo trong rạp xiếc. Vào lúc nhập nhạng, lão nhờ người đàn ông rậm râu cầm lái hộ để thấp đèn chái. Lão treo đèn lên mũi thuyền rồi bảo mọi người bằng thứ giọng the thé của loại quan hoạn thiến sót thời phong kiến :

- Đoạn sông này có Hà bá, bà con chú ý. Năm ngoái, vào cỡ trung thu, ngài đã nổi lên bắt một cô cứt cò xuống thủy cung làm vợ.

Người đàn ông rậm râu bật cười :

- Tường chỉ thời xưa Hà bá mới lấy vợ ?

Lão già lườm gã rậm râu, "hứ" một tiếng rồi lên giọng giảng giải :

- Thời nào cũng vậy, có âm mới có dương, âm thịnh thì dương suy. Đó là lẽ biến dịch của trời đất. Anh đừng tưởng hễ được phong thần là lập tức các vị trở thành đạo cao đức trọng và không phải ai cũng khuôn vàng thước ngọc như các loại sách giáo khoa luân lý viết đâu. Đại loại những chuyện vợ cả vợ lẽ, chuyện thất tình rồi cả tự tử nữa đều là do các bậc linh thiêng ấy đầu têu ra.

Cách nói năng của lão lái đò thật phóng túng chẳng theo một nguyên tắc nào. Nhìn bề ngoài thì có vẻ là vô học nhưng lão triết lý ra trò, mà toàn là thứ triết lý ngược đời, nằm ngoài thứ học thuyết chính thống anh đã được nhồi nhét vào đầu trong trường đại học như một thứ tôn giáo. Anh muốn men theo về phía lái để được nhìn lão thật rõ, nhưng ý định không thành, bởi đúng vào lúc ấy, anh bắt gặp đôi mắt của người thiếu phụ ngồi bên trái mạn thuyền. Đó là một ni cô. Ngay từ cái nhìn đầu tiên anh đã bàng hoàng trước dung nhan của nàng. Phải, thơ sẽ không là gì cả nếu trên đời này thiếu đi cặp mắt buồn đến nao lòng như thế. Nhà sư có vẻ chưa qua ba mươi nhưng trông già hơn tuổi bởi bộ y phục nâu sồng. Chiếc mũ màu cánh gián có dải trèm kín tai chứng tỏ nàng đã xuống tóc. Đây chính là Cái Đẹp, vì chỉ có Cái Đẹp mới làm ta rung động. Anh thầm nghĩ và xoay người đối tư thế, lúc này gần như đối diện với nàng.

- Sư thầy cũng đi hội đèn ?

- A di đà phật ! - Ni cô cúi đầu.

- Có phải sư thầy trụ trì ở Linh Quang Tự ?

- A di đà phật !

- Ngày xưa đức Thích Ca đã hơn một lần chèo thuyền trên sông Hằng và người dạy đệ tử : Nước làm cho phần hồn trong sạch. - Anh kiên nhẫn thử vận may bằng một Phật tích. - Có phải vì thế mà "nhà chùa" đi thuyền ?

- A di đà phật !

Anh thất vọng. Và đôi mắt đẹp mê hồn kia, sau ba lần "A di đà phật" trở thành nhạt nhẽo, trống rỗng. Đã thế, nhà sư lại ngồi dịch ra sát mạn thuyền làm ra vẻ đang chăm chú ngắm một ngôi sao xanh đang tắt dần ở đường chân trời. Phía đằng này, gã rậm râu đang tán cô gái nhà quê có chiếc làn mây đựng vàng hương. Lão lái đò thỉnh thoảng nhìn họ nhếch mép cười. Cô gái có vẻ xí xốn, mồm huyên thuyên toàn những chuyện đầu đường xó chợ. Hồi chiều anh đã nhìn rõ dung mạo cô ta. Mắt lá rằm. Mày rậm, sống mũi thẳng, trông khá dễ coi nếu không nói là đẹp tuy cái miệng hơi rộng với cặp môi ướt át trẻ ra trông rất dĩ thỏa. Loại gái như thế, những thằng bọm, chỉ dăm ba câu đưa đẩy là đã có thể kéo được lên giường. Người đàn ông không hề giấu giếm quá khứ của mình kể cả việc gã mới đi tù về và hiện đang làm nghề thiên lợn. Gã bảo, gần năm mươi năm, hội đèn Chúa Liễu mới được mở lại, thử đi một chuyến xem bà ấy thiêng đến mức nào. Cô gái xí xốn nhìn gã nguyệt dãi. Hình như mới được nửa chặng đường cá đã cắn câu. Phải nói gã đẹp mã, đẹp theo kiểu những thằng dĩ đực xoè lông công, uốn éo vũ điệu rẻ tiền chinh phục lũ công cái ngu xuẩn thì ít mà nhẹ dạ cả tin thì nhiều. Dưới cằm trái gã có vết

sẹo bằng hai đốt ngón tay, hằn khá sâu, phơn phớt đỏ trông như con đĩa đang co lại. Có điều, vết sẹo không làm gã xấu đi mà trái lại, nó càng tạo ra vẻ phong trần. Gã nói nửa nạc nửa mỡ :  
- Nghề thiên lợn hái ra tiền, đủ tiêu sài nhưng tổn âm đức vì tiêu diệt nòi giống Trư Bát Giới.

Cô gái nhà quê nhắm tịt cặp mắt đa tình cười rung người. " Đòi thường mà lại. - Anh tự nhủ - Và những thi nhân bất phùng thời như ta cần phải biết cái triết lý đơn giản ấy. Không nên tự huỷ hoại mình bằng những thứ cao đàm khoát luận. Bởi vì, nếu anh lệ thuộc vào nó sẽ đến lúc đánh mất bản ngã, trở thành kẻ hoang tưởng, chân không đến đất, cật không đến giới...". Đằng kia, câu chuyện vẫn tiếp tục. Gã rậm râu bảo đã từng là viên chức nhà nước, mà là cán bộ có cỡ hần hoi. Gã khoe, gã tự nguyện khai báo để đưa bằng được tay phó chủ tịch tỉnh vốn là một tên ăn cắp và lừa đảo có hạng vào nhà đá. Nhưng ván bài bị lật ngược. Sếp của gã có lắm ô dù đã "bắt" đi một nửa cơ nghiệp nên chẳng những thoát khỏi vòng lao lý mà còn được chuyển lên cơ quan trung ương giữ chức phó trưởng ban. Dĩ nhiên, gã trở thành tội phạm, vào trại ngồi bóc lịch vài năm thay chỗ của sếp. Trước mắt cô gái, gã trở thành thần tượng. Thoáng thấy cặp mắt đắm đuối của "người đẹp", gã thờ dài kể, khi gã vào trại được mấy tháng, cô vợ ở nhà lòng thông với tay thư ký công đoàn có tài kéo đàn accordéon rồi hai người dắt nhau đi biệt xứ. Gã nâng cánh tay như tay vượn đeo cái đồng hồ Thuỷ quân lục chiến to bự, vuốt mái tóc bờ liếm, rồi làm như vô tình quờ vào eo lưng cô gái xí xốn. Cô này chẳng những không phản ứng mà còn lim dim cặp mắt đa tình tận hưởng khoái lạc của sự đụng chạm khác giới.

Ngồi ở khoang giữa là một bà trạc ngoại tứ tuần đang độ hồi xuân. Bà này, ngay từ lúc xuống đò đã luôn tay lần chuỗi tràng hạt bằng nhựa đen bóng như mun, miệng lầm bầm : " Con nam mô A di đà phật". Bà ta bảo với gã thiên lợn là tiện chuyến đò, hai người đến xin khước Chúa bà để làm ăn cho " thông đồng bén giọt". Theo như cách xưng hô thì cô gái kia gọi bà ta bằng "di". Chẳng rõ quan hệ họ hàng thế nào, chỉ biết mỗi khi gã rậm râu dò hỏi cô gái chuyện buôn bán thì mắt người đàn bà nạ dòng lại long lên sóng sọc.

Tặng người như bà ta không phải là dân buôn bán thông thường, - Anh nhận xét bằng trực giác, - mà có cái gì bí hiểm ẩn giấu trong đôi mắt nhỏ, sắc như dao cau kia. Bà ta cung cấp các thông tin thương mại vùng biên giới một cách hào phóng mà đáng lẽ ra, dân phe hàng lậu muốn có được phải tự nguyện mở hầu bao. Cách ứng xử của người đàn bà nửa quê nửa tỉnh này vừa khôn ngoan lọc lõi vừa ngu dốt kịch cỡm làm người ngoài cuộc vừa thích thú vừa khinh bỉ. Anh có cảm giác đó là một mẹ mìn thứ thiệt chuyên dắt phụ nữ và trẻ em qua các cửa khẩu biên giới chứ không đơn giản chỉ là buôn hàng lậu trốn thuế. Chưa bao giờ anh gặp một người đàn bà có sức sống phồn thực đến thế. Cô gái nhà quê xem ra đã đến hồi say gã rậm râu. Mỗi khi gã "vô tình" đặt tay lên đùi, cô lại ý tứ liếc trộm "bà di". Bà này xem ra kèm "cô cháu" còn chặt hơn cả các mệnh phụ cả ghen vốn là nòi giống Hoạn Thư, quản lý đức lang quân có máu phong tình.

Đêm đã khuya. Lão lái đò thấp thêm ngọn đèn chai nữa treo lên mũi thuyền. Nước sông đang lên vỗ ràn rạt hai bên mạn. Những thuyền trước đã qua bến Đoan, không còn nghe tiếng rì rầm cầu kinh của các vãi già. Nước chảy mạnh mặc dù khúc sông này rộng và lặng gió. Anh không nhìn thấy nhưng anh cảm thấy điều đó qua những âm thanh chói với tựa như tiếng gọi mơ hồ của một lũ khách muốn sang ngang. Khúc sông vắng, âm thầm chảy trong đêm có cái gì như là sự bí hiểm. Chỉ những kẻ giang hồ, từng lên thác xuống ghềnh trên những con đò dọc cô đơn trong đêm thanh vắng mới hiểu được nỗi lo sợ, phấp phỏng trước cái bí hiểm không thể cất nghĩa đó. Hai bờ sông, đom đóm lập loè thứ ánh sáng lạnh lẽo ma quái dường như đuổi sức chỉ đủ rạch bóng đêm dày đặc những vết mơ hồ. Lão lái đò ngáp dài, tay lái uể oải nhưng mắt đảo loang loáng khắp thuyền làm anh nghĩ đó là mắt của loài mèo hoang có thể xuyên thấu bóng đêm. Lão vắn điệu thuốc to bằng ngón tay cái rồi quẹt diêm châm lửa hút. Mùi thuốc khét

lết phả ra làm "bà dì" váng đầu bảo lão là "đồ phun ống khói chết tiệt đầu độc khách". Lão già cười nhạt, hít vài hơi rồi ném "ống khói" xuống sông.

Gió bắt đầu đổi chiều. Đêm có phần lạnh hơn. "Bà dì" bị cảm, đầu nhức, nhìn thấy nước là rùng mình. Lão lái đò trao tay lái cho gã rậm râu, kéo bà ta vào khoang, lấy dầu gió "Phật linh" xoa khắp người. "Bà dì" lim dim mắt. Khi lão "vô tình" miết tay vào vòng ngực đồ sộ như hai trái núi nhỏ đang phập phồng thì bà ta oằn người thờ phì phì như rấn hổ mang đến kỳ động cốn. Đàng này, gã rậm râu cười tinh quái. Không bỏ lỡ thời cơ, tay trái cầm lái, tay phải gã rờ rẫm trên đùi cô gái. Cô ta lấy khăn trùm lên tay bạn tình rồi ồm ờ : " Liều vừa chứ, bà dì..." Gã thiên lợn giọng tình bơ : " Sợ quái gì. Bà ấy đang được ông lái "đánh cảm". Nói rồi gã chuyển sang giữ tay lái bằng chân. Con đò từ từ xoay ngang nhưng không ai biết, vì trong đêm, giữa dòng sông rộng chẳng có gì định hướng. Gã rậm râu không cần biết điều đó. Lúc này gã đang bận với hai bàn tay tự do, dù thuyền có đến thăm vương quốc Thủy Tề cũng mặc.

Cô gái thì thầm : " Bà ấy không phải là dì mà là người trung gian đưa em sang bên kia, Có một ông Tàu goá vợ nhờ mai mối...". Gã khề gắt : " Sao dại thế, phí cả một đời con gái. Chúng nó lừa lên biên giới rồi bắt đi làm điếm đấy". Cô gái cúi đầu thờ dài:" Trên đời này còn khối thứ thiêng liêng như chủ quyền đất nước mà người ta vẫn đem cất dần bán rẻ để đổi lấy những thứ hão huyền hưởng hồ là cái vốn tự có của đàn bà chúng em". Gã rậm râu uớng hỏi : " Chắc cuộc đời gặp nhiều uẩn khúc lắm hả ? Thôi, sáng mai về với anh. Quên mọi ấy đi". Cùng lúc ấy, mọi người nghe thấy "sạt" một tiếng. Cản lái bật khỏi chân gã rậm râu. Cánh buồm đang nặng gió xoay ngang làm con thuyền giật nảy lên hắt ni cô xuống sông. Anh phản ứng khá nhanh, đưa tay nắm được dải thắt lưng, nhưng thắt lưng sư nữ chỉ quấn quanh eo có tính tượng trưng nên bị tuột ra dễ dàng. Anh nhảy xuống sông. Lão lái đò trong khoang chui ra chửi gã rậm râu không tiếc lời. Một ngọn đèn chai rơi mất. Ngọn kia ám khói run rẩy sắp tắt. Vừa chửi lão lái đò vừa cởi áo. Cuối cùng lão cũng nhảy xuống nước. Hai người lặn ngụp chừng dăm bảy phút thì anh vớt được ni cô. "Bà dì" đã hết váng đầu cùng cô nhà quê làm các động tác hô hấp. Ni cô chỉ bị uống ít nước nên chóng hồi sinh. Hai người đàn bà thay quần áo cho nàng và xoa dầu vào thái dương.

Anh lại ra mũi thuyền ngồi vào chỗ cũ. Anh không buồn ngủ dù phải vật lộn dưới nước khá mệt. Anh xếp bằng trong tư thế nhập thiền. Những mặc cảm trần thế chợt tan biến. Từ trong mỗi đường gân thớ thịt dường như có sự siêu thoát...

Ni cô đã ra ngồi cạnh anh nhưng lần này ở phía trong. Nàng ngước mắt nhìn anh : " Cảm ơn, không có anh thì tôi chết đuối". Anh chấp tay : " A di đà phật ! Chết thế nào được, "nhà chùa" còn phải trụ thế để tụng kinh siêu thăng cho những chúng sinh lạc vào bến mê chứ". Ni cô im lặng khá lâu, có vẻ như đang cố hình dung xem cõi Cực Lạc ra sao nếu vừa rồi chẳng may nàng không qua khỏi kiếp nạn. Vào lúc anh vừa lờ mờ nhớ đến một đoạn sấm ngôn của Nhiên Đăng phật nói về sự hoà đồng giữa vạn vật trong tam giới thì sư nữ khề thì thầm :

- Phật dạy, cuộc trầm luân trăm năm của chúng sinh đã chuộc đủ lỗi lầm khắp ba ngàn thế giới.
- Rồi nàng nói tiếp bằng thứ giọng thánh thót như hát - Một nghĩa cử vừa rồi đáng giá hơn ba vạn sáu ngàn lần đọc kinh Vô Thường. Nếu tôi không làm thì có lẽ anh là nhà thơ?
- Sao ni cô biết ?
- Vì các nhà thơ thường không vụ lợi. Tôi đã thấy điều đó khi anh nhảy xuống sông mà không cần tính toán thiệt hơn...

Anh không dám chắc mình là kẻ không vụ lợi vì rất phiền lòng với mấy trăm cuốn thơ chưa bán hết, nhưng phải công nhận nhà sư có năng lực phán đoán và một linh cảm giống như giác quan thứ sáu.

- Tuy nhiên, hình như nhà thơ đang ở vào tình trạng khủng hoảng đức tin và bão hoà cảm xúc.

- Ni cô thần nhiên nhận xét - Anh đang cần một chuyến xê dịch để giải toả những ám ảnh vốn chẳng mấy dễ chịu đối với một thi nhân.

- Ni cô thật thông tuệ. Lẽ ra nàng phải là nhà tiên tri...

- Không đâu. Tôi là một kẻ đã từng bị cuốn vào vòng nghiệp chướng, đã ném đủ cay đắng ngọt bùi với những đam mê trần thế, chỉ còn nửa bước chân là sa xuống chín tầng địa ngục...

- Thì cũng coi như một kiếp nạn. - Anh lựa lời an ủi thiếu phụ - Xưa nay, những bậc tu hành, trước khi ngộ đạo thường lắm nỗi đoạn trường.

- Anh có nghe thấy tiếng "mèo chuột" trong khoang không? - Nhà sư đột ngột hỏi.

- Ý nhà chùa là...

- Và cả chuyện lão lái đò "bòm xòm" mụ "Tú Bà" ?

- Thì ra ni cô không chỉ là nhà tu hành...

- Bởi vì, anh có tin không ? - Nàng ngừng tay lần tràng hạt, giọng mỉa mai - Trước đây tôi cũng đã từng là một con điếm...có điều là...một con điếm quý tộc. Tuổi trẻ của tôi vô cùng bốc lửa. Tôi tốt nghiệp đại học nhưng không đi làm mà chỉ say mê đến các vũ trường và coi cuộc đời chỉ là chuỗi dài những cuộc rong chơi. Trong một chuyến đi công cán nước ngoài, bố mẹ tôi bị tai nạn máy bay. Tôi trở thành cô đơn trong ngôi biệt thự rộng thênh thang và luôn bị ám ảnh bởi cái chết của những người đã sinh ra mình. Trong hoàn cảnh ấy, có khá nhiều kẻ muốn làm "bóng tùng quân" che chở. Tôi bị bao vây bởi những lời phỉnh nịnh đường mật của đủ loại đàn ông. Trong số họ có một nhà thơ. Anh ấy nói hay nhưng ít nói. Cách biểu hiện tình yêu khác hẳn. Thực ra, những người đến với tôi không phải tất cả đều là đồ bần tiện, đều cáng, ích kỷ. Có những đối tượng tốt, học vị cao lại giàu sang nhưng trái tim tôi không rung động.

Lâu lâu anh không đến tôi lại phấp phỏng. Đêm nằm cứ tưởng tượng ra những điều bất hạnh rồi úp mặt vào gối khóc. Thỉnh thoảng anh tặng tôi một bài thơ. Có bài mới ở dạng bản thảo, có bài đã in báo. Thơ của anh lạ lắm, đọc vô cùng cuốn hút. Nó như một thứ ám ảnh bắt ta phải suy nghĩ, trăn trở chứ không trơn tuột, sáo rỗng như phần lớn những bài thơ in trên các tờ văn nghệ "quốc doanh" mà người ta thường gọi miệt thị là báo "lá cải". Phải thú thực, trước khi yêu anh, tôi đã yêu thơ anh. Theo đuổi tôi quyết liệt nhất là một người đàn ông luống tuổi. Ông ta đi Tây như đi chợ. Bà vợ không hiểu làm sao bị đột tử sau đợt nghỉ mát ở Đà Lạt về. Cái chết mờ ám ấy hình như được khoan lại vì ông ta đang giữ một chức vụ khá cao trong bộ máy của Đảng. Một lần ông ấy tặng tôi chiếc nhẫn bạch kim và bảo : " Nếu cô đồng ý, tôi sẽ làm cho ngôi nhà này không phải trả lại sở nhà đất mà là thuộc sở hữu hợp pháp của cô. Hơn nữa, khi đã ở với tôi, không đứa nào dám quấy rầy". Tôi cười nhạt hỏi : " Còn tình yêu, liệu ông có cái đó không ?" Ông ta nhếch mép cười mũi bảo tôi là trẻ con, thiếu thực tế : " Tình yêu là khái niệm rỗng tuếch và là thứ xa xỉ nhất trên đời. Quyền lực và tiền bạc mới giúp người ta trở thành kẻ mạnh". Tôi giận dữ chỉ tay ra cửa : " Mời ông ra khỏi nhà tôi!".

Cuối tuần ấy, nhà thơ của tôi mất tích. Hai ngày sau, người ta tìm thấy thi thể anh ở một góc hồ Tây, ngực trái có những vết dao đâm... Nguyên nhân của cái chết bị thảm đến giờ đã rõ nhưng lúc ấy có vẻ như người ta không muốn tìm chính danh thủ phạm bởi những mối quan hệ nhạy cảm phụ thuộc và chi phối lẫn nhau trước kỳ Đại hội... Tôi có linh cảm, lúc đó nếu mình yêu một người đàn ông nào nữa, chắc người ấy cũng sẽ kết thúc tương tự như thế. Tôi rơi vào tình trạng khủng hoảng tâm lý, đã có lúc thoáng nghĩ đến những liều thuốc ngủ. Nhưng rồi, anh biết không? Chính giữa cơn vật vã tinh thần ấy, trong đầu tôi chợt nảy ra ý nghĩ kỳ quái, chấp nhận gá nghĩa với con người đã bị tôi tống ra khỏi cửa hôm nào. Thời gian rồi cũng làm dịu đi nỗi đau buồn. Sau một lần ân ái, tôi làm bộ sợ hãi bảo : " Đêm qua nhà thơ Việt Tuấn về báo mộng cho em...". Lão già giật mình : " Cái gì ? Cô chỉ nói lằng nhằng". Tôi nhòe miệng cười, áp vào má ông ta một nụ hôn : " Mà việc gì mình phải giết anh ấy. Làm như thế là thiếu khôn ngoan. Nếu không là vợ mình, em có thể ra quận công an tố cáo". Ông ta chạm nọc , vùng dậy,

nhanh như con mèo đói vừa nhìn thấy chuột, giọng gầm gừ : " Không có bằng chứng, tôi thách cô đấy. Thằng nghệ sĩ vườn ấu là thứ gì mà dám qua mặt tôi".

Thế là rõ. Để trả thù ông ta, sau ngày cưới, tôi lần lượt bắt nhân tình với bất cứ ai tôi thích. Có những chuyến ông ta sang Đông Âu mấy tháng, tôi ở nhà tha hồ tự do mặc thiên hạ rồi mồm đảm tiếu. Là nhà thơ chắc anh hiểu tính vụ lợi của những mối quan hệ xác thịt không xuất phát từ tình yêu. Ngay cả điều ấy đối với tôi cũng vô nghĩa. Từ hôm bước lên xe hoa đời tôi coi như đã bỏ đi. Được khoảng hai năm gì đó, tôi đã có trong tay bộ sưu tập đủ các kiểu bồ bịch, từ chàng sinh viên nghèo miệng còn hơi sữa đến các lão già đầu đã hai thứ tóc nhưng lắm tiền thích chơi trống bỏi. Dần dần ông ta cũng biết nhưng không dám làm to chuyện mà chỉ ngầm ngầm đánh tôi, vì sợ mất thể diện. Cho đến một lần ông ta đi công tác miền Nam. Những ngày ấy, gã lái xe đêm nào cũng mò vào phòng tôi. Tôi chẳng ưa gì gã, nhưng như trên đã nói, để trả thù đời, cần gì phải lựa chọn lũ bỏi tình. Ai ngờ đêm thứ ba ông ta đã bay ra, không gọi lái xe mà về bằng taxi, mở cửa bằng chìa khoá riêng. Chúng tôi ngủ mệt, bị bắt quả tang.

Phần tiếp theo anh không thể hình dung được đâu, dù là bằng trí tưởng tượng của một nhà thơ. Vị "công bộc" cấp cao của dân chửi rủa chúng tôi bằng thứ ngôn ngữ sặc mùi hàng tôm hàng cá rồi đặt tay lên điện thoại định gọi cho ai đó thì gã lái xe thản nhiên bảo :

- Ông nên im chuyện này đi, nếu không, trước lúc vào tù, tôi sẽ đến cơ quan công an tố cáo ông sai tôi và thằng Phi sát hại nhà thơ Việt Tuấn. Băng ghi âm cuộc nói chuyện đã được cất giữ ở một nơi an toàn...

Nghe thấy thế, mặt ông ta bỗng nhiên xám ngoét, lão đảo bước vào phòng riêng, ở lý trong đó cho đến trưa hôm sau. Buổi chiều, cơ quan có cuộc họp quan trọng. Ông ta đang phổ biến nửa chừng về một nghị quyết nào đó thì đột nhiên gục xuống. Người ta vội vàng đưa đến bệnh viện Hữu Nghị cấp cứu nhưng không kịp vì chứng nhồi máu cơ tim.

Tang lễ cử hành xong tôi cũng bỏ luôn cái biệt thự đầy những hồn ma ấy ra đi. Sau những ngày lang thang, tôi tìm đến một ngôi chùa ở miền sơn cước cách rất xa thành phố tự nguyện xuất gia đầu Phật. Từ đấy mới thấy lòng mình thanh thản. Cái quá khứ bi thảm dường như đã được chôn chặt. Tôi tưởng rằng, bằng vào sự thành tâm mình sẽ ngộ đạo, ai ngờ, trong đêm hành hương trên con đò dọc này lại gặp một nhà thơ...

- Hình như ngày xưa nhà thơ và kỹ nữ đã có duyên nợ với nhau... - Anh an ủi nàng.

Nàng im lặng, tay nhẹ nhàng lần chuỗi tràng hạt. Anh lấy ra một tập thơ tặng ni cô. Nàng chấp tay, lắc đầu :

- Làm thơ cũng là một nghiệp chướng. Tôi đã lánh cõi trần nường bóng từ bi, trong trái tim không còn chỗ cho các nhà thơ ngoài một nhà thơ đã bị kẻ ác hãm hại. A di đà phật !

\*

Sáng tinh mơ, Con đò qua một đêm ngược nước đã cập bến Tràng. Lão lái đò mặt hốc hác vì thiếu ngủ khật khưỡng nhảy lên bờ neo thuyền. Gã rậm râu và cô gái nhà quê dắt nhau biến vào dòng người đi hội rất nhanh. "Bà dì" ngủ quá giấc, khi thức dậy thấy "cô cháu" đã bỏ đi liền réo chửi " Thằng ngô con đĩ " bằng những lời thô tục nhất mà chỉ có những loại buôn phẩn bán sơn như mụ mới có thể nghĩ ra được. Lão lái đò ngáp một cái đến sái quai hàm rồi ranh mãnh nhìn mụ nháy mắt :

- Thế là mất toi một "món hàng".

"Bà dì" mất vốn, xót ruột vặc lại lão lái đò :

- Chỉ tại cái đò khỉ chết tiệt !

Lão cười hề hề :

- Thì làm chuyến khác. Cứ vào lễ đền thật hậu là thế nào Chúa Bà cũng phù hộ một vốn bốn lời...

Nhà sư khoác khăn gói đứng dậy. Anh cũng xách túi bước lên bến. Hai người men theo bờ sông. Cát mịn dưới chân lấp loá ánh bình minh còn nhoè nước. Anh nhìn ni cô giọng nhỏ nhẹ :

- Ta lên đền Bà chúa chứ ?

Nàng lắc đầu bảo :

- Minh anh lên thôi, tôi đi hành hương...

- Kia, sao lại thế, tên em là gì ?

Ni cô cười buồn :

- Điều đó có nghĩa gì đâu anh. Vĩnh biệt nhà thơ.

Nàng bước nhẹ trên cát. Anh đứng nhìn theo cho đến khi bóng nàng khuất vào hẻm núi trước mặt mới quay lại bến đò. Lão lái đò lấy làm lạ, neho cặp mắt vẫn còn ngái ngủ hỏi :

- Anh đi lễ đền Chùa Liễu kia mà ?

- Không, tôi thay đổi ý định rồi.

Anh lắc đầu bảo - Chốc nữa đủ khách ông lại cho tôi xuôi đò.../.

*Bến Tràng, năm Canh Thìn, tháng trọng thu*

(\*) Rượu nấu thủ công (rượu ngang)

## Chuyển kiếp

Hắn vào nghề này hoàn toàn bởi sự tình cờ. Hồi ấy hắn mất việc thậm chí xuýt nữa phải "nhập kho" (1) vì bị gã đồng sự phản thùng sau lần tổ hắn biển thủ cả một xe điện thoại di động bất được của bọn buôn lậu ở dốc Đá Trắng. Hắn thoát khỏi bộ quần áo sòng sọc không phải do thể mạnh của dây rợ hay ô dù gì, mà đơn giản chỉ vì, ông giám đốc vốn là thường vụ tỉnh uỷ, đang ngấp nghé ghế phó chủ tịch, nên đã im chuyện đi. Hắn chỉ bị xử lý nội bộ rồi lạng lẽ cuốn gói không kèn không trống.

Trên đường về, qua thị trấn Đông Ký, một phố huyện mới phát lên từ thời mở cửa, hắn bước vào quán thịt chó. Trước khi hoàn dân, hắn muốn đập phá lần cuối cùng để đưa ma cho sự nghiệp mười sáu năm tận tụy với nghề bây giờ bỗng chốc trắng tay. Tại đây, hắn nhận lời chạy hàng cho bà chủ quán tên là Trần Thị Vinh nhưng khách vẫn quen gọi là "mụ Béo". Bà chủ quán, bốn mươi hai tuổi, mặt đỏ hoa, giống như một cây thịt với bộ ngực đồ sộ và cặp mông núng nính tuy nhiên dáng đi lại khá nhẹ nhàng uyển chuyển. "Hàng" đây là các chú cầy tơ với đủ các thứ gam màu đen, vàng, vằn, vện... để ngày ngày các tay đầu bếp chuyên nghiệp chế tạo ra thứ "mộc tồn" (2) bảy món nổi tiếng phục vụ các "thượng đế" có nguồn thu nhập mờ ám nhưng khá ổn định từ các dự án xoá đói giảm nghèo.

Lúc hắn đang ăn có một người đàn ông béo tốt bước vào. Nhìn thấy chủ quán, ông ta nói ngay:

- Chị làm gấp cho hai mâm. Nhớ là loại cầy tơ...

Bà chủ đang thái bánh phở, quăng dao, nhìn khách nhăn nhó:

- Gay lắm, từ sáng đến giờ chẳng mua được con nào cả ông ạ.

- Chị nói thật hay đùa đây? - Người đàn ông chợt nghiêm giọng - Hôm nay lãnh đạo Ủy ban làm việc với các sếp Tài chính và Ngân hàng tỉnh xin kinh phí. Quan trọng lắm. Chị cố thu xếp cho.



- Tôi không đùa đâu. Chú có biết các quán khác đã đóng cửa từ cả tháng nay chỉ vì cái lệnh "cấm" của ông chủ tịch nhà chú không? Chung quanh đây hết chó rồi, mà đi xa thì không có người. Thà dẹp tiệm cho khoẻ.

Nghe câu chuyện nhảm nhăng giữa hai người, hấn chợt nảy ra một ý. Chờ ông khách ra khỏi quán, hấn bước lại gần bà chủ khế bảo :

- Tôi có thể cung cấp ...chó cho bà.

- Chú ở đâu ta?

- Bên Nam Thành, cũng gần đây thôi. Huyện tôi chưa thấy có lệnh cấm.

Bà chủ bưng ra một đĩa dồi hấp, một bát nhựa mặn, một chai 65 (3) rượu ngang đặt trước mặt hấn:

- Coi như tôi đãi chú. Buổi sơ giao, tuy chưa biết rõ lai lịch nhưng tôi quý chú ở tính hào hiệp.

Hấn rót rượu, và nhấm nháp các món đặc sản vừa hỏi nhỏ:

- Cái ông béo vừa rồi là ai thế ?

- Ông chánh văn phòng uỷ ban vừa đi nghỉ mát Đà Lạt bằng tiền "chùa" (4) về. - Bà chủ quán hát hàm - Mới về nên ông ta chưa biết cái lệnh cấm nuôi chó. Với lại văn phòng đã ghi nợ ở quán tôi hơn chục triệu rồi, bây giờ cho ký nữa thì hết vốn.

- Ra thế...

- Vậy cứ hai ngày một lần chú mang đến cho tôi.

- Mấy con thì vừa ?

- Được ba bốn thì càng tốt nhưng ít nhất cũng phải có hai. - Bà chủ hướng cặp mắt lá rằm lúng liếng dưới hai hàng lông mày rậm xoắn tít, nặng sùm sụp, nói chẳng biết thật hay bỡn - Dù sao đây cũng là một hợp đồng làm ăn, tôi sẽ sửa cái lề vào cửa "Cô" để "Cô" phù hộ cho.

Hấn nheo mắt cười, giọng chót nhả :

- Thế nhờ tôi phá hợp đồng thì sao ?

- Chú cứ đùa. - Bà chủ lấy ngón tay vuốt quét trầu hai khoé miệng, thần nhiên bảo- Đã làm ăn với nhau thì phải lấy chữ tín làm đầu. Trên đời, hay gì những quân lừa lọc, tráo trở...

Hấn gật đầu cảm ơn rồi bước ra với bộ mặt tái nhợt, thông thả dắt xe đạp. Bà chủ quán như chợt nhớ ra điều gì, gọi khế :

- Này, chú gì ơi !

Hấn quay lại :

- Chết, quên , tôi chưa thanh toán...

- Không, đã bảo tôi đãi chú kia mà. Chú tên là gì?

Hấn nói, tất nhiên là một cái tên giả.

- Cảm trước lấy trăm nghìn làm vốn.

- Chị không sợ tôi cầm tiền rồi "phấn" (5) à ?

- Đã bảo làm ăn bây giờ phải lấy chữ tín làm đầu. Tôi tin chú vì trông chú có vẻ lương thiện.

Trên đường về hấn phác ra một kế hoạch. Dù sao thì cũng rất ít người biết hấn là viên cảnh sát bị "tuột xích" trong một vụ án mập mờ do ăn chia không đều. Hấn chỉ là gã tốt đen, thấp cổ bé họng làm vật hy sinh cho các sếp sòng, sau đó những "đại ca" đều giả và tham ăn như chó này trở mặt làm cho hấn thân bại danh liệt.

Quê hấn là xứ đồng chiêm trũng, xa tỉnh, xa huyện, lại chậm phát triển, ít thông tin. Trừ mấy thằng bạn khác ngành ở các xã loanh quanh đã được dặn trước, còn nói chung bà con dân

làng vẫn yên trí hấn là cán bộ nhà nước. Hấn lại có mối quan hệ khá tốt với ông chủ tịch nên mọi bí mật về đời tư đều được giữ kín.

Việc làm đầu tiên là hấn thuê đan lồng sất và tự tay làm chiếc thòng lọng bằng dây dù, cán tre. Với bộ đồ nghề đó, hấn dọc ngang khắp các làng gần làng xa (tất nhiên trừ làng hấn) trong bộ quần áo bò tàng tàng, cái mũ lá rộng vành và cặp kính đen gọng to bằng ngón tay, tìm cái thứ đặc sản mà bà chủ quán phố huyện Đông Kỳ hợp đồng. Xong việc, hấn gửi bộ đồ nghề trong nhà một thằng bạn mới quen làm nghề lái công nông, lên thị trấn tá túc ở cái nhà bẹp của thằng bạn độc thân vừa đi trại Vân Lĩnh về. Vài tuần một lần, hấn đảo qua nhà đưa tiền cho vợ nuôi con. Phần còn lại, hấn không tiêu pha phung phí mà tích cóp lại, cho vay lãi qua bà chủ quán làm trung gian. Công việc của hấn khá thuận lợi, có những hôm gom được cả chục con. Hấn nhốt lại ở nhà thằng bạn, bán dần từng cặp hoặc ba con một. Bà chủ là người rộng rãi và sòng phẳng. Có lần, hàng mang đến không phải cây tơ, bà ta vẫn trả đến hai mươi nghìn một ký, và lần nào cũng vậy, đều đãi hấn một bát phở bốc khói. Còn rượu thì tùy thích, uống bao nhiêu cũng được.

Điều làm hấn suy nghĩ đôi chút có lẽ là ở hai việc đáng buồn sau đây. Vào một hôm trời mưa, hấn đến làng Bía ở phía nam đường 183 tìm hàng. Người ta mách ông Vấn có con chó hay ăn gà muốn bán. Hấn dựa xe ở cổng rồi vào nhà. Ông Vấn là chính uỷ trung đoàn, hồi hưu hơn chục năm, trình độ học vấn chưa hết lớp ba nhưng thuộc nằm lòng tất cả các nghị quyết từ trung ương đến địa phương của Đảng, thấy một thanh niên sức dài vai rộng, tướng mạo xem ra cũng khá mà lại làm nghề buôn chó, ngứa mắt bảo :

- Anh không kiếm được nghề nào đỡ nhếch nhác hơn à ?

Hấn điên tiết quát vào mặt lão già kiêu binh :

- Ông về hưu, ngồi mát ăn bát vàng, cứ nằm ườn ra đấy có Đảng nuôi, cần đêch gì đến ai. Còn tôi, bị mất việc, nhục như con chó nên mới phải buôn chó nuôi vợ con. Đề nghị ông đậy cái miệng lại cho.

Chuyện thứ hai. Hôm hấn sang sông vào làng Giành. Gần trưa, hấn đã mua được hai con, định kiếm thêm con nữa, chiều đi luôn, sáng mai về. Đến cổng ngôi nhà có giàn thiên lý trước cửa, hấn đánh tiếng. Nhà chủ đang ăn cơm. Chẳng ngờ, người ra mở cửa lại là cô trung úy phụ trách hộ khẩu phòng Quản lý hồ sơ đang kỳ nghỉ phép. Thế là chẳng kịp nói câu nào, hấn nhảy phốc lên xe co cẳng đạp như bị ma đuổi.

Được hơn một năm, thị trường "mộc tồn" bắt đầu biến động. Mặt hàng đặc sản này vốn hấp dẫn khách nên số lượng quán nhậu đột nhiên nở rộ như nấm mùa xuân. Đội ngũ "di vụ cho" (6) phát triển theo cấp số nhân, đông đảo đến mức đi đâu cũng chạm nhau. Hơn nữa, lệnh cấm đã bắt đầu được ban bố ở một số vùng trong huyện của hấn. Chó hiếm dần mà yêu cầu của bà chủ ngày càng cao, hấn đâm lo. Sau tết âm lịch, nghĩa là vào đúng thời kỳ các quán nhậu bắt đầu mở cửa cho một năm mới thì "cày" (7) các loại ở địa bàn hấn gần như cạn kiệt. Đây là thứ dịch vụ tạm thời kiếm ra tiền. Vợ con trông cậy vào chiếc thòng lọng, hấn không thể giải nghệ. Làm cách nào đây?

Sau một đêm vắt óc suy nghĩ, hấn bỗng nhớ ra đàn "cày" đông đúc ở làng, vốn là vùng hẻo lánh nên chưa bị lệnh cấm đe dọa. Tuy nhiên phải hợp lý hoá bằng cách nào để không lộ tẩy? Máy con đầu có thể nói phứa mua cho cơ quan liên hoan tổng kết chiến dịch truy quét tội phạm hoặc hội nghị an ninh khu vực, nhưng còn những con tiếp theo? Bài toán dù hóc búa đến đâu cũng có lời giải. Hồi trước, một thằng bạn làm quản giáo bên trại Ba Lãng có truyền cho hấn chút ít về nghiệp vụ chó, hơn bao giờ hết, đây chính là lúc hoạ vô đơn chí, hấn quyết định tận dụng nó như một thứ cầm nang trời cho.

Làng Chòi rộng, nhà tranh vách đất tuềnh toàng, nhiều đường ngang ngõ dọc. Cả một cộng đồng đông đúc từ chó đen, chó vàng, chó vá đến chó vện, chó lai cứ theo nhau biến mất không để lại dấu vết làm dân chúng nháo nhào. Ông trưởng công an, sau hôm mất con chó vàng "tứ túc mai hoa" (8) nói với bố vợ hắn :

- Bọn này chủ trương diệt hết chó làng ta rồi mới chuyển sang bước thứ hai là gây án có tổ chức đây. Đầu nhất là nó lại nhè đúng nhà mình...

Ông bố vợ hắn, tuy chưa bị mất nhưng xem ra đã nổi cơn điên, giọng hậm hực:

- Các ông làm ăn chán bỏ mẹ, chưa tối đã rúc váy vợ, nó xỏ mũi là phải. Tôi đã thuê phó Viện rèn một ngọn mác, thẳng nào lờ ngó mò vào là xiên luôn cho hết giống trộm cắp. Mà cũng lạ, nếu bảo bị đánh bả thì cũng có những con không mang đi được, đảng này hầu như con nào cũng mất tăm, tựa như có phép tàng hình.

Hắn cười thâm. Trừ những trường hợp nhốt cũi để trong nhà, còn nói chung, không mấy con thoát khỏi bàn tay như có phép màu của hắn. Hắn có thứ thuốc khá hiệu nghiệm giống như chất ma túy đặc biệt hấp dẫn đối với chó. Người thấy mùi "ma dược" ấy, bất cứ con nào, dù khôn ngoan đến mấy cũng bị thôi miên. Nó sẽ tự động bỏ vị trí canh gác, chúi mũi tìm đến nơi có mùi. Hắn chỉ việc dùng thòng lọng chẹt cổ, xoa thuốc vào mõm rồi mang đến căn hầm bí mật cho vào lồng sắt. Chừng vài giờ sau, thuốc mê hết tác dụng, lũ chó tỉnh lại, khoẻ mạnh như thường. Đến lúc ấy thì hắn đã ung dung đạp xe trên quốc lộ 183, đàng hoang, lương thiện như bất cứ "di vụ cho" nào khác.

Hết chó bên ngoài, hắn bắt đầu "tỉa" chó của cửa hàng. Đầu tiên là ông chú ruột, một con xám tro nặng mười bảy ký rưỡi, được ba trăm năm mươi ngàn. Bà thím tiếc đứt ruột, đắp mả hờ, trồng cây chuối ngược, thấp hương chửi đúng bốn mươi chín ngày đêm. Nhưng rồi chó của các ông chú, bà thím, ông cậu, bà cô cũng dần dần biến sạch. Bà chủ quán thấy ngày càng hiếm, tăng lên hai mươi mốt ngàn một ký và yêu cầu hắn vẫn duy trì hợp đồng. Hắn, sau khi làm xong chén rượu với bát phở nhựa mặn, mặt nóng bừng, nhưng giọng vẫn tỉnh, bảo :

- Bà cảm phiền cho. Đạo này họ cấm ngặt. Hết chó rồi. Hôm qua tôi phải lạy van mãi bà dì mới được con này...

Bà chủ tỏ ra thông cảm, giọng năn nỉ :

- Bây giờ tôi chỉ còn trông cậy vào mảnh của chú. Hôm rằm vừa rồi, tôi đã đến điện Tràm bốc hai bát hương và xin với "cô" phù hộ cho chị em mình ăn nên làm ra, không phản lại nhau.

Sau vụ chết hụt do bị ông chủ nhà xóm Giữa lao mũi mác vào chân, hắn đâm tin vào trò đồng cốt, bói toán. Nghe bà chủ nói, hắn thoáng thấy sợ. Trên đường về, hắn tự nhủ, cũng chỉ còn hơn chục ngày nữa, thôi đành cố vậy, rồi sau sẽ liệu.

Con thứ nhất và con thứ hai của ông chủ tịch. "Ông thông cảm. Chẳng còn cách nào khác. Xong việc. tôi sẽ mang toàn bộ số tiền bán hai con chó đặt vào khe cửa nhà ông". Con thứ ba của chính ông bố vợ hắn. Đối với hắn, xích sắt, khoá và lưới mác sáng loáng của phó Viện không là gì. Hắn mang đi con chó đen "huyền đề" (9) và để lại cửa buồng một bọc tiền. Ông trưởng công an biết chuyện, sang chia buồn. Cả hai nhìn nhau lắc đầu, không biết nói thế nào về vụ trộm lạ đời.

Nhà hắn có một con chó trắng. Hắn tự bào chữa, mang chó nhà đi không phải là ăn trộm. Hắn sẽ cầm tiền về cho vợ. Tuy nhiên, quyết định rồi nhưng trong thâm tâm vẫn có điều lẩn cẩn. Hắn bán chó, chẳng may trộm mò vào nấng sạch đồ đạc trong nhà thì biết tính sao? Mà hắn lại thường xuyên đi vắng. Nghĩ thế nhưng rồi hắn lại tặc lưỡi: "Cứ biết thế đã, ở đây lệnh cấm chỉ có tính tượng trưng, nay mai mua con khác". Vậy là đêm ấy chính nhà hắn mất chó.

Còn hai ngày nữa mới hết hội. Hắn phải kiếm bằng được con cuối cùng cho đủ số lượng giao kèo. Làng hắn gần như đã hết, trừ vài con chó ghê, trĩu sạch lông, gầy gò xương chẳng bỏ động tay. Hắn chợt nghĩ đến làng Trại bên kia sông. Tình cờ, chiều ấy từ xóm Trại về, hắn nghe ngoài đê có tiếng chó sủa. Đó là nhà bà Tảo goá chồng, ngôi nhà duy nhất ngoài bãi mà hắn chưa mò đến. Bà Tảo gần bảy mươi, mắt kém, có con chó vệ mới đẻ chừng già nửa tháng. Chó mẹ tuy nuôi con nhưng khá béo và cái chính là rất khôn.

Chung quanh nhà có vườn chuối tây tốt như rừng. Đêm ấy, hắn huýt sáo nhẹ rồi vút miếng mồi có tẩm "ma dục" vào góc vườn. Con chó khịt mũi đánh hơi nhưng nhất định không ra. Hắn chờ đến nửa tiếng, con Vệ vẫn đứng nép dưới gốc chuối cảnh giác, thỉnh thoảng lại rít lên khe khẽ. Nóng ruột, hắn xoa thuốc làm mất hơi người vào mặt và chân tay, sau đó lách cổng chui vào ném miếng bả thứ hai. Con vật hình như chưa hoàn toàn tê liệt mọi giác quan. Cặp mắt nó mở trừng trừng, lóng lánh như mắt ma. Biết rõ trong nhà chỉ có một người đàn bà hoàn toàn không còn khả năng tự vệ, cùng với máu liều của một gã lưu manh từng được đào luyện trong bộ máy công quyền, hắn càng thêm vững tâm trong phi vụ cuối cùng. Lúc này con chó vừa nhìn xoáy vào hắn vừa lấy hai chân cào cào xuống đất rồi quay đầu chạy vào vườn chuối. Hắn cảm thấy lạnh và thất vọng. Bỗng nhiên có tiếng chó con gọi mẹ khe khẽ. Hắn áp tai vào đầu nhà và bất ngờ phát hiện ra đàn chó ở trong gian bếp nhỏ, cửa không khoá, nằm đối đầu với ngôi nhà chính. Lặng lẽ như một tên kẻ trộm chính cống, hắn lén vào bếp lần đến ổ chó bắt hai con. Quả nhiên, hắn vừa ra đến cổng, con chó mẹ lại xuất hiện. Nó rên ư ử, nhe răng lao vào hắn. Hắn nhanh tay vút miếng mồi thứ ba. Con Vệ vội lùi lại nhưng "ma dục" đã làm nó mất mọi phản ứng. Hắn quẳng lũ chó con vào vườn chuối, rút thòng lọng tròng vào cổ con chó mẹ...

Sáng hôm sau, đúng vào ngày cuối cùng của mùa hội, hắn đạp xe vượt chặng đường mười bảy cây số đến thị trấn Đông Kỳ. Bà chủ quán đang sốt ruột, thấy hắn, mắt sáng lên:

- Hôm nay chú không đến thì tôi sập tiệm. Và mới có một đoàn khách của huyện uỷ đặt ba mươi tám suất mà chưa biết trông vào đâu.

Hắn đỡ chén nước nóng uống một ngụm rồi bắt đầu mở cửa lồng. Con chó bị trói hai chân trước quặt ra đằng sau, nằm bẹp một góc. Bị quăng xuống đất, nó giãy giụa, quằn quại, nhót dãi chảy lòng thòng, một bên mõm dính đầy cát. Như có luồng điện khá mạnh xuyên qua người, hắn không dám nhìn vào mắt nó nhưng linh tính báo cho hắn biết có chuyện chẳng lành. Con chó thở hồng hộc và bỗng nhiên tru lên một hồi dài thê thảm như tiếng loài sói bị thương hú gọi đàn. Tiếng hú âm âm, ghê rợn làm bà Béó phát hoảng, chắp hai tay vái lấy vái để lên bàn thờ Thổ công. Hắn cười gằn, vớ cây gậy ở gầm giường vụt vô tội vạ. Nhưng có lẽ do tâm thần bắt đầu hoảng loạn nên hắn toàn đạp trượt. Con chó cố sức vùng vẫy, và, chẳng biết trong lúc hiểm nguy, nó làm cách nào giựt tung được dây trói, nép vào góc tường tránh đòn. Hắn quyết định trừng phạt đến cùng con chó láo lếu, liền cầm gậy bằng cả hai tay vung lên quá đầu. Trong khoảnh khắc, con chó ngẩng lên, hai cánh mũi phập phồng, run run. Từ cặp mắt thất thần của nó lã ra những giọt nước trong suốt như thủy tinh pha lê. Lần đầu trong đời nhìn thấy sự lạ, hắn tái mặt, quẳng gậy, lùi dần về phía sau. Được tự do, con chó lững lự vài giây rồi mới cúp đuôi rông thẳng ra đường.

Hắn ngồi xếp xuống, mắt trợn ngược, toàn lòng trắng. Mọi phản xạ lúc này có vẻ không theo quy luật tự nhiên nữa. Hắn tựa như kẻ mất hết khả năng suy nghĩ mà lẩn mò trong thế giới vô thức. Và rồi, chẳng biết thứ ma quỷ nào ốp vào, thốt nhiên, hắn bỏ quán bà Béó, bỏ cả xe đạp với chiếc lồng sắt chạy bỏ ra đường đuổi theo con chó khốn khổ. Đầu hắn lao về phía trước, hai tay chơi vơi, miệng sùi bọt, sủa văng lên :

- Gâu ! Gâu !./.

(1) Đi tù

- (2) Là chó theo cách giải câu đố của Trạng Quỳnh
- (3) Chai thủy tinh dung tích 65cc
- (4) Tiền do nhà nước cấp
- (5) Chạy (tiếng lóng)
- (6) Dịch vụ chó : Dịch vụ chó (tên gọi tắt theo kiểu Tây)
- (7) Cày : một cách gọi khác của chó
- (8) Những biểu hiện của loại chó khôn
- (9) Một trong những đặc điểm của loại chó khôn